TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN
NHÓM TƯ VẤN QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN RỪNG VÀ MÔI TRƯỜNG - FREM

SỔ TAY NHẬN BIẾT
CÁC LOÀI CÂY GỖ THƯỜNG GẶP

KIỂU RỪNG LÁ RỘNG THƯỜNG XANH VÀ NỬA RỤNG LÁ

Ở TÂY NGUYÊN

Năm 2012

MỞ ĐẦU

Sổ tay xác định nhanh loài thực vật trong các hệ sinh thái rừng, vùng sinh thái với mục đích hỗ trợ cho nhân viên lâm nghiệp hiện trường, giảng viên, nhà nghiên cứu, sinh viên, học sinh và những người quan tâm có thể tra cứu, xác định nhanh loài thực vật trong rừng.

Với mục đích đó, sổ tay này được xây dựng và sử dụng theo nguyên tắc:

- Tra cứu nhanh loài thực vật cho từng kiểu rừng, vùng sinh thái. Do vậy sổ tay được lập riêng cho từng đối tượng; mỗi kiểu rừng và vùng sinh thái có một sổ riêng; khi vào khu rừng nào, địa phương nào cụ thể thì chọn sổ thích hợp để giới hạn số loài cần định danh.
- Việc mô tả sinh thái, hình thái loài chỉ lựa chọn những đặc điểm có thể nhận biết ngay trong rừng, không chép lại các sách phân loại thực vật.
- Xác định loài nhanh thông qua hình thái cây bằng các hình ảnh chỉ thị rõ ràng và có thể nhận biết, thấy được ngay trong rừng như lá, cành, hoa, quả, vỏ, bạnh cây, nhựa, giác gỗ, ….
- Xác định nhanh thông qua đặc điểm nhận dạng đặc biệt riêng có của loài đó như: cành mọc ngang, vỏ có nhựa mủ đỏ, giác vàng …
- Loài được sắp xếp theo thứ tự A, B, C theo tên phổ thông của loài đó
- Ngoài ra một số loài đặc biệt có thể có thêm thông tin về công dụng, đặc điểm gỗ, sinh thái, mức quy hiếm, nguy cơ tuyệt chủng …

Sổ tay là tài liệu mở, thường xuyên được cập nhật bởi tất cả thành viên tham gia, do vậy mỗi thành viên trong quá trình nghiên cứu trong rừng có thể thu thập hình ảnh, thông tin để cập nhật; được in màu để làm việc trong rừng và upload và cập nhật trên web site: http://www.socialforestry.org.vn

Trưởng nhóm tư vấn

PGS.TS. Bảo Huy

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI XÂY DỰNG SỔ TAY

Stt	Họ và tên	Học vị học hàm	Trách nhiệm
1	Bảo Huy	PGS.TS.	Chủ biên Xây dựng cấu trúc sổ tay, khóa tra
2	Nguyễn Đức Định	Th.S.	Thu thập hình ảnh, dữ liệu, thông tin và định danh thực vật, xây dựng các khóa tra
3	Nguyễn Thế Hiển	KS.	Thu thập hình ảnh, mẫu vật, dữ liệu trên hiện trường và tập hợp thành sổ tay, khóa tra
4	Các thành viên FREM, sinh viên		Tham gia thu thập hình ảnh, mẫu vật

DANH MỤC TÊN LOÀI THEO TIẾNG VIỆT

1. AN TỨC HƯƠNG 8
2. BA BÉT 10
3. BÁCH XANH 12
4. BÀI NHÀI POILANE 14
5. BÀI NHÀI TÍCH LAN 16
6. BẢN XE 18
7. BẢN XE, CÁNH GIÁN 20
8. BẰNG LĂNG ỔI 22
9. BÌNH LINH CÁNH 24
10. BÌNH LINH NGHỆ 26
11. BỜI LỜI 28
12. BỜI LỜI CHANH 30
13. BỌT ẾCH 32
14. BỨA 34
15. BỨA LÁ DÀY 36
16. BỨA LÁ LỚN, TAI CHUA 38
17. BỨA LANESSAN 40
18. BỨA NÚI 42
19. BÙI NƯỚC 44
20. BÙI TÍA 46
21. BƯỞI BUNG 48
22. CÁCH MIÊN 50
23. CÀ TE 52
24. CHẠC KHẾ 54
25. CHẸO TÍA 56
26. CHÒ XÓT 58
27. CÒ KE LÔNG 60
28. CÔM BÔNG LỚN 62
29. CÔM ĐỒNG NAI 64
30. CÔM LÁ CHÈ 66
31. CÔM NẾN 68
32. CỒNG NÚI 70
33. CUỐNG VÀNG 72

34. DẠ HỢP 74
35. DÂU DA 76
36. DÂU TIÊN 78
37. DẦU NƯỚC 80
38. DẦU RÁI 82
39. DẺ ĐÁ 86
40. DẺ ĐÁ CỌNG MẢNH 88
41. DẺ LÁ LỚN 90
42. DÓ BẦU 92
43. DUNG 94
44. ĐA BỒ ĐỀ 96
45. QUAO VÀNG 98
46. ĐINH, QUAO RĂNG 100
47. GIÁC ĐẾ SÀI GÒN 102
48. GIÁNG HƯƠNG 104
49. GIANG QUẢNG ĐÔNG 106
50. GIỀN ĐỎ 108
51. GIỔI 110
52. GIỔI XƯƠNG 112
53. GÕ MẬT 114
54. GÕ NƯỚC, GỤ LAU 116
55. GỘI NÚI 118
56. HÈO, SANG TRẮNG 120
57. HỒI NÚI 122
58. HỒNG QUANG 124
59. HUỲNH NƯƠNG 126
60. KÈ ĐUÔI BÔNG 128
61. KIỀN KIỀN 130
62. KIM GIAO 132
63. LIM XẸT 134
64. LỌ NỒI Ô RÔ 136
65. LỘC VỪNG, CHIẾC CHÙM 138
66. LÔI 140
67. LÒNG MÁNG 142

68. LƯỠI NAI 144
69. MAO ĐÀI LÔNG 146
70. MÂN MÂY 148
71. MÁU CHÓ LÁ NHỎ 150
72. MÁU CHÓ LÔNG 152
73. MÍT NÀI 154
74. MÍT NÀI, CHAY LÁ BÓNG 156
75. MỠ 158
76. MÙNG QUÂN GAI ĐƠN 160
77. MUỒNG ĐEN 162
78. MUỒNG SUMATRA 164
79. MUỒNG HOA ĐÀO 166
80. NA HỒNG 168
81. NGÁI 170
82. NGÂU RỪNG 172
83. NGÁT VÀNG 174
84. NGŨ GIA BÌ, CHÂN CHIM 176
85. NHỘI 178
86. NÚC NÁC 180
87. PHAY, BẦN BẰNG LĂNG 182
88. PHỈ LƯỢC THUÔN, ĐỈNH TÙNG 184
89. PƠ MU 186
90. QUAU NƯỚC 188
91. QUẾ 190
92. QUẾ CUỐNG DÀI 192
93. QUẾ RÀNH 194
94. QUẾ GỪNG, RE BẦU 196
96. SANG MÁU 198
97. SANG MÁU RẠCH 200
98. SĂNG MÂY 202
99. SAO ĐEN 204
100. SẤU TÍA, SẤU NAM 206
101. SẾN ME, SẾN NAM BỘ 208
102. SẾN NÚI 210

103. SẾN NÚI LỚN **212**
104. SẾN XÃ **214**
105. SÒI TÍA **216**
106. SÓNG RẮN **218**
107. SỔ BÀ, SỔ ẤN **220**
108. SỔ BLANCHARD **222**
109. SỔ NHÁM **224**
110. SƠN MUỐI **226**
111. SỤ THON **228**
112. SỮA, MÒ CUA **230**
113. SỮA LÁ HẸP **232**
114. SƯNG ĐUÔI **234**
115. THÀN MÁT **236**
116. THÀN MÁT ĐEN **238**
117. THANH THẤT **240**
118. THỊ **242**
119. THỊ CÁNH SEN **244**
120. THỊ ĐÀI LÔNG **246**
121. THỊ HASSELT **248**
122. THÔNG 3 LÁ **250**
123. THÔNG 5 LÁ **252**
124. THÔNG 2 LÁ DẸT **254**
125. THÔNG NÀNG, THÔNG LÔNG GÀ **256**
126. THÔNG NƯỚC **258**
127. THÔNG TRE **260**
128. TÔ HẠP NAM **262**
129. TRAI TÍCH LAN **264**
130. TRÁM NÂU **266**
131. TRÂM BỒ ĐÀO **268**
132. TRÂM ĐỎ **270**
134. TRÔM ĐỒNG NAI, SẢNG CÁNH **272**
135. TRÔM HÔI **274**
136. TRÔM HOA NHỎ **276**
137. TRÔM LÁ QUẠT **278**

138. TRƯỜNG HÙNG LÔNG, TRÔM 280
139. ƯƠI, LƯỜI ƯƠI 282
140. VÀNG ANH 284
141. VÀNG NGHỆ 286
142. XÁ XỊ 288
143. XĂNG MÃ NGUYÊN 290
144. XOÀI VÀNG 292
145. XOAN 294
146. XOAN ĐÀO 294
147. XOAN MỘC 298
148. XOAN TA 300

1. AN TỨC HƯƠNG

Tên phổ thông loài: An tức hương, bồ đề nam

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Styrax benzoides* Craib.

Họ: Styraceae

Bộ: Ericales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa	Quả
	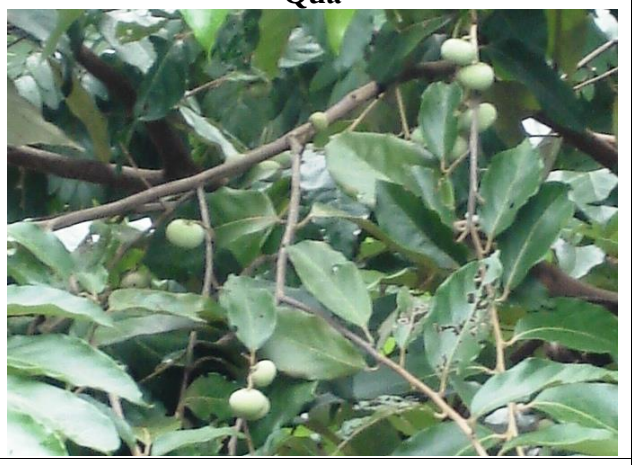

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ nhỡ, vỏ màu xám tro, thịt vỏ màu nâu đỏ, vết đẻo để lâu có tiết nhựa thơm

Cây có cành mảnh, thường rũ xuống.

Mặt dưới phiến lá màu trắng bạc, gân lá nổi rõ.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh hay bán thường xanh hay bị cháy. Độ cao từ 500 – 1500m. Mọc cùng với cây họ Dầu – Chiêu liêu – Dẻ – Sơn huyết.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ hay bụi, cao 10-15m, cành non có lông hình sao, rất ngắn, màu nâu vàng đến xám. **Lá** đơn mọc cách, phiến hình xoan nhọn đầu, dài 7-15cm, rộng 3,5-6cm, mặt dưới lá màu trắng bạc, có 6-7 cặp gân lá phụ cấp 1 và gân nhỏ hình mạng nổi rõ. **Hoa** trắng, nhị 10. **Quả** hình cầu hơi dẹt, có cạnh khía ở đầu.
Công dụng	Gỗ làm diêm, giấy. Có tinh dầu.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VIII
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 661, Nxb Trẻ, 1999

2. BA BÉT

Tên phổ thông loài: Ba bét

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Mallotus paniculatus* (Lamk.) Mueli._Arg.

Họ: Euphorbiaceae

Bộ: Euphobiales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa	Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ có thân tròn, tán thưa, cành và cuống non phủ lông màu hung.

Lá đơn mọc cách, đầu lá kéo mũi nhọn hoặc xẻ thùy chân vịt khoảng 3 thùy, gốc lá tròn, mặt dưới lá màu trắng đến nâu bạc, cuống lá dài.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng mọc nhanh, ven rừng, nương rẫy, tái sinh hạt rất mạnh.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ đến trung bình, cao 13-15m, đường kính đến 20cm, thân tròn, tán thưa, vỏ màu xám trắng. **Lá** đơn mọc cách, phiến lá đa dạng, hình trứng hoặc xẻ 3 thùy, gốc lá tròn, mặt dưới màu bạc, cuống lá dài, mảnh. **Hoa** đơn tính, cụm hoa đực mọc nách lá đầu cành, cuống phủ lông màu gỉ sắt. **Quả** nang mềm, có gai, nứt 3 mảnh.
Công dụng	Gỗ trắng hay vàng, mềm nhẹ, thớ mịn, dùng làm giấy, diêm, củi. ***Vỏ*** cho nhiều sợi.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VIII
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 427, Nxb Nông Nghiệp, 2002

3. BÁCH XANH

Tên phổ thông loài: Bách xanh **Tên địa phương loài:** **Tên khoa học:** *Calocedrus macrolepis* Kurz. **Họ:** Cupressaceae **Bộ:** Cupressales	
Hình ảnh nhận dạng loài	
Lá	**Cành**

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ **Cành non** phân nhánh trên một mặt phẳng. **Lá** hình vảy, 4 lá một đốt, hơi thưa hơn so với pơ mu. **Quả** nón hình bầu dục tròn dài, khô nứt làm 3 mảnh, dẹt.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh trên núi cao, nơi có khí hậu mát mẻ.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ có vỏ xám nâu, bong nứt nhiều mảnh. **Cành** lá non mọc trên một mặt phẳng, lá hình vảy, 4 lá một đốt. **Quả** nón hình bầu dục, chín khô hóa gỗ, nứt làm 3 mảnh.
Công dụng	Gỗ có lõi giác phân biệt, nhẹ, ít co rút, cường độ trung bình, thớ thẳng đều, mịn, dễ gia công, ít nứt nẻ. Dùng xây dựng nhà cửa, tiện khắc, khuôn đúc.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	EN
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	IIA
Thuộc nhóm gỗ	I
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 33, Nxb Nông Nghiệp, 2002

4. BÀI NHÀI POILANE

Tên phổ thông loài: Bài nhài poilane, Tân bời lời Poilane

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Neolitsea poilanei* Liouho.

Họ: Lauraceae

Bộ: Laurales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Lá mọc chụm ở đầu cành, có 1 đôi gân phụ mọc đối ở cách gốc lá 2cm, mặt dưới lá có phấn trắng mốc, mặt trên xanh đậm bóng. Vò lá có mùi đặc trưng họ long não. **Quả** hạch.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh trên các vùng núi thấp. Cây nhỏ ưa bóng, ưa ẩm, tái sinh nhiều dưới tán rừng.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỡ, nhánh non dẹp dẹp, đen, lớn nâu. **Lá** có phiến hình muỗng, to 11-13cmx3-4cm, lá cây tái sinh, cành dài 18-19cm(hình), chót có mũi nhọn, đáy chót buồm, mặt trên xanh đậm, mặt dưới mốc, gân phụ đáy dài hơn ½ phiến lá, cuống dài 1,5-2cm. Cụm hoa tán mang 3-5 hoa gần như không cọng,
Công dụng	Gỗ cứng, ít mối mọt dùng trong xây dựng. Cây có tinh dầu thơm trong lá.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	V
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 369, Nxb Trẻ, 1999

5. BÀI NHÀI TÍCH LAN

Tên phổ thông loài: Tân bời lời Tích lan, Bài nhài Tích lan

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Neolitsea zeylanica* Merr.

Họ: Lauraceae

Bộ: Laurales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài Cây gỗ thân thẳng tròn, vỏ nhẵn, xám đen, **thịt vỏ** màu nâu, giác vàng sậm. **Lá** đơn mọc vòng hay chụm đầu cành, phiến lá hình trái xoan, dài 10-14cm, có 3 gân chính cách gốc lá 1cm, mặt dưới lá có phấn trắng. Vò lá có mùi thơm nhẹ không hắc như quế. **Quả** hình cầu nhỏ, có đế.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh, phân bố rộng ở nhiều nơi, cây ưa sáng lúc non chịu bóng, khả năng tái sinh chồi và hạt tốt.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ thân thẳng tròn, cao đến 20m, vỏ nhẵn, xám đen. **Lá** đơn mọc cách, vòng hay chụm đầu cành, phiến lá hình trái xoan, dài 10-14cm, rộng 4-6cm, có 3 gân chính cách gốc lá 1cm và 2 cặp gân bên, mặt dưới lá có phấn trắng. **Hoa** nhỏ, mọc cụm tán 3-5 hoa màu trắng xanh. **Quả** mọng hình cầu, đường kính 0,6-0,9cm có bao hoa hình đĩa ở gốc, cuống phình 0,5-0,8cm.
Công dụng	Gỗ dùng đóng đồ đạc, xây dựng. **Lá** có tinh dầu thơm 35% dùng làm thuốc, làm nhang …
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	IV
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 127, Nxb Nông Nghiệp, 2002

6. BẢN XE

Tên phổ thông loài: Bản xe, cổ ôm, giác

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Archidendron lucidum* (Benth.) I. Neils.

Họ: Mimosaceae – Fabaceae

Bộ: Fabales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Lá chét

Cành

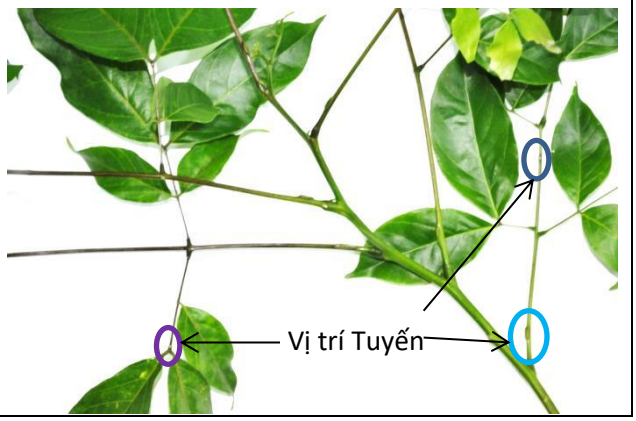

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Lá kép lông chim 2 lần chẵn, 2 đôi cuống cấp 1, mỗi đôi mang từ 2-3 cặp lá chét, phiến lá xanh nhẵn, khi non màu nâu. Trên cuống lá chính mang tuyến dài 2-4mm và tuyến nhỏ ở nơi gắn lá. Cụm hoa hình đầu màu trắng.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng ẩm, ven suối, sườn đến núi cao, tầng đất dày.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ. **Lá** kép lông chim 2 lần chẵn, 2 đôi cuống cấp 1, mỗi đôi mang từ 2-3 cặp lá chét dài đến 10cm, phiến lá xanh nhẵn, khi non màu nâu, cuống lá mang tuyến dài 2-4mm và tuyến nhỏ ở nơi gắn lá. Cụm hoa hình đầu màu trắng. Trái đậu dẹp, vặn, dài 20x2-3cm.
Công dụng	**Lá** dùng trị bệnh tiêu thũng, khư thấp.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32CPVN2006	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 834, Nxb Trẻ, 1999

7. BẢN XE, CÁNH GIÁN

Tên phổ thông loài: Bản xe, muồng cánh gián

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Albizzia sp.*

Họ: Mimosaceae

Bộ: Fabales

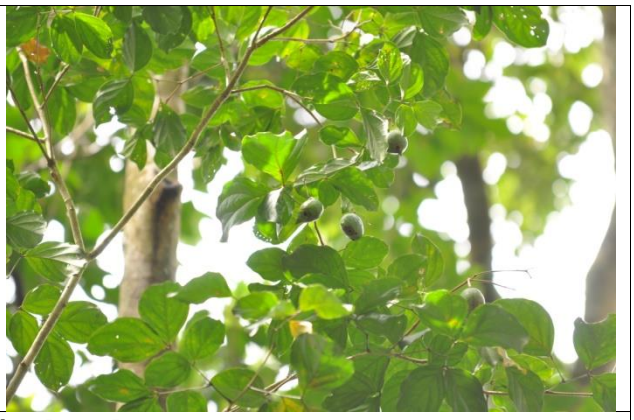

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Hoa

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ có tán xanh rậm Lá kép lông chim 1 lần chẵn 1-2 đôi cuống phụ, 2-4 đôi lá chét, màu xanh lục bóng, non màu nâu đỏ, đầu các cuống phình. Cụm hoa hình đầu màu trắng.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái quan trọng	Rừng thường xanh trên núi. Cây tái sinh nhiều ven rừng đến rừng thưa.
Đặc điểm hình thái quan trọng	Cây gỗ lớn, vỏ thân xám, tán rậm màu xanh bóng. Lá kép lông chim 2 lần chẵn, chỉ 1-2 cuống phụ mang 3-4 cặp lá chét dài 6-7cm, màu xanh lục bóng, non màu nâu đỏ, đậm mặt trên. Cụm hoa hình đầu màu trắng 1,5-2cm. Quả đậu dẹt.
Công dụng	Cây cho gỗ trung bình, dùng trong xây dựng đóng đồ đạc…
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	V
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 829, Nxb Trẻ, 1999

8. BẰNG LĂNG ỔI

Tên phổ thông loài: Bằng lăng ổi

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Lagerstroemia calyculata* Kurz.

Họ: Lythraceae

Bộ: Myrtales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Vỏ thân

Thân

Gốc, bạnh cây

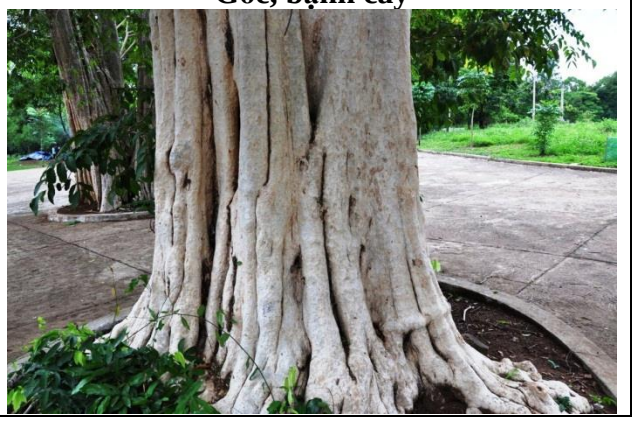

Hoa	Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây thân gỗ, gốc thường có bạnh, vỏ bong mảnh và hơi trơn láng như vỏ cây ổi.
Lá đơn mọc đối, lá thon nhọn, gân lá nổi rõ.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa đất dày, có độ ẩm trung bình, tái sinh hạt và chồi tốt. Cây thường mọc ven suối.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, gốc thường có bạnh, vỏ bong mảnh, lá đơn mọc đối, **Cành non** vuông cạnh. **Hoa** chùm hình chùy mọc đầu cành mẫu 6, cánh màu hồng. **Quả** nang hình cầu, đài tồn tại cùng với quả. Hạt có cánh mỏng. **Gỗ** giác vàng nhạt, lõi màu nâu, cứng và nặng.
Công dụng	Cây cho gỗ lớn, dùng trong xây dựng, đóng đồ đạc, kém bền khi để ngoài trời.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	I
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 481, Nxb Nông Nghiệp, 2002

9. BÌNH LINH CÁNH

Tên phổ thông loài: Bình linh cánh

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Vitex pinata* L.

Họ: Verbenaceae

Bộ: Lamiales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Gỗ, giác gỗ

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây thân gỗ, vỏ xám, bong mảnh nhỏ, thịt vỏ hóa vàng sậm. **Lá** kép chân vịt, mọc đối có 3 – 5 lá chét, lá non phiến lá kéo dài ra 2 bên cuống lá (cánh).	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, mọc nơi rừng thưa hay ven rừng thường xanh, chịu khô hạn.
Đặc điểm hình thái	Cây thân gỗ lớn, vỏ xám, bong mảnh nhỏ, **thịt vỏ** mỏng, màu trắng vàng. **Lá** kép chân vịt, có 3 lá chét, lá non phiến lá kéo dài ra 2 bên cuống lá. **Hoa** mọc cụm nách lá đầu cành, quả hình cầu nhỏ 0,5-0,6cm.
Công dụng	**Gỗ** lõi giác phân biệt, giác trắng đỏ nhạt khá dày, lõi nâu đỏ. **Gỗ** cứng nặng dùng trong xây dựng, đóng tàu thuyền, tạc tượng.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	III
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 718, Nxb Nông Nghiệp, 2002

10. BÌNH LINH NGHỆ

Tên phổ thông loài: Bình linh nghệ, đẻn 5 lá chét nhẵn

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Vitex ajugaeflora* Dop.

Họ: Tectonaceae

Bộ: Lamiales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

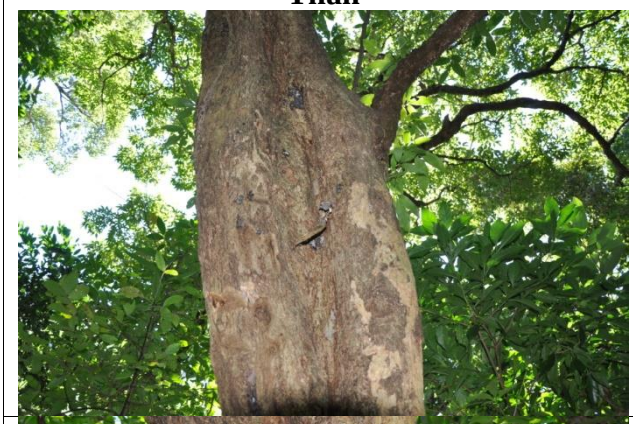

Vỏ, giác gỗ

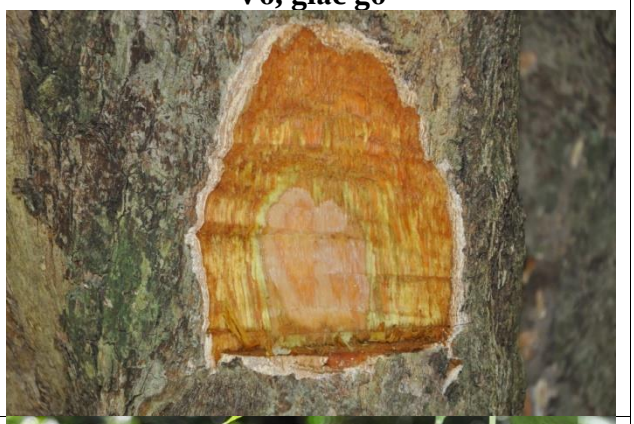

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ vỏ xám bong mảnh nhỏ hay dăm, vết vạc vỏ nhanh hóa màu vàng nghệ, giác vàng.

Cành non vuông cạnh. **Lá** kép chân vịt mọc đối có 3-5 lá chét, mặt lá nhẵn, phiến lá chét thuôn nhọn.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, rừng bán thường xanh đến ven rừng thường xanh (Đăk Lăk từ Krông Nô đến Krông Păk, Krông Bông).
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, đường kính trên 40cm, gốc thân hơi bạnh hay bị biến dạng góc cạnh và u lồi, vỏ xám bong mảnh dăm nhỏ. **Cành non** vuông cạnh. Lá kép chân vịt 3-5 lá chét, mặt lá nhẵn, lá chét dài đến 15cm thuôn nhọn, 15-17 cặp gân lá mảnh, cuống lá chính dài đến 10cm, có rãnh trên. Hoa môi màu trắng phớt tím, mọc chùm đầu cành. Quả hạch hình cầu màu đen có đế.
Công dụng	Gỗ cứng màu vàng đẹp, thớ mịn, không bị mối mọt, dùng xây dựng đóng đồ đạc.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	VU
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	III
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 2, tr. 824, Nxb Trẻ, 1999

11. BỜI LỜI

Tên phổ thông loài: Bời lời lá thon dài

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Litsea baviensis* var *venulosa* Liouho.

Họ: Lauraceae

Bộ: Laurales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Nhựa

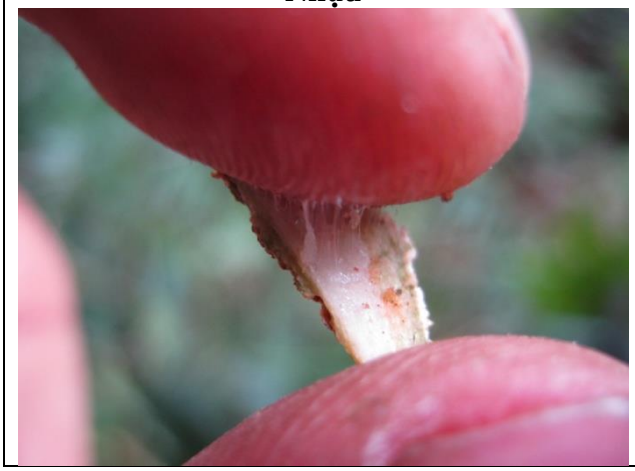

Vỏ

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ có vỏ xám, **thịt vỏ** có nhựa dính, thơm. **Lá** đơn mọc cách, phiến lá thon nhọn, dài 15cm vò lá có mùi thơm, nhớt và dính như vỏ. **Quả** hạch hình cầu.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh ẩm ven suối. Ưu hợp: Bằng lăng – Mít nài - Xoan
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ thân xám nhẵn. **Lá** đơn mọc cách, phiến lá thon dài 10-15cm, rộng 2-3cm, 10-13 cặp gân phụ nổi rõ mặt dưới. **Hoa** nhỏ, mọc thành cụm. **Quả** hạch hình cầu.
Công dụng	Cây có tinh dầu thơm trong lá vỏ làm thuốc, hương liệu, chất kết dính… Gỗ đóng đồ đạc.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	IV
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 114, Nxb Nông Nghiệp, 2002

12. BỜI LỜI CHANH

Tên phổ thông loài: Bời lời chanh, màng tang

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Litsea cubeba* (Lour.) Pers.

Họ: Lauraceae

Bộ: Laurales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Hoa

Quả

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ có cành non vỏ xanh. Toàn cây có mùi thơm (Vết đẽo vỏ, vò lá, quả). Lá đơn mọc cách, phiến lá thon dài, phiến nhẵn, gân lá nổi rõ, mặt dưới lá hơi trắng bạc. Hoa mọc cụm hình tán nhỏ ở nách lá. Quả hình cầu, nhỏ hơn 1cm.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng mọc nhanh, khả năng tái sinh chồi hạt đều mạnh.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ, cành non xanh. Lá đơn mọc cách, phiến lá thon dài 6-9cm, hẹp 2-3cm, đầu nhọn, nhẵn, gân lá nổi rõ, mặt dưới lá hơi trắng bạc. Hoa nhỏ, mọc thành cụm tán ở nách lá, khoảng 5-6 hoa mỗi cụm, nhị nhiều. Quả hình cầu đường kính 0,4-0,7cm, vỏ mọng, 1 hạt cứng.
Công dụng	Cây có tinh dầu cay thơm, làm thuốc chữa đau bụng.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 115, Nxb Nông Nghiệp, 2002

13. BỌT ẾCH

Tên phổ thông loài: Bọt ếch, sóc lông

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Glochidion hirsutum* (Roxb.) Voigt.

Họ: Euphorbiaceae

Bộ: Euphorbiales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Hoa

Vỏ, giác gỗ

Quả	Hạt, rốn hạt

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ nhỏ, vỏ xám nâu bong mảnh hay dăm nhỏ, thịt vỏ đỏ, xơ sợi thô cứng.
Lá đơn mọc cách, phiến lá hình bầu dục, gốc hình tim hơi lệch, có nhiều lông.
Quả nang gồm nhiều múi nang, như quả chùm ruột, chín rời.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa ẩm. Rừng ẩm hay sình lầy, Ea ral – Ea H'leo, mọc cùng với các loài Trâm, trôm, bùi nước, côm, thủy tùng.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ, vỏ thân màu xám nâu, bong mảnh nhỏ. Lá đơn mọc cách, phiến lá hình bầu dục, gốc lá hình tim hay lệch, có 7-8 cặp gân lá, mặt lá có nhiều lông mịn. Hoa nhỏ màu tím, mọc cụm tán ở nách lá, cuống dài 1cm, đài 6. Quả nang 7-8mm, hột màu đỏ.
Công dụng	Gỗ nhỏ, làm nông cụ.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 2, tr. 204, Nxb Trẻ, 1999

14. BỨA

Tên phổ thông loài: Bứa

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Garcinia sp.*

Họ: Clusiaceae

Bộ: Theales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Hoa

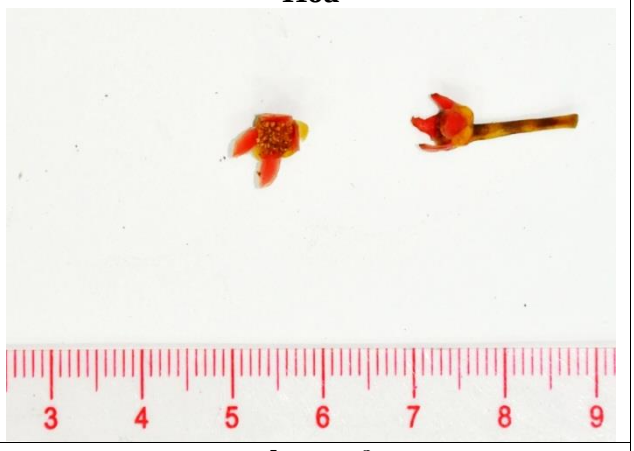

***Vỏ*, giác**

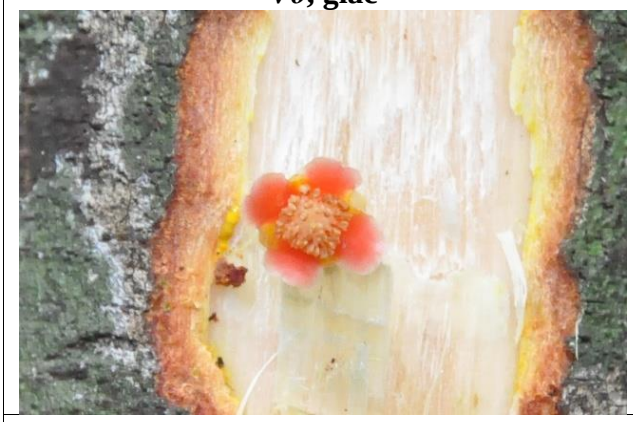

Nhựa mủ

Cành

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây thân gỗ, vỏ xám đen, trên vỏ ngoài thân hoặc vết vạc vỏ có nhiều ***nhựa mủ*** màu vàng. **Cành** mọc ngang. **Lá** đơn mọc đối, lá nhỏ và thon nhọn 2 đầu. **Hoa** mẫu 4, cánh màu đỏ cam, 4 cánh đài tồn tại trên cuống quả. **Quả** và lá có vị chua.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa ẩm, chịu bóng thường sống trong rừng thường xanh ẩm.
Đặc điểm hình thái	Cây thân gỗ nhỏ đến trung bình, vỏ xám đen, có ***nhựa mủ*** vàng. **Lá** đơn mọc đối. **Hoa** mẫu 4. **Quả** có 4 cánh đài.
Công dụng	***Vỏ*** cây có ***nhựa mủ*** làm chất nhuộm vàng, gỗ dùng đóng đồ đạc, ít dùng trong xây dựng.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VI
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển , tr. 450-457, Nxb Trẻ, 1999

15. BỨA LÁ DÀY

Tên phổ thông loài: Bứa lá dày

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Garcinia sp.*

Họ: Clusiaceae

Bộ: Gentianales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

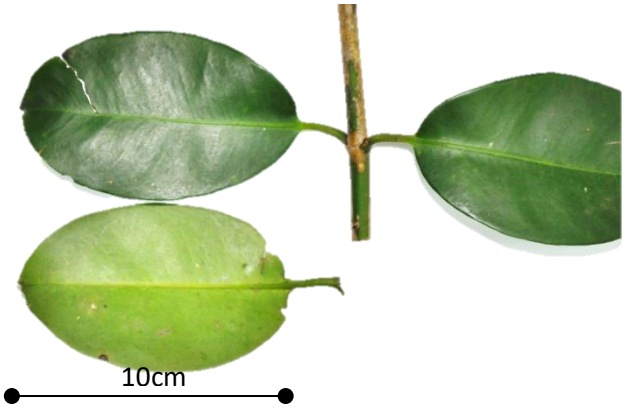

Cành

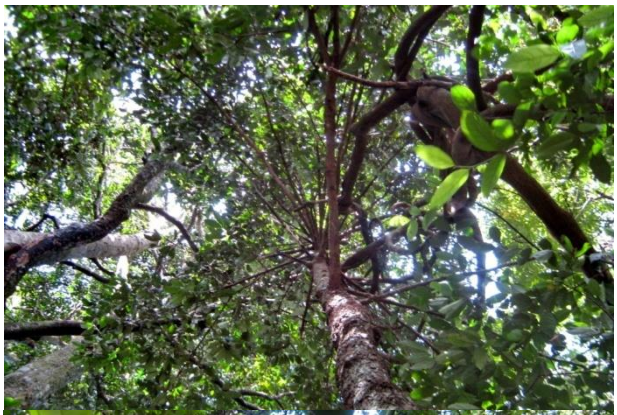

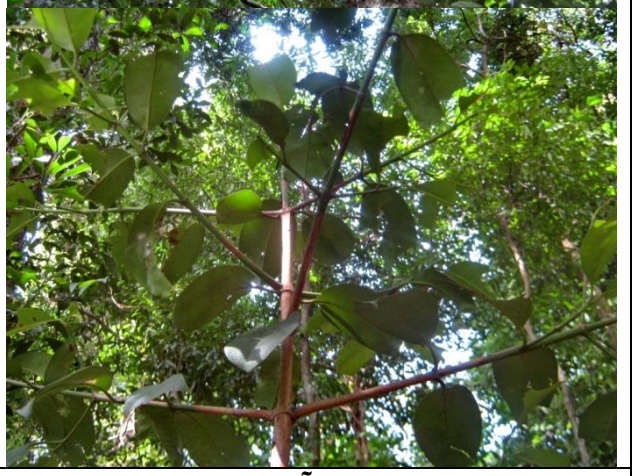

Thân

Vỏ, giác gỗ, Nhựa mủ

<table>
<tr><td colspan="2"> </td></tr>
<tr><td colspan="2">Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài
Cây gỗ cành tròn mọc ngang, vỏ thân bong nhiều mảnh, lớp màu đen, thịt vỏ đỏ hồng, có nhựa mủ vàng. Gỗ giác trắng.
Lá đơn mọc đối, phiến lá hình bầu dục dày, xanh đậm bóng, gân phụ mờ.</td></tr>
<tr><td>Đặc điểm sinh học và sinh thái</td><td>Rừng thường bán thường xanh ẩm ven suối đến thường xanh, tầng đất dày.</td></tr>
<tr><td>Đặc điểm hình thái</td><td>Cây gỗ lớn, cành mọc ngang, vỏ thân bong mảnh nhiều, màu đen. Lá đơn mọc đối, phiến lá hình bầu dục tròn, xanh đậm, dày nhẵn, gân phụ rất mờ. Hoa mẫu 4, quả mang đài tồn tại.</td></tr>
<tr><td>Công dụng</td><td>Lá chua làm rau ăn được. Gỗ cứng đóng đồ đạc, xây dựng, nhựa làm chất nhuộm vàng.</td></tr>
<tr><td>Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006</td><td>Không</td></tr>
<tr><td>Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP</td><td>Không</td></tr>
<tr><td>Thuộc nhóm gỗ</td><td>VI</td></tr>
<tr><td>Tài liệu tra cứu</td><td>Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 450-457, Nxb Trẻ, 1999</td></tr>
</table>

16. BỨA LÁ LỚN, TAI CHUA

Tên phổ thông loài: Bứa lá lớn, tai chua

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Garcinia cowa* Roxb.

Họ: Clusiaceae

Bộ: Theales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

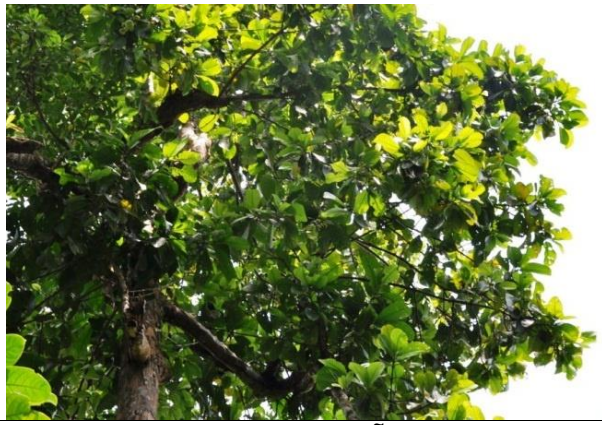

Thân

Vỏ, giác gỗ

Nhựa mủ

Quả

Lá tái sinh	Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ, **thịt vỏ** màu nâu đỏ, có ***nhựa mủ*** vàng, cành mọc ngang.

Lá đơn mọc đối, phiến lá lớn cỡ lá cà phê, hình bầu dục, dài 10-20cm, rộng 7-12cm.

Quả hình cầu, dẹt, có múi.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây mọc trên núi thấp, rừng thứ sinh, đất ẩm.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, cao 10-15m, đường kính trên 30cm, vỏ thân màu nâu vàng, gốc màu nâu đen, cành mọc ngang, tán lá dày xanh. **Lá** đơn mọc đối, phiến lá lớn, hình bầu dục, dài 10-20cm, rộng 7-12cm, gân lá 10-12 cặp. **Quả** hình cầu, dẹt, có múi.
Công dụng	Gỗ thớ thô cứng, làm nhà. **Quả** có **thịt vỏ** dày, chua ăn được, làm nước giải khát.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VI
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 450, Nxb Trẻ, 1999

17. **BỨA LANESSAN**

Tên phổ thông loài: Bứa lanessan **Tên địa phương loài:** **Tên khoa học:** *Garcinia lanessanii* Pierre. **Họ**: Clusiaceae **Bộ:** Theales	
Hình ảnh nhận dạng loài	
Lá 	**Cành**
Hoa 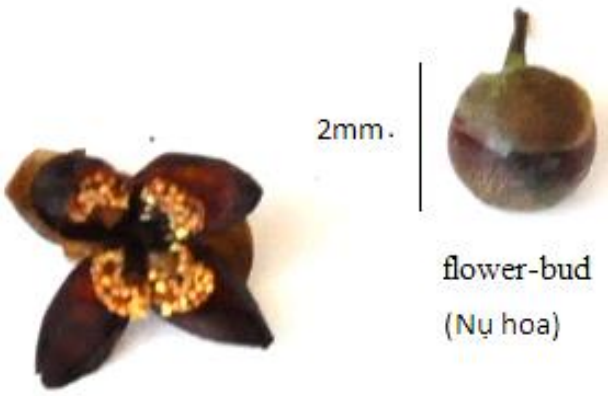	**Vỏ, giác gỗ**

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ, vỏ màu nâu đen, vạc vỏ màu vàng nhạt sau có nhựa hóa màu nâu vàng. **Lá** đơn mọc đối, phiến lá hình bầu dục tròn dài 6-8cm, có gân mịn. Tán hoa đực (chùm tụ tán), hoa cái mọc đơn độc, cánh hoa 4 cao 3mm màu đỏ đậm và bóng, nhị chia thành 4 cụm đáy dính gốc cánh hoa.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây mọc trong rừng thường xanh, nơi sườn hay chân núi, ưa ẩm. Ưu hợp: Lòng máng-bình linh-trám-thị
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ, đường kính 12cm, vỏ màu nâu đen, không nứt, thịt vỏ màu vàng sau khi vạc một lúc hóa màu nâu vàng. **Lá** phiến bầu dục, tròn dài, dài 6-8cm, có gân mịn. Tán hoa đực (chùm tụ tán), hoa cái mọc đơn độc, cánh hoa 4 cao 3mm màu đỏ đậm và bóng (ảnh chụp: mẫu đã 3 ngày nên hơi bị thâm đen), nhị chia thành 4 cụm đáy đính cánh hoa. Noãn sào 2 buồng, mỗi buồng 1 noãn. Trái tròn, cao 2,5cm, màu đỏ, hột 1-2.
Công dụng	Vỏ dùng nhuộm.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 454, Nxb Trẻ, 1999

18. **BỨA NÚI**

Tên phổ thông loài: Bứa núi lá nhỏ.

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Garcinia oliveri* Pierre.

Họ: Clusiaceae

Bộ: Theales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

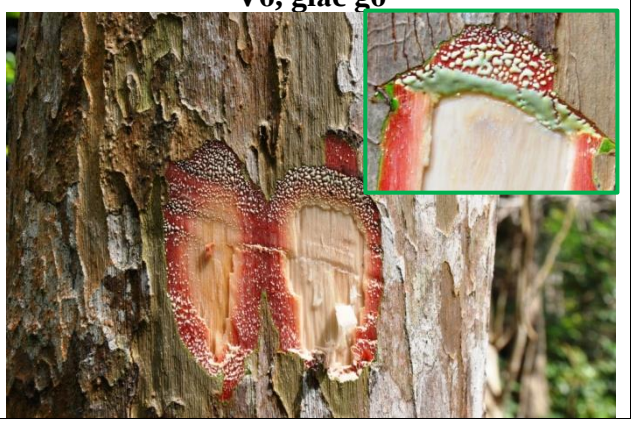

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ vỏ thân bong lõm như bằng lăng hay chiêu liêu ổi, **thịt vỏ** dày màu đỏ sậm, cành nhiều, mọc ngang, có ***nhựa mủ*** trắng vàng đến vàng nhạt. **Lá** đơn mọc đối, thuôn nhọn.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh ẩm trên núi cao, chỗ nhiều đá cây vẫn mọc được. Yang Hanh – Krông Bông.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, vỏ thân bong mảnh, trơn, màu xám đến nâu, cành mọc ngang, kích thước gần đều nhau. **Lá** đơn mọc đối, lá nhỏ hình thuôn nhọn đầu, dài 5-7cm, rộng 2,5-3cm.
Công dụng	Gỗ tốt, dùng xây dựng nhà cửa, đóng đồ đạc.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 455, Nxb Trẻ, 1999

19. **BÙI NƯỚC**

Tên phổ thông loài: Bùi nước, bùi trung

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Ilex annamensis* Tard.

Họ: Aquifoliaceae

Bộ: Celastrales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Quả	Vỏ, giác gỗ

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ vỏ thân nhẵn, màu trắng xám, trong có lớp màu xanh mỏng, thịt vỏ nâu vàng, giác trắng.

Lá đơn, mọc cách, dày và xanh nhẵn bóng, mặt dưới lục nhạt hay bạc.

Quả trên cụm tán, hình cầu nhỏ 0,6-0,7cm, có núm nhụy tồn tại ở đầu, cuống ngắn, chín màu tím đen.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa ẩm mọc ven suối, rừng địa hình lòng chảo, ẩm ướt. Mọc cùng với các loài Trâm, trôm, côm, thủy tùng.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ, vỏ thân nhẵn màu xám trắng. Lá đơn mọc cách, phiến lá hình bầu dục, mặt trên xanh nhẵn, dày, dài 7-10cm, rộng 3-5cm, 9-10 cặp gân lá mảnh. Cụm hoa tán nhỏ trên cuống chung 1-2cm, cuống quả 0,8-1,2cm, mẫu 4. Bầu nhẵn, đầu nhụy 6 thùy. Quả hạch hình cầu, gốc có đài nhỏ, đầu có núm nhụy, chín màu tím đen, hạt 4.
Công dụng	Gỗ trắng mềm, dùng trong xây dựng nhỏ, làm nông cụ. Quả ăn được.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 617, Nxb Nông Nghiệp, 2002

20. **BÙI TÍA**

Tên phổ thông loài : Bùi tía

Tên địa phương loài :

Tên khoa học : *Ilex sp.*

Họ : Nhựa ruồi – Aquifoliaceae

Bộ : Celastrales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài Cây gỗ có vỏ thân màu xám trắng, cành dễ bóc vỏ, mặt trong lớp vỏ có màu tím đen, tán lá dày và xanh. **Lá** đơn mọc cách, phiến lá màu xanh đậm, nhẵn. Mặt trong vỏ tím đen	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng mọc ven rừng, rừng thưa, đồi núi thấp trọc.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ, cao 5-7m, tán lá dày và xanh, vỏ thân màu xám trắng, có nhiều lỗ bì lớn. **Lá** đơn mọc cách, phiến hình bầu dục, gân phụ 7-9 cặp, gân cong gập ở gần mép lá. **Hoa** mọc cụm hình tán, quả hình cầu, nhỏ.
Công dụng	Cây cho gỗ nhỏ, giác trắng, làm nông cụ. ***Vỏ*** làm thuốc.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 2, tr. 162-171, Nxb Trẻ, 1999

21. **BƯỞI BUNG**

Tên phổ thông loài: Bưởi bung

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Acronychia pedunculata* (L.) Miq.

Họ: Rutaceae

Bộ: Rutales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa	Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ vỏ thân xám láng nhẵn, **thịt vỏ** màu nâu hồng đến vàng, giác trắng.

Lá đơn mọc đối, cuống lá phình 2 đầu dài 2cm, lá có túi chứa tinh dầu, vò lá có mùi thơm họ cam chanh.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh ẩm, chân núi. Đất ẩm, tầng đất dày, cây mọc chung với nhiều loài cây khác.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn cao đến 16m, vỏ thân xám nhẵn. **Lá** đơn mọc đối, phiến lá hình gần bầu dục dài 8-15cm, cuống lá phình 2 đầu dài 2cm. **Hoa** lưỡng tính, màu trắng vàng. **Quả** hạch hình cầu, màu trắng vàng.
Công dụng	Gỗ mềm nhẹ, màu vàng nhạt, kết cấu mịn, ít nứt, nhưng không bị biến dạng, dễ biến màu. Dùng đóng đồ đạc thông thường. **Lá** có nhiều tinh dầu có thể chiết xuất làm thuốc.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VIII
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 555, Nxb Nông Nghiệp, 2002

22. CÁCH MIÊN

Tên phổ thông loài: Cách miên, cách cam bốt

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Premna cambodiana* Dop.

Họ: Verbenaceae

Bộ: Lamiales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ

Hoa

Cây tái sinh

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài Cây thân gỗ, vỏ bong mảnh đến bong mảng nhẵn, màu xám tro hoặc màu vàng nâu. **Cành *non*** vuông cạnh. **Lá** đơn, mọc đối, phiến lá lớn hơi tròn, gốc lá hình tim, đầu lá nhọn, dài 30-35cm. Cuống lá và **Cành non** có nhiều lông nhung màu nâu vàng.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thưa đến rừng ẩm thứ sinh nhiệt đới, đồi núi thấp. Ưa sáng.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, cao đến 25m, thân nhẵn, vỏ hơi bong nứt thành mảng hay mảnh nhỏ. **Cành *non*** vuông cạnh, lá và **Cành non** phủ nhiều lông màu nâu vàng. **Lá** đơn mọc đối, phiến lá to 30x30-35cm, gốc lá hình tim, đầu lá nhọn. **Hoa** chùm hình chùy lớn, mọc đầu cành, dài đến 20cm, các cuống hoa thứ cấp cũng mọc đối như lá. **Hoa** nhỏ, lá đài màu xanh lá, cánh hoa màu trắng. **Quả** hạch nhân cứng, tròn.
Công dụng	Cây cho gỗ dùng trong xây dựng tốt, đóng đồ đạc gia đình. Cây cho rễ cành lá dùng làm thuốc bổ cơ, xương, trừ đau nhức…
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	V
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 714, Nxb Nông Nghiệp, 2002

23. **CÀ TE**

Tên phổ thông loài: Cà te, Hổ bì, Gõ đỏ

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Afzelia xylocarpa* (Kurz.) Craib.

Họ: Caesalpiniaceae

Bộ: Fabales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Hoa

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ, vỏ thân màu xám xanh, cành non xanh sau chuyển sang màu trắng xám, có nhiều lỗ bì. **Lá** kép lông chim 1 lần chẵn mang 2-5 cặp lá chét (chủ yếu có 3-4 cặp lá chét), mặt trên lá chét xanh đậm bóng, mặt dưới nhạt. **Quả** đậu hóa gỗ dày, mang 3-5 hạt rất cứng màu đỏ, có phần rốn vàng hóa sừng cứng.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây sinh trưởng chậm, ưa sáng, phân bố trong rừng thường xanh hoặc rừng nửa rụng lá, mọc trên đất bằng hoặc sườn thoát nước, tầng đất sâu, thành phần cơ giới của đất trung bình.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, rụng lá mùa nghỉ, vỏ thân xám xanh, dày. **Cành *non*** có lông sau nhẵn, có nhiều lỗ bì nổi rõ. **Lá** kép lông chim 1 lần chẵn, cuống chung dài 10-15cm, mang 2-5 cặp lá chét, mọc đối hình trái xoan hay hình trứng, gốc lá tròn, đầu tù, tròn hoặc nhọn ở gốc, dài 5-6cm, rộng 4-5cm. Gân bên 7-9 đôi. Có 2 lá kèm sớm rụng. Cụm hoa dài 10-15cm, vượt chiều dài của lá, có 1-3 nhánh, cánh đài hình ống, 5 thùy, 1 cánh tràng hình tròn, màu trắng hay tím nhạt, trong có lông, nhị 7, hơi dính ở gốc. **Quả** hóa gỗ dày, hình trái xoan, dài 15-20cm, rộng 6-9cm, dày 2-3cm, hạt hình trứng hoặc gần tròn, vỏ ngoài cứng như sừng, nằm ngang, cách nhau bởi vách dày.
Công dụng	Gỗ khá cứng, nặng, vân đẹp dùng trong xây dựng, làm đồ gia dụng cao cấp, đồ mỹ nghệ.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	EN
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	IIA
Thuộc nhóm gỗ	II
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 493, Nxb Nông Nghiệp, 2002

24. CHẠC KHẾ

Tên phổ thông loài: Chạc khế, huỳnh đàng.

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Dysoxylum loureiri* Pierre.

Họ: Meliaceae

Bộ: Rutales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

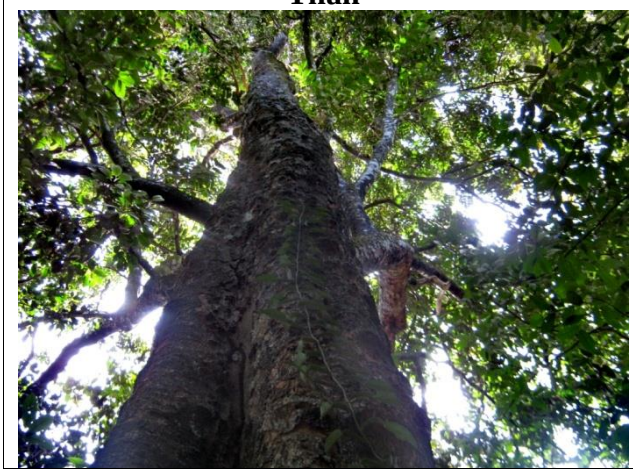

Vỏ, giác gỗ

Gốc bạnh	Quả

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây có gốc bạnh vè cao, vỏ thân xám đ xám nâu, bong mảnh lõm vỏ, thịt vỏ lớp ngoài màu nâu đỏ, trong vàng nhạt.

Lá kép lông chim lẻ, dài đến 1m, 5-9 lá chét mọc đối hoặc cách, phiến lệch hình thuôn dài, đầu có mũi nhọn.

Quả nang màu xám, 3 ô chín nứt thành 3 mảnh.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh đến bán thường xanh ven suối. Độ dốc trung bình, đất xám nhiều mùn hay đất bazan.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, cao đến 35m, có bạnh vè to, cao hơn 3m. ***Vỏ*** thân xám đen, bong mảnh ăn lõm vào trong vỏ. **Cành *non*** có lông xám. **Lá** kép lông chim lẻ, dài đến 1m, 5-9 lá chét mọc đối hoặc cách, cuống phụ 5mm, phiến lệch hình thuôn dài, đầu có mũi nhọn, gốc lá tròn, 10-14 đôi gân bên. Cụm hoa mọc thành chùm, hoa có lông màu gỉ sắt, mẫu 4. **Quả** nang màu xám, 3 ô chín nứt thành 3 mảnh.
Công dụng	Gỗ tốt, dùng xây dựng nhà cửa, đóng đồ đạc.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	I
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 2, tr. 394, Nxb Trẻ, 1999

25. **CHẸO TÍA**

Tên phổ thông loài: Chẹo tía

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Engelhardtia roxburghiana* Bl. var. *cambodica* Mann.

Họ: Juglandaceae

Bộ: Juglandales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Nhựa mủ	Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ, vỏ màu xám vàng, **thịt vỏ** màu vàng nhiều lớp và mùi hắc. Vết đẽo để lâu hóa màu vàng sậm.

Lá kép lông chim, lá non có màu nâu đỏ (đỏ tía), vò lá mùi như vỏ.

Hoa quả mọc thành cụm có lá bắc xẻ 3 thùy.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, mọc nhanh, ưa đất cát pha và đất sét, tầng đất dày. **Hoa** tháng 4-5, quả tháng 10-11.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, cao 20-25m, thân vặn, vỏ ngoài xám vàng. **Lá** kép lông chim chẵn, dài 15-30cm, có 2-5 đôi lá nhỏ hình xoan, đầu lá nhọn, gốc lá thon và lệch, phiến lá nhẵn, lá non có màu nâu đỏ. **Hoa** đơn tính, có lá bắc xẻ 3 thùy bọc ngoài bầu. **Quả** hình cầu nhỏ, lá bắc phát triển bọc ngoài.
Công dụng	Cây gỗ có giác lõi phân biệt, màu xám hồng, mịn. Gỗ dễ bị mối mục dùng đóng đồ đạc, trạm trổ đồ mỹ nghệ. ***Vỏ*** và lá có độc.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VI
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 180, Nxb Nông Nghiệp, 2002

26. CHÒ XÓT

Tên phổ thông loài: Chò xót, Vối thuốc răng cưa

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Schima superba* Gardn. et Champ.

Họ: Theaceae

Bộ: Theales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa	Quả
	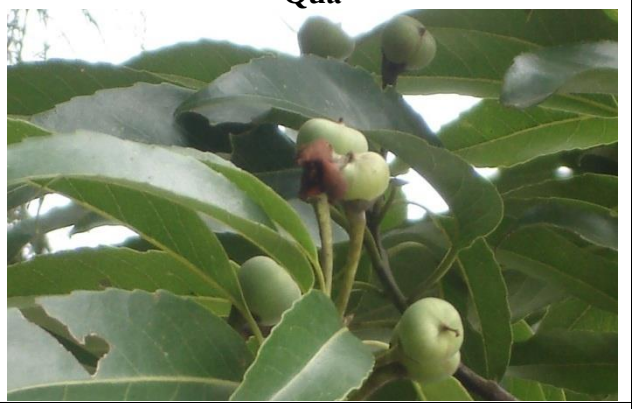

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ, vỏ màu xám nâu (ẩm ướt) hoặc xám trắng (khô), nứt dọc, **thịt vỏ** dày, màu đỏ nâu với nhiều sợi tơ óng ánh, nhẹ (dễ gây dị ứng khi tiếp xúc với da, rất ngứa).

Lá đơn mọc cách, phiến lá dày, mép có răng cưa đặc trưng của họ chè.

Hoa trắng, mẫu 5, nhiều nhị vàng đính trên vòng cánh tràng và rụng cùng lúc.

Quả nang khô nứt thành 5 mảnh.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, chịu được đất khô hạn và lửa, tái sinh và phát tán mạnh. Là cây tầng trội, thường chiếm ưu thế trong rừng.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, thân thẳng, cao 30-40m, đường kính đến 150cm. ***Vỏ*** màu xám, **thịt vỏ** màu đỏ nâu đến nhạt, có nhiều sợi óng ánh. **Lá** đơn mọc cách, dài 10-12cm, rộng 2,5-5cm, phiến lá dày hình bầu dục, mặt trên xanh đậm, mép có răng cưa. **Hoa** trắng, mẫu 5, nhiều nhị vàng, mọc nách lá đầu cành. **Quả** nang khô nứt thành 5 mảnh.
Công dụng	Gỗ giác lõi phân biệt, dễ làm ít bị mối mọt, dùng đóng đồ đạc trong nhà, thoi dẹt và đồ mỹ nghệ.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	V
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 201, Nxb Nông Nghiệp, 2002

27. **CÒ KE LÔNG**

Tên phổ thông loài : Cò ke lông

Tên địa phương loài :

Tên khoa học : *Grewia tomentosa* Roxb.ex.Dc

Họ: Tiliaceae

Bộ: Malvales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Hoa

Hoa	Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ vỏ nâu xám, nhẵn. **Cành *non*** và lá có lông mịn, vỏ thân cành nhiều sợi dai.

Lá đơn mọc cách, đầu lá xẻ thùy hay có răng, có lông ngắn ở mặt trên hay nhẵn, mặt dưới có lông mềm, sờ lá thấy ráp, lá có có 3 gân gốc, kéo dài sát mép lá, gân bên thưa.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, mọc nhanh, mọc nơi rừng thứ sinh, rừng thưa khô nóng, nhiều nắng
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ, vỏ màu nâu xám. **Lá** đơn mọc cách, đầu lá tù rộng ở đỉnh và chia 2 thùy tròn, không đều, gốc thuôn nhọn hoặc đầu lá có răng và có múi, dài 10-15cm có lông ngắn ở mặt trên hay nhẵn, mặt dưới có lông mềm, sờ lá thấy ráp, lá có có 3 gân gốc, kéo dài sát mép lá, gân bên thưa. Cụm hoa hình chùy, dẹp ở đỉnh, hoa lưỡng tính, có hương thơm, cánh 5, màu vàng. **Quả** nạc có lông ngắn, hình cầu, đường kính 1cm, chín mầu đen, 1 hạt.
Công dụng	Gỗ nhỏ dùng xây dựng, xẻ ván và làm nông cụ. **Quả** ăn được, rễ lá làm thuốc chữa bệnh ho, sốt rét, trị các bệnh đường ruột.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 486, Nxb Trẻ, 1999

28. CÔM BÔNG LỚN

Tên phổ thông loài: Côm hoa lớn

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Elaeocarpus grandiflorus* J. E. Smith.

Họ: Elaeocarpaceae

Bộ: Malvales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa

Hoa

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây thân gỗ, vỏ nâu đen, phân cành lớn, **thịt vỏ** màu vàng, giác trắng. **Lá** đơn hình lưỡi mác, tập trung đầu cành, mép lá có răng cưa thưa và tù, lá già, rụng màu đỏ. **Hoa** lớn so với các loài cùng họ, chùm hoa ở nách lá đầu cành, cọng hoa dài 3cm, cuống chung dài 1,5-3cm, 5 cánh hoa màu trắng xẻ 2 thùy lớn, rìa mỗi thùy xẻ nhiều thùy nhỏ như sợi tua ở đầu.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây sống trong rừng ẩm thường xanh, ven các sông suối. Tái sinh gần bờ nước.
Đặc điểm hình thái	Cây thân gỗ, vỏ nâu đen, phân cành lớn, **thịt vỏ** màu vàng, giác trắng. **Lá** đơn mọc cách thành cụm đầu cành, mép lá có răng cưa thưa và tù, phiến lá hình lưỡi mác dài 10-15cm, lá già, rụng màu đỏ. **Hoa** chùm 6-8 hoa ở nách lá đầu cành, 5 cánh hoa màu trắng xẻ 2 thùy lớn, rìa mỗi thùy xẻ nhiều thùy nhỏ như răng cưa ở đầu. **Quả** hình trứng, dài 3 rộng 1,8cm, đầu nhọn.
Công dụng	**Gỗ** dùng đóng đồ đạc thông thường, làm giá thể nuôi nấm hương, mộc nhĩ, hoa đẹp.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VII
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 469, Nxb Trẻ, 1999

29. **CÔM ĐỒNG NAI**

Tên phổ thông loài : Côm đồng nai

Tên địa phương loài :

Tên khoa học : *Elaeocarpus tectorius* (Lour.) Poir.

Họ: Elaeocarpaceae

Bộ: Malvales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

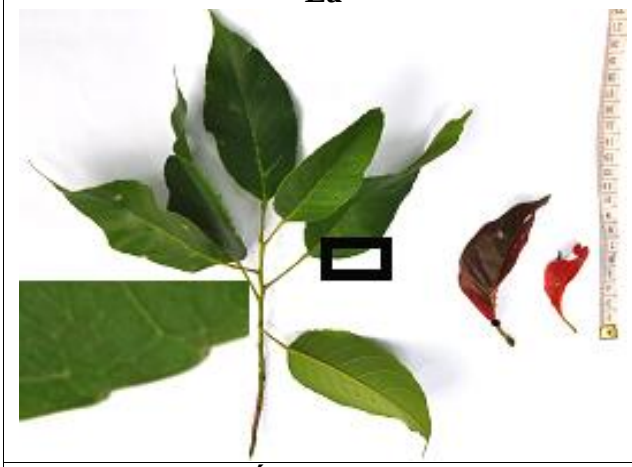

Cành

Gốc, bạnh cây

Vỏ, giác gỗ

Cụm Hoa

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây thân gỗ, vỏ xám nhạt. Thịt vỏ hồng nhạt, giác trắng. **Lá** đơn mọc cách, mép lá có răng cưa thưa, hơi tù hay tròn, lá non xanh bóng mặt trên, lá già rụng thì chuyển từ màu nâu đỏ đến đỏ. Cụm hoa mọc ở gần đầu cành.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng mọc ở sườn hoặc chân núi, cùng với trôm, thành ngạnh, bình linh.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, cành mập, tán rộng. ***Vỏ*** màu xám nhạt, **thịt vỏ** nhiều xơ màu cam vàng, giác trắng. **Lá** đơn mọc cách hình mác dài 8-11 cm, rộng 4-7 cm, phiến lá màu xanh, mặt trên nhẵn, mặt dưới có nhiều tuyến, khi khô có màu nâu gạch, lá có răng cưa nhỏ thưa và hơi tròn, 6-7 đôi gân bên. **Hoa** lưỡng tính mọc chùm ở gần đầu cành, cánh hoa trắng đầu có tua nhỏ. **Quả** trái xoan dài 2,5cm, vỏ quả nhẵn bóng.
Công dụng	Cây cho gỗ lớn, thẳng, dùng làm nhà, đóng đồ đạc, nuôi cấy nấm…
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 297, Nxb Nông Nghiệp, 2002

30. CÔM LÁ CHÈ

Tên phổ thông loài: Côm lá chè

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Elaeocarpus sp.*

Họ: Elaeocarpaceae

Bộ: Malvales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ vỏ thân màu nâu đỏ hơi mủn cám, **thịt vỏ** và giác vàng. **Lá** đơn mọc cách, mép lá có răng cưa thưa, lá già màu đỏ gạch.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh. Ưu hợp: Chò xót – Dẻ - Bời lời - Côm
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, vỏ thân màu nâu đỏ, mủn, thân thẳng, gốc hay có bạnh, tán lá xanh rậm, vài lá già màu đỏ. **Lá** đơn mọc cách, phiến lá dài 14-15cm, rộng 4-5cm, hình trái xoan, mép răng cưa thưa, to.
Công dụng	Gỗ trắng vàng dùng đóng đồ đạc thông thường.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VII
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 466-475, Nxb Trẻ, 1999

31. CÔM NẾN

Tên phổ thông loài: Côm nến, côm harmand

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Elaeocarpus harmandii* Pierre.

Họ: Elaeocarpaceae

Bộ: Malvales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân vỏ

Vỏ, giác gỗ

Hoa	Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ gốc có bạnh lớn hình tháp. Vỏ xám trắng, không nứt. Thịt vỏ nâu vàng, giác trắng. Lá đơn mọc cách, cuống lá có màu đỏ, đặc biệt mép lá có răng cưa tù lớn, lá già rụng nâu vàng, không đỏ.

Quả hạch hình trứng, gốc tròn, đầu hơi nhọn, cuống dài 2-3cm.

Hạt cứng có nhiều gờ nhăn.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng ẩm ướt, tầng đất dày.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, thân thẳng, cao đến 20-25m, gốc có bạnh lớn, vỏ xám trắng, hơi nhăn và không nứt. Lá đơn mọc cách, cuống lá có màu đỏ, phiến lá hình trứng ngược hay xoan nhọn (lá cây tái sinh), dài 9-14cm, rộng 3-4cm, mép lá có răng cưa tù lớn. Quả hạch hình trứng, to 2,5-3cm, gốc tròn, đầu hơi nhọn, cuống dài 2-3cm. Hạt cứng có nhiều gờ nổi, nhăn.
Công dụng	Gỗ trắng mềm, đóng đồ đạc thông thường. Quả ăn được.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VII
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 470, Nxb Trẻ, 1999

32. CỒNG NÚI

Tên phổ thông loài: Cồng núi, cồng trắng

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Calophyllum dryobalanoides* Pierre.

Họ: Calophylaceae

Bộ: Theales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

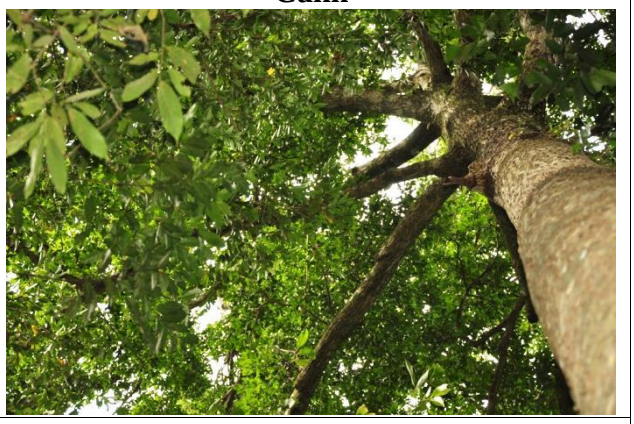

Thân

Vỏ, nhựa mủ

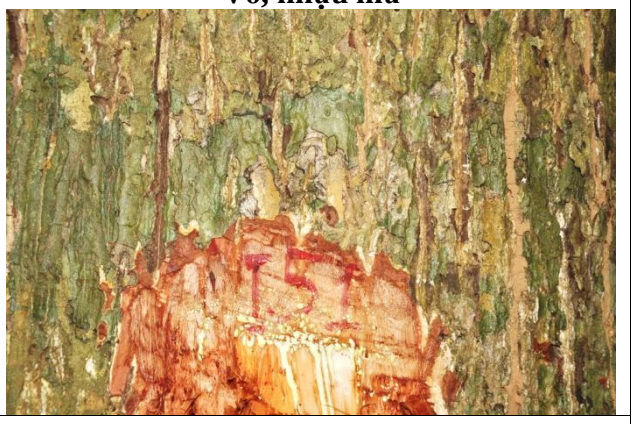

Gỗ

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ, vỏ thân màu nâu vàng, **thịt vỏ** đỏ, giác vàng. Có nhựa mủ màu vàng nhạt. **Lá** đơn mọc đối, phiến lá dày, gân lá song song rất mịn, mặt lá cong lên. **Cành *non*** màu nâu.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa đất ẩm, ưa sáng. Tái sinh và sinh trưởng nhanh.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, cao 25-30m, **Cành non** hơi vuông cạnh, vỏ thân màu đỏ. **Lá** đơn mọc đối, phiến lá hình bầu dục thon, chót có mũi nhọn ngắn, dài 4-7cm, rộng 3-4cm, gân lá nhiều, song song, rất mịn. **Hoa** mọc chùm ở nách lá hay đầu cành, mẫu 4. **Quả** hình cầu, nhân cứng, đường kính 2,2cm, hạt 1cm.
Công dụng	Gỗ có giác lõi phân biệt, thớ mịn, dùng đóng đồ đạc, xây dựng nhà cửa.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	V
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 212, Nxb Nông Nghiệp, 2002

33. CUỐNG VÀNG

Tên phổ thông loài: Cuống vàng

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Gonocaryum lobbianum* (Miers) Kurz.

Họ: Icacinaceae

Bộ: Celastrales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Hoa

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ, lá có phiến lá hình bầu dục, dày và xanh đậm bóng. Cuống lá màu vàng.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa ẩm, ưa bóng, thường mọc trong rừng thường xanh ẩm nhiệt đới.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ hay nhỡ, cao 5-15m, vỏ thân nhẵn, màu xám trắng. Phân cành sớm, **Cành non** nhẵn, dai, thường hay rũ xuống. **Lá** đơn mọc cách, màu xanh đậm mặt trên, phiến lá hình bầu dục, dài 13-19cm, rộng 5-10cm. **Quả** thuôn dài 4-5cm, đầu nhọn.
Công dụng	Gỗ đóng đồ đạc, xẻ ván. **Lá** non ăn như rau, lá già làm men rượu, nấu nước trị bệnh phù thũng. Rễ làm thuốc hạ sốt, giải độc, trị viêm gan, đau tức ngực
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 621, Nxb Nông Nghiệp, 2002

34. **DẠ HỢP**

Tên phổ thông loài: Dạ hợp núi **Tên địa phương loài:** **Tên khoa học:** *Magnolia hodgsonii* (Hook. F. et Thomp.) Keng. **Họ:** Magnoliaceae **Bộ:** Magnoliales	
Hình ảnh nhận dạng loài	
Lá 	**Cành**
Hoa 	**Quả**

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ thân thẳng tròn, cành nhiều sẹo vòng vết tích của lá kèm rụng. **Lá** đơn mọc cách, phiến lá lớn dài đến 25cm, màu xanh lục nhạt, nhẵn, dày, có lá kèm bao chồi. **Hoa** mọc đầu cành, trên cuống to, nụ dài đến 7cm. **Quả** nang kép hình thoi, mỗi nang 2 hạt.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh trên núi cao (Yang Mao-Đăk Lăk, Khánh Hòa, Lâm Đồng). Đất feralit nâu đen trên đá Granit, tầng dày, 5<pH< 6,3. Ưu hợp các cây họ Dẻ-Giổi-Quế-Bản xe.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, cao 20-30m, đường kính trên 30cm, thân thẳng tròn, vỏ nhẵn. **Cành** nhiều sẹo vòng vết tích của lá kèm rụng. **Lá** đơn mọc cách, phiến lá lớn 20-25x10-12cm, màu xanh lục nhạt, nhẵn, dày, lá kèm bao chồi dài 2-3cm. **Hoa** mọc đầu cành, trên cuống to, lá đài 3, dài đến 7cm, 6 cánh hoa trắng, nhị nhiều, dẹp, lá noãn nhiều. **Quả** nhiều nang-lá noãn hợp thành, mỗi nang 2 hạt.
Công dụng	Gỗ dùng đóng đồ đạc, xây dựng nhà cửa. **Hoa** to đẹp, trồng làm cảnh.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	V
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 46, Nxb Nông Nghiệp, 2002

35. **DÂU DA**

Tên phổ thông loài: Dâu ta, dâu da

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Baccaurea ramiflora* Lour.

Họ: Euphorbiaceae

Bộ: Euphorbiales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

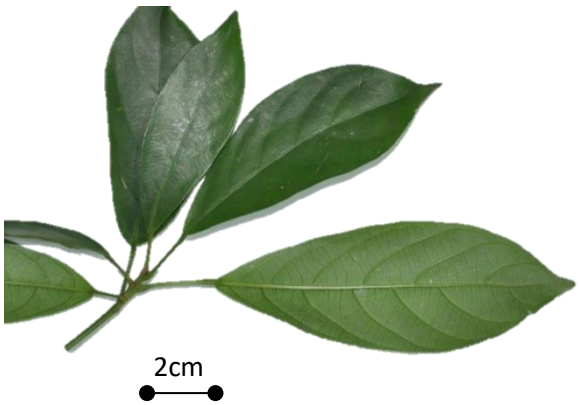

Cành

Thân

Vỏ

Quả

Hoa

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ vỏ thân mỏng, màu xám, rất nhẵn, **thịt vỏ** và giác vàng. **Lá** đơn mọc cách, cuống lá phình 2 đầu, phiến lá thon ngược, đầu lá có mũi nhọn ngắn, 6-8 cặp gân lá mặt dưới nổi rõ. **Quả** mọc chùm quanh thân.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh ẩm, tầng dưới tán, độ cao đến 1300m.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ, cao 10-15m, vỏ thân màu xám, rất nhẵn, **thịt vỏ** và giác vàng. **Lá** đơn mọc cách hay chụm đầu cành, cuống lá phình 2 đầu, phiến hình thon hay trứng ngược, dài 6-8 cặp gân lá mặt dưới nổi rõ. **Quả** mọc chùm quanh thân.
Công dụng	Gỗ nhỏ, không bền làm củi, trụ. **Quả** có vị chua ăn được.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VII
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 2, tr. 221, Nxb Trẻ, 1999

36. DÂU TIÊN

Tên phổ thông loài: Dâu tiên, Dâu da đá

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Baccaurea silvestris* Lour.

Họ: Euphorbiaceae

Bộ: Euphorbiales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ vỏ xám láng mịn như vỏ ổi nhưng hơi nhám. **Lá** đơn mọc cách, cuống dài 2cm, mặt trên lá nhẵn. **Hoa** quả mọc thành chùm nhiều trên thân, cành. **Quả** tròn, có 3 ô, vỏ màu đỏ tím.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây rừng thường xanh, tầng dưới tán.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ vỏ láng, khá mịn. **Lá** đơn mọc cách cuống lá dài 1,5-2cm, mặt trên lá nhẵn, có 6-8 cặp gân lá, phiến lá hình thon ngược, đầu có mũi nhọn, 10-20x3-9cm . Chùm hoa quả mọc nhiều trên thân, cành già. **Quả** tròn, có 3 ô, vỏ màu đỏ tím, to vào 2-3cm.
Công dụng	Cây cho quả có vỏ giòn, chua làm thức ăn. Cây trồng *B. sapida* Muell.-Arg, quả có màu vàng, vỏ hạt chua ngọt ăn được.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VIII
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 2, tr. 222, Nxb Trẻ, 1999

37. DẦU NƯỚC

Tên phổ thông loài: Dầu nước

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Dipterocarpus hansseltii* Bl.

Họ: Dipterocarpaceae

Bộ: Malvales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Thân

Vỏ, giác gỗ

Thân	Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ thân thẳng, vỏ xám nứt dọc, có nhựa mủ.
Lá đơn, mọc cách, 10-14 gân bên, có lá kèm.
Quả bế hình bầu dục, có 2 cánh dài 14cm, trên có gân mạng.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng bán thường xanh dựa suối đến thường xanh, Krông Nô. Cây ưa sáng, ưa ẩm, đất xám hay bazan trên đá macma.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, cao đến 40m, cành lá không lông. Lá đơn mọc cách, dài 14cm, 10-15 cặp gân bên, nổi rõ mặt dưới. Hoa mọc chùm. Quả bế, hình bầu dục, dài 2-3cm, có 2 cánh ngắn tròn 0,5cm, 2 cánh dài 14cm, gân hình mạng.
Công dụng	Gỗ xây dựng, xẻ ván đóng đồ đạc,
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	IV
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 436, Nxb Trẻ, 1999

38. **DẦU RÁI**

Tên phổ thông loài: Dầu rái

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Dipterocarpus alatus* Roxb.

Họ: Dipterocarpaceae

Bộ: Malvales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Gốc, bạnh cây

Hoa	Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ thân thẳng, tròn, vỏ màu xám nâu, bong mảnh nhỏ, tán dày.

Lá đơn mọc cách, mặt dưới lá có lông, có lá kèm lớn bao chồi màu đỏ.

Hoa mẫu 5, cánh hoa xếp vặn, dính nhau ở gốc khi rụng vẫn còn nguyên tràng.

Quả có 5 cạnh nổi thành gờ cánh mỏng và có 2 cánh dài màu đỏ.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng và ưa ẩm, sống gần nước ven các sông suối.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, thân thẳng, tán lá dày chiếm hơn ¾ thân cây. **Cành** và mặt dưới lá phủ lông hình sao. **Lá** đơn mọc cách, mặt dưới lá có lông, gân bên 15-20 đôi khá rõ, có lá kèm lớn bao chồi màu đỏ. **Hoa** mẫu 5, cánh hoa xếp vặn, dính nhau ở gốc khi rụng vẫn còn nguyên tràng. **Quả** có 5 cạnh nổi thành gờ cánh mỏng và có 2 cánh dài màu đỏ.
Công dụng	Gỗ nâu đỏ, thớ thô, bền, nếu để ngoài mưa nắng thì dễ hỏng. Gỗ dùng đóng đồ đạc thông thường. Dầu từ thân cây dùng trong ngành sơn, vecni.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	V
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 308, Nxb Nông Nghiệp, 2002

Tên phổ thông loài: Dẻ(Giẻ), Sồi
Tên địa phương loài:
Tên các chi:
Castanopsis - Dẻ gai, Cà ổi, Kha thụ
Lithocarpus - Dẻ cau, Dẻ đá, Sồi đá
Quercus – Sồi
Castanea – Dẻ gai
Trigonobalanus – Sồi(dẻ) quả ba cạnh
Họ: Dẻ - Fagaceae
Bộ: Fagales

Hình ảnh nhận dạng họ dẻ

Lá

Lá

Thân

Vỏ, giác gỗ

Cụm Hoa(Gié) nách lá

Cụm Hoa(Gié) đầu cành

Quả có vỏ gai

Quả có đế

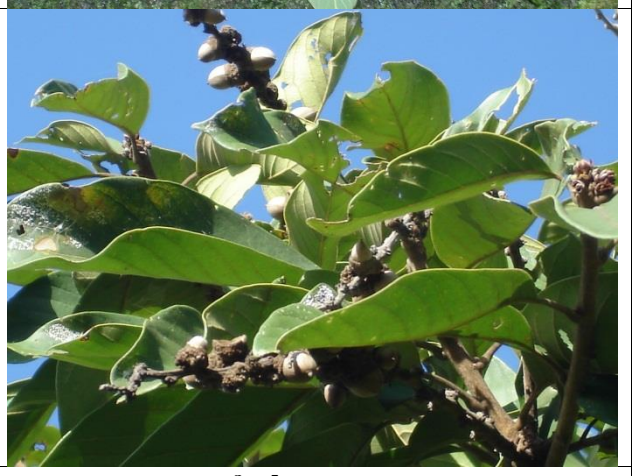

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của họ

Cây gỗ, vỏ thân thường nứt dọc, màu xám trắng đến nâu đỏ, **thịt vỏ** màu nâu nhạt đến nâu sậm.

Đặc biệt, mặt ngoài của giác có nhiều vết lồi lõm, nứt dọc lớn từ 1-5mm, độ dài không đều. ***Vỏ*** giác (libe) hóa màu tím hay sẫm màu nhanh sau khi vạc lớp vỏ.

Lá đơn mọc cách, có lá kèm, phiến lá nguyên (*Lithocarpus, Castanopsis*), thường có răng cưa và gai nhọn (*Quercus, castanea*), hay xẻ thùy (*Quercus*).

Hoa đơn tính, cụm hoa dạng bông đuôi sóc đầu cành, hoa không cuống.

Quả thường có đấu (đế) bọc ngoài (*Lithocarpus, castanopsis, quercus*), đấu có gai (*Castanopsis)* hay có vỏ bọc kín ngoài với nhiều gai dài (Castanopsis, *Castanea*).

39. **DẺ ĐÁ**

Tên phổ thông loài: Dẻ đá

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Lithocarpus sp.*

Họ: Fagaceae

Bộ: Fagales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Vỏ, giác gỗ

Thân

Gốc, bạnh cây

Hoa

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài Cây gỗ thường xanh, vạc vỏ thấy có nhiều khe nứt dọc, không đều. **Lá** đơn nguyên mặt dưới có màu nâu gỉ sắt, bóng.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây rừng thường xanh ẩm trên núi cao, ưa sáng. Yang Hanh – Krông Bông – Đăk Lăk.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, cao 15-20m, thân thẳng, gốc có bạnh. ***Vỏ*** thân màu xám, **thịt vỏ** nâu đỏ, giác trắng sau hóa tím, có nhiều khe nứt dọc sâu. Cụm hoa đực hình bông đuôi sóc đầu cành. **Quả** có đấu.
Công dụng	Cây cho gỗ đóng đồ đạc, xây dựng.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	V

40. DẺ ĐÁ CỌNG MẢNH

Tên phổ thông loài: Dẻ đá, Dẻ cọng mảnh

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Lithocarpus stenopus* (Hick. & Cam) A. Cam.

Họ: Fagaceae

Bộ: Fagales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

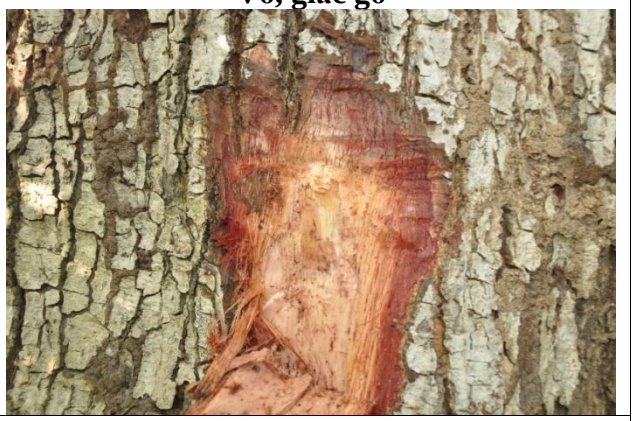

Hoa

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài Cây gỗ vỏ xám đen, **thịt vỏ** màu nâu, đặc biệt vỏ giác có nhiều khe nứt dọc sâu. Cành mảnh. **Lá** đơn mọc cách, đầu lá có đuôi nhọn. Mặt dưới lá màu xám nâu, bóng. **Quả** có đấu bọc.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, mọc ở rừng thường xanh trên núi.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, vỏ thân màu xám đen. **Lá** đơn mọc cách, **Cành non** và mặt dưới lá có lông trắng xám, phiến lá dài 9-12cm, hình bầu dục, đầu có đuôi nhọn 1-2cm, gốc lá tròn, gân phụ 5-6 cặp. **Quả** có đấu.
Công dụng	Cây cho gỗ xây dựng, đóng đồ đạc thông thường.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	V
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 2, tr. 652, Nxb Trẻ, 1999

41. DẺ LÁ LỚN

Tên phổ thông loài: Dẻ đá lá lớn, Dẻ Balansa

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Lithocarpus balansae* (Blake.) H. & C.

Họ: Fagaceae

Bộ: Fagales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

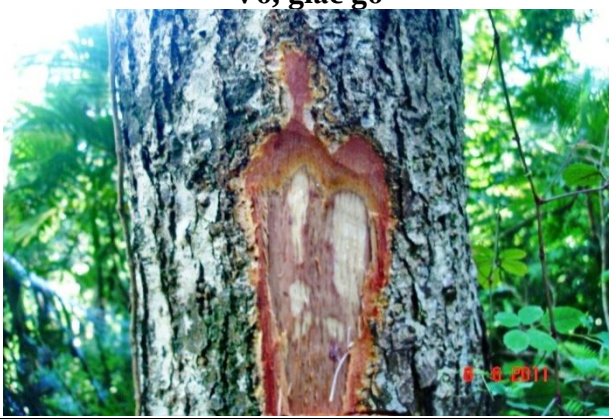

Hạt	Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ có vỏ nứt dọc, xám trắng, **thịt vỏ** nâu đỏ, đặc biệt có nhiều vết lõm dọc ở vỏ giác, dịch hóa tím sau khi vạt một lúc.

Lá to, hình thuôn dài đến 20cm, **Cành non** dễ thấy lá kèm.

Quả có đấu bọc kín ở ngoài, hình cầu đầu quả lõm, cuống to.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, mọc trên đồi núi cùng với các loài Trôm – Thị - Máu chó.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, thân khá thẳng, vỏ xám nứt dọc, hơi có mụn. **Lá** đơn mọc cách, có lá kèm, phiến lá lớn hình thuôn dài, kích thước 20-25cmx8-10cm, 8-10 cặp gân. Phát hoa đực chia nhánh dài 3-5cm. **Quả** có đấu bọc kín ngoài.
Công dụng	Gỗ dùng xây dựng, đóng đồ đạc.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	V
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 2, tr. 629, Nxb Trẻ, 1999

42. **DÓ BẦU**

Tên phổ thông loài: Dó bầu, trầm hương

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Aquilaria crassna* Pierre ex Lec.

Họ: Thymelaceae

Bộ: Thymelaeales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ thân

Quả	Quả, hạt
	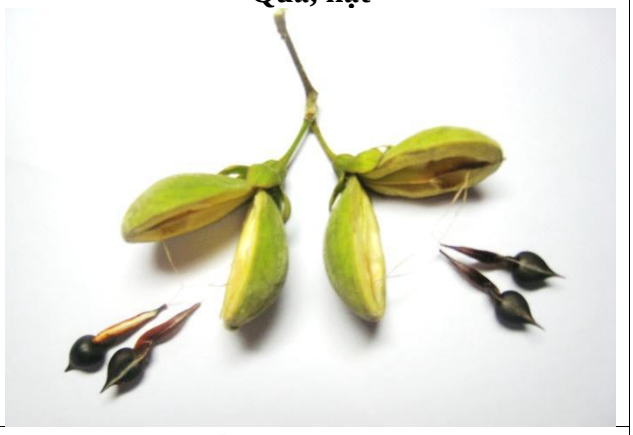

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ vỏ thân nhẵn, mặt trong và giác trắng, vỏ rất dai, rất dễ bóc tách mảnh vỏ dài ra khỏi cành mà không bị đứt.

Lá đơn mọc cách, phiến lá dai, mép lá gợn sóng, gân mịn, kích thước hình dạng như lá cây viết (họ Sapotaceae).

Quả nang hình trứng, có lông dày mịn, mang đài hình chuông 5 thùy, chín nứt 2 mảnh.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh ẩm, chịu bóng, ưa đất thịt pha cát.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ thường xanh, cao 15-25m, vỏ thân xám nhẵn. **Cành *non*** phủ lông màu xám. **Lá** đơn mọc cách, phiến lá hình mũi mác, dài 6-11cm, rộng 3-4cm, mặt trên màu xanh đậm bóng, mặt dưới lục nhạt. Mép lá gợn sóng, mặt trên bóng, gân mịn và dai. Cụm hoa hình tán, cánh đài hình chuông, màu trắng 5 thùy, **Quả** nang hình trứng, có lông dày mịn, mang đài tồn tại.
Công dụng	Gỗ mềm nhẹ, vàng nhạt, dễ mối mọt, nhiều sợi dai trắng làm nguyên liệu giấy. ***Vỏ*** thân làm sợi bông hoặc làm giấy. Nhựa-trầm hương rất quý, làm thuốc.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	EN
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	IA
Thuộc nhóm gỗ	I
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 436, Nxb Nông Nghiệp, 2002

43. **DUNG**

Tên phổ thông loài: Dung

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Symplocos lucida* (Thunb.) S. & Z.

Họ: Symplocaceae

Bộ: Theales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Quả

Quả

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ vỏ xám nhẵn, có tán lá dày rậm, cành không lông.

Lá đơn mọc cách, phiến lá thon nhọn, xanh đậm, mép có răng cưa nhọn.

Hoa mọc chùm nách lá hay tụ tán đầu cành, nhiều lông vàng, hoa màu trắng thơm.

Quả hình cầu hơi bầu dục, 8mm, nhiều đốm trắng, chín màu đen.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh độ cao đến 2400m. Đất xám nhiều mùn trên đá mắcma axit, tầng dày hơn 1m.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn cao 15-18m, đường kính trên 20cm, tán lá dày, cành không lông. **Lá** đơn mọc cách, phiến lá xanh đậm, hình thon hay trứng, 10x3cm, đầu có mũi nhọn, mép có răng cưa nhọn. **Hoa** mọc chùm ngắn ở nách lá hay chùm tụ tán, nhiều lông vàng, hoa màu trắng thơm, vành cao rộng 1cm, nhị nhiều. **Quả** hình cầu hơi bầu dục, 8mm, nhiều đốm trắng, chín màu đen.
Công dụng	Gỗ vàng nhạt, cứng, tỉ trọng gỗ (Khô/Tươi) = 0,492/1,032; khô không nứt nẻ, dùng đóng đồ đạc, làm cột trụ tốt. **Lá** và quả vị đắng, không độc, làm thuốc. Hạt ép dầu.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VIII
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 671, Nxb Trẻ, 1999

44. **ĐA BỒ ĐỀ**

Tên phổ thông loài: Đa bồ đề

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Ficus religiosa* L.

Họ: Moraceae

Bộ: Urticales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Nhựa mủ

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ, vỏ thân màu xám, có rễ phụ, ***nhựa mủ*** trắng.

Lá đơn mọc cách, cuống dài, phiến lá hình tim, đầu lá có mũi nhọn.

Hoa mọc cụm hình cầu tạo quả giả (quả phức) hình cầu.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng mọc nhanh.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, thân có nhiều rễ phụ, khi nhỏ tròn thẳng, cây lớn gốc có bạnh, vỏ xám, trơn. **Lá** đơn mọc cách, cuống dài 4-5cm, phiến lá hình tim, đầu lá có mũi nhọn, gân phụ phân nhánh. **Hoa** mọc cụm, hướng trong. **Quả** phức hình cầu nhỏ 1-1,5cm, được tạo thành từ nhiều hoa.
Công dụng	Cây có gỗ mềm nhẹ, dễ mối mọt, dùng đóng đồ dùng tạm, nuôi nấm.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VIII
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 376, Nxb Nông Nghiệp, 2002

45. QUAO VÀNG

Tên phổ thông loài: Quao vàng

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Stereospermum cylindricum* Pierre et Dop.

Họ: Bignoniaceae

Bộ: Scrophulariales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng

Lá kép lông chim 1 lần lẻ, mọc đối, có 4-5 cặp lá mọc đối, phiến lá chét hình xoan.
Vỏ nhiều lớp.
Quả nang cong xoắn.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng bán thường xanh. Ưa sáng.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ cao 10-20m. Vỏ màu xám vàng. **Lá** kép lông chim 1 lần lẻ. **Lá** nhỏ không có cuống. Hoa môi xẻ 5thùy, có nhiều sọc. **Quả** nhỏ dài cong xoắn.
Công dụng	Gỗ mềm, dùng xây dựng, đóng đồ đạc.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	VU
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	IIA
Thuộc nhóm gỗ	II
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 3, tr. 93, Nxb Trẻ, 1999

46.

47. ĐINH, QUAO RĂNG

Tên phổ thông loài: Quao răng, đinh lá có răng cưa
Tên địa phương loài:
Tên khoa học: *Dolichandrone serrulata* (Dc.) Seem.
Họ: Bignoniaceae
Bộ: Scrophulariales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Cây tái sinh

Quả

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ vỏ thân nứt dọc dài, **thịt vỏ** và giác trắng. **Cành *non*** xanh có nhiều lỗ bì màu trắng. **Lá** kép lông chim lẻ, mọc đối, 2-4 cặp lá chét đối, phiến lá chét nhọn, mỏng, có răng cưa nhọn. Tràng hoa hợp hình ống. **Quả** nang khô chín nứt, hạt có cánh.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng bán thường xanh, dọc suối. Đất ẩm, tầng dày.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, thân có vỏ màu xám trắng, nứt dọc dài.Tán lá thưa, xanh lục nhạt. **Lá** kép lông chim lẻ, dài đến 35cm, 2-4 cặp lá chét đối, phiến mỏng hơi nhăn, gân phụ nổi rõ, mép lá có răng cưa, 4-6 cặp gân phụ. **Hoa** chùm 2-3cm, 3-7 hoa, tràng hình ống dài 11-19cm, trắng, thơm. **Quả** nang to 1,8cm, dài, hạt có cánh.
Công dụng	**Gỗ** dùng đóng đồ đạc, xây dựng, hoa lớn ăn được.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	II
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 3, tr. 92, Nxb Trẻ, 1999

48. GIÁC ĐẾ SÀI GÒN

Tên phổ thông loài: Giác đế sài gòn

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Gioniothalamus gabriacianus* (Baill.) Ast.

Họ : Annonaceae

Bộ : Annonales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

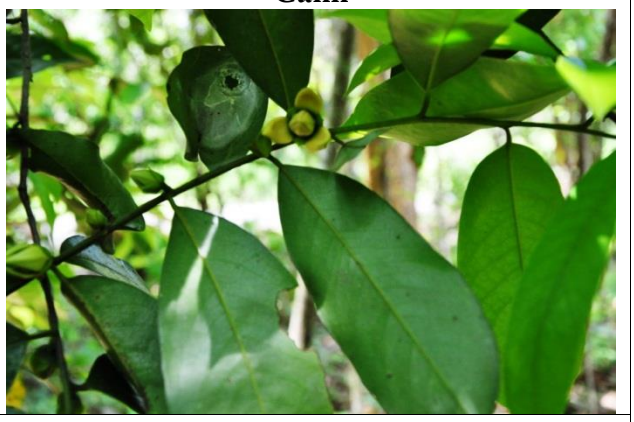

Thân

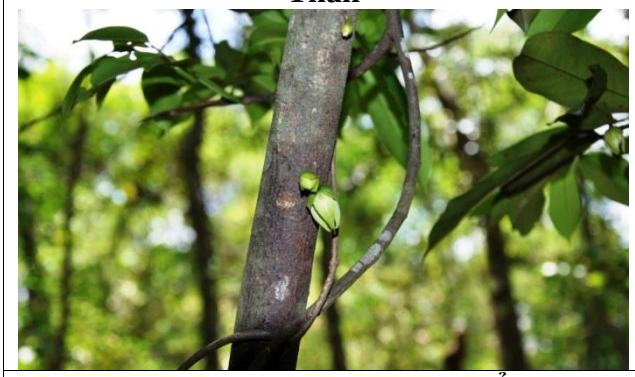

Hoa

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây vỏ màu xám đen, lá đơn mọc cách, phiến lá hình bầu dục dài, đầu lá nhọn, mặt trên lá xanh đậm bóng, vò lá có mùi thơm.

Hoa mẫu 3, 3 cánh đài xanh lá, 3 cánh tràng vòng ngoài xanh vàng, dài 2-3cm, 3 lá đài vòng trong ngắn bị vòng ngoài che khuất, hoa mọc đơn độc nách lá hay ở thân.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa ẩm, chịu bóng, mọc dưới tán rừng.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ hay bụi, vỏ xám đen, lá đơn mọc cách, phiến lá hình bầu dục dài, đầu lá nhọn, mặt trên lá xanh đậm bóng, dài 15-20cm, rộng 4,5-6cm, vò lá có mùi thơm. **Hoa** mẫu 3, 3 cánh đài xanh lá, 3 cánh tràng vòng ngoài xanh vàng, dài 2-3cm, 3 lá đài vòng trong ngắn bị vòng ngoài che khuất, hoa mọc đơn độc nách lá hay ở thân giả (cành mọc sát thân). **Quả** hình trái xoan, 1-2 hạt.
Công dụng	Cây cho gỗ nhỏ, có tinh dầu thơm.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	K
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 278, Nxb Trẻ, 1999

49. GIÁNG HƯƠNG

Tên phổ thông loài: Giáng hương quả to

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Pterocarpus macrocarpus* Kurz.

Họ: Fabaceae

Bộ: Fabales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Quả

Vỏ, giác gỗ, Nhựa mủ

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ, vỏ màu nâu, vết đẽo vỏ có ***nhựa mủ*** đỏ.

Lá kép lông chim một lần lẻ, có từ 3-4 cặp lá chét.

Quả hình cầu tròn, xung quanh có cánh mỏng tạo **Quả** hình tròn dẹt, cánh có nếp nhăn và gân hình mạng.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, mọc trong rừng thưa hay nửa rụng lá, ven các rừng rậm thường xanh, chịu được điều kiện đất khô xấu.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ rụng lá vào mùa nghỉ, thân vỏ nứt nẻ, bong mảnh, dày, màu nâu nhạt đến nâu vàng, tán xòe rộng. **Cành *non*** màu nâu, nhạt, có lỗ bì màu trắng. **Lá** kép lông chim một lần lẻ, có từ 3-4 cặp lá chét, đầu lá có mũi nhọn, gốc lá hình tròn. Phiến lá hình trái xoan, mặt trên xanh đậm bóng, dài 4-7cm, rộng 1,5-3,5cm. **Quả** hình cầu tròn, xung quanh có cánh mỏng có nếp nhăn và gân hình mạng, trong có 2 ô chứa 2 hạt.
Công dụng	Cây gỗ có vân đẹp màu đỏ, có hương thơm, ít nứt nẻ, không bị mối mọt, dùng trong xây dựng, đồ mỹ nghệ.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	EN
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	IIA
Thuộc nhóm gỗ	I
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 527, Nxb Nông Nghiệp, 2002

50. GIANG QUẢNG ĐÔNG

Tên phổ thông loài: Giang Quảng đông

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Ternstroemia kwantungensis* Merr.

Họ: Theaceae

Bộ: Theales

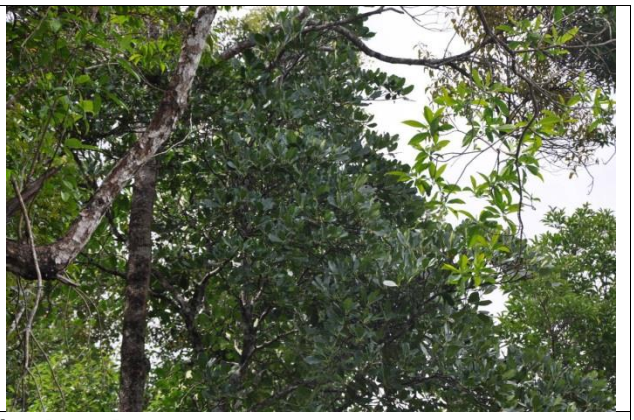

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá – mặt trên

Cành

Lá – mặt dưới

Vỏ, giác gỗ

Thân

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ, **thịt vỏ** màu nâu đỏ sẫm, mềm, nhiều sợi dai và dính. **Lá** đơn mọc cụm đầu cành, dày và bóng, hình thon ngược, đầu lá gần tròn, gốc lá nhọn, gân lá phụ không thấy rõ.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây mọc nơi rừng thường xanh, đất feralit xốp đến hơi chặt, pH trung tính, độ cao từ 300-400m. Ưu hợp: Giổi – quế - chò xót.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ trung bình, cao 10-15m, đường kính 30-40cm, vỏ xám đến nâu đen. **Lá** đơn, mọc cụm đầu cành, phiến lá hình xoan ngược, đầu lá gần tròn, dày, xanh bóng, dài 12-16cm. **Hoa** mọc nách lá đầu cành, cuống dài 2-2,5cm, mang 2 tiền diệp(lá nhỏ như vảy), đài 5, cánh tràng màu trắng vàng, dính ở đỉnh và gốc, giữa có khe hở. **Quả** hình cầu, các cánh đài và tiền diệp còn tồn tại.
Công dụng	Gỗ trung bình, làm nhà và đóng đồ đạc tốt. ***Vỏ*** có nhiều 107annin có thể làm thuốc nhuộm. **Lá** xanh bóng, hoa đẹp và thơm có thể làm cảnh.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 414, Nxb Trẻ, 1999

51. **GIỀN ĐỎ**

Tên phổ thông loài: Giền đỏ

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Xylopia vielana* Pierre ex Finet et Gagnep.

Họ: Annonaceae

Bộ: Annonales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Thân	Vỏ, giác gỗ

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ có vỏ thân màu nâu vàng, bong mảng, thịt vỏ dày màu vàng nhạt với nhiều lớp.
Lá đơn mọc cách. Phiến lá mềm mỏng có nhiều lông mịn.
Hoa mẫu 3, 3 cánh ngoài dài nhọn.
Quả cụm nhiều quả nhỏ xếp trên một đế, quả gồm nhiều hạt chia đốt.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh ẩm nhiệt đới, trên các đồi núi thấp. Cây ưa sáng, cây non cần che bóng. Hạt tái sinh mạnh.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ trung bình, cao 10-18m, đường kính 20-25cm. Vỏ xám vàng, bong mảng. Lá đơn mọc cách, dài 7-10cm, dài 3-4cm, hình trái xoan đầu nhọn, gốc lá tròn. Hoa mẫu 3, mọc cô độc trên cành ở nách lá, cánh đài 3, cánh tràng 6 với 2 vòng màu vàng nhạt. Quả nhỏ xếp trên một đế dài xòe ra thành hình cầu, quả nhỏ hình trụ, cong, trong chứa 2-5 hạt.
Công dụng	Gỗ màu vàng, thơm nhẹ, dùng đóng đồ đạc thông thường. Vỏ và lá dùng làm thuốc bổ
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VIII
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 79, Nxb Nông Nghiệp, 2002

52. **GIỔI**

Tên phổ thông loài: Giổi **Tên địa phương loài:** **Tên khoa học:** *Magnolia sp.* **Họ:** Magnoliaceae **Bộ:** Magnoliales	

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ, vỏ xám nhẵn, **thịt vỏ** màu nâu vàng, có nhựa thơm. **Lá** đơn mọc cách, có lá kèm bao chồi, rụng để lại sẹo vòng trên cành, phiến lá mặt trên xanh đậm, mặt dưới hơi trắng mốc.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh ẩm, đất ẩm, pH = 6. Ưu hợp: Chò xót – Sến – Giổi. Krông Bông.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, vỏ thân nhẵn màu xám. **Lá** đơn mọc cách có lá kèm nhiều lông màu nâu gỉ sắt, phiến lá hình xoan, đầu có mũi nhọn ngắn, mặt dưới màu trắng mốc, gân phụ hợp ở gần mép. **Hoa** có đài tràng khó phân biệt, các lá noãn rời.
Công dụng	Gỗ vàng đẹp, mịn thớ, có thể dùng đóng đồ đạc, xây dựng, chiết suất tinh dầu.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	IV
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 232-236, Nxb Trẻ, 1999

53.

54. GIỔI XƯƠNG

Tên phổ thông loài: Giổi xương

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Paramichelia baillonii* (Pierre) S. Y. Hu

Họ: Magnoliaceae

Bộ: Magnoliales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ vạc vỏ có mùi thơm đặc trưng, **thịt vỏ** vàng, giác trắng.

Cành có sẹo vòng vết tích của lá kèm rụng. **Cành** lá có nhiều lông hung nhiều nhất ở lá kèm, màu nâu gỉ sắt.

Lá đơn mọc cách, hình thuôn nhọn 2 đầu, dài 10-18cm, 12-13 cặp gân lá.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh trên núi, độ cao trên 1000m. Cây ưa sáng, tầng đất dày. Ưu hợp Sồi dẻ-Bời Lời.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ vỏ xám trắng, có sẹo vòng. **Cành** có sẹo vòng vết tích của lá kèm rụng. **Cành** lá có nhiều lông hung nhiều nhất ở lá kèm, màu nâu gỉ sắt. **Lá** đơn mọc cách, hình thuôn nhọn 2 đầu, dài 10-18cm, 12-13 cặp gân lá.
Công dụng	Gỗ đẹp, có mùi thơm, dùng đóng đồ đạc, xây dựng. Cây cho tinh dầu thơm.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	VU
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	IV
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 241, Nxb Trẻ, 1999

55. **GÕ MẬT**

Tên phổ thông loài: Gõ mật

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Sindora siamensis* Teysm. ex Mig. var *siamensis*

Họ: Caesalpiniaceae

Bộ: Fabales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ, vỏ nâu sẫm, có nhiều đốm xám, đốm đen, nứt ngang dọc sau bong mảnh hình vuông hay chữ nhật. Vết vạc vỏ hay lát cắt gỗ sau hóa màu nâu sậm. **Lá** kép lông chim 1 lần lẻ, có từ 3-4 đôi lá chét có lông nhung mịn, màu xanh vàng, dài 5-10cm, rộng 3-6cm, có một đôi lá kèm hợp hình tim đầu nhọn. **Lá** non có màu nâu bánh mật. **Quả** gần tròn, có mũi nhọn, đường kính 6cm, dẹt, hai mặt có gai.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, phân bố rộng. Cây thích hợp nhiều loại đất, cả đất xấu. Cây non chịu bóng, sau chuyển dần sang ưa sáng.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ, vỏ nâu sẫm, có nhiều đốm xám, đốm đen, nứt ngang dọc sau bong mảng hình vuông hay chữ nhật, thịt vỏ màu nâu hồng, giác vàng, vết vạc vỏ hay lát cắt gỗ sau hóa màu nâu sậm. **Lá** kép lông chim 1 lần lẻ, có từ 3-4 đôi lá chét có lông nhung mịn, màu xanh vàng, dài 5-10cm, rộng 3-6cm, có một đôi lá kèm hợp hình tim, đầu nhọn. **Lá** non có màu nâu. Cụm hoa hình chùy ở đầu cành hay nách lá. **Hoa** khá to, màu đỏ nhạt. **Quả** gần tròn, có mũi nhọn, đường kính 6cm, dẹt, hai mặt có gai dài 3-5mm, mang 1 hạt.
Công dụng	Gỗ rất cứng nặng, giòn, nhưng rất bền, kể cả ngoài trời nắng, ẩm và không bị mối mọt. Gỗ mịn dễ gia công, dùng trong xây dựng nhà cửa, đóng đồ dùng gia đình, đồ mỹ nghệ, vỏ tàu đi biển, thùng xe…
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	EN
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	IIA
Thuộc nhóm gỗ	I
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 530, Nxb Nông Nghiệp, 2002

56. GÕ NƯỚC, GỤ LAU

Tên phổ thông loài: Gõ nước, gõ dầu, gụ lau

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Sindora tonkinensis* A. Chev.

Họ: Caesalpiniaceae

Bộ: Fabales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

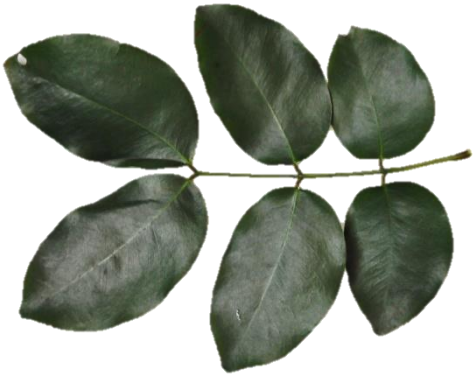

Cành

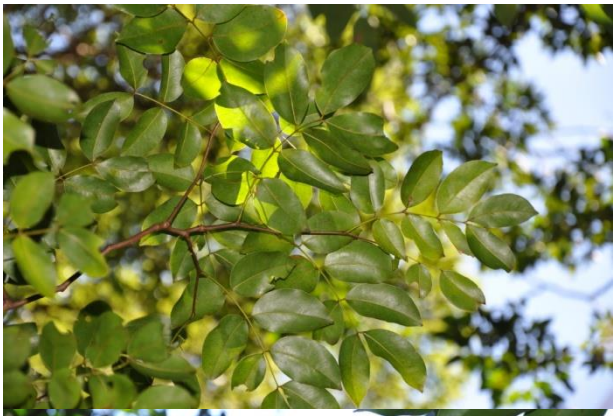

Thân

Vỏ, giác gỗ

Thân	Vỏ, giác gỗ
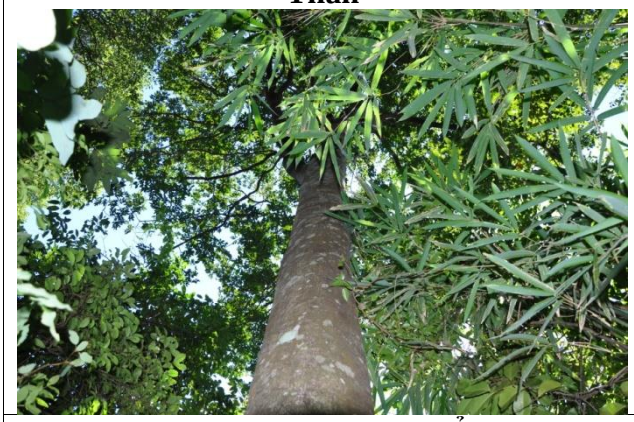	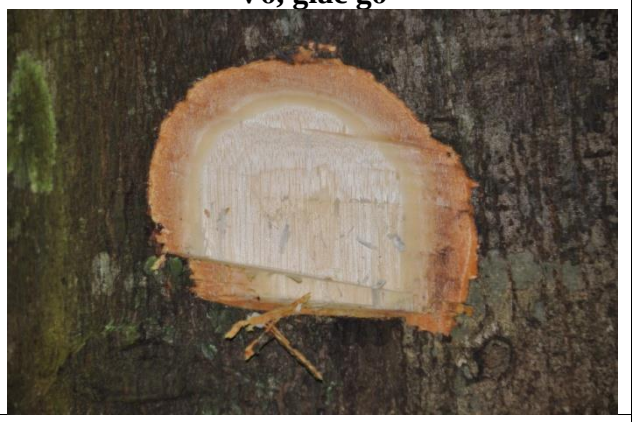

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ thân thẳng tròn, màu nâu đen, thịt vỏ cứng màu nâu nhạt, giác gỗ trắng.
Lá kép lông chim 1 lần chẵn, mặt lá nhẵn bóng, rất giống lá gõ đỏ (Cà te – *Afzelia xylocarpa*, khác nhiều phần vỏ thân cà te xám trắng đến xám xanh).

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh ẩm, ven suối. Tầng đất dày, ẩm.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, cao 25-30m, đường kính có thể trên 100cm, thân tròn thẳng, vỏ màu nâu đen, nhẵn. Cành màu nâu đỏ, nhẵn. Lá kép lông chim 1 lần chẵn, 3-4 cặp lá chét hình trứng trái xoan hơi hướng cong ra phía đầu lá, đầu lá có mũi nhọn ngắn, 2 mặt lá nhẵn bóng, dài 5-7cm, rộng 3-4cm, gốc cuống lá phình tròn. Hoa mọc cụm xim viên chùy ở nách lá đầu cành, cánh tràng màu xanh vàng, nhị 10.
Công dụng	Gỗ bền, giác trắng, lõi nâu nhạt, thớ thẳng mịn dùng đóng đồ đạc mỹ nghệ, xây dựng.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	EN
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	IIA
Thuộc nhóm gỗ	I
Tài liệu tra cứu	Lê Mộng Chân – Lê Thị Huyên, Thực vật rừng, tr. 275, Nxb Nông Nghiệp Hà Nội, 2000

57. **GỘI NÚI**

Tên phổ thông loài: Gội núi, ngâu

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Aglaia sp.*

Họ: Meliaceae

Bộ: Rutales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

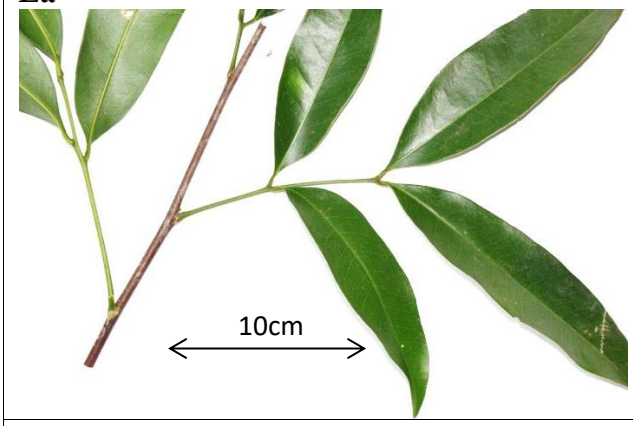

Quả

Thân

Vỏ, giác gỗ

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ vỏ thân nhẵn, thịt vỏ nâu sậm, giác vàng. **Cành non** trắng có nhiều lỗ bì, cành già nâu. Lá kép lông chim lẻ, lá chét 5 hình thuôn nhọn. Quả hình cầu 2cm, màu vàng xanh.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh ẩm trên núi, Chư Yang Sin độ cao 500-700m. Đất thịt pha cát, giàu mùn. Ưu hợp các loài Mít nài – Sữa – Bứa – Phay – Trám.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, thân thẳng, vỏ nhẵn, xám xanh. Cành lá xanh dày, lá kép lông chim 1 lần lẻ, cuống lá dài đến 30cm, 5 lá chét thuôn nhọn 2 đầu, dài 15cm, rộng 3-4cm. Quả thịt mọn, hình cầu 2cm, cuống dài 3-4cm.
Công dụng	Gỗ cứng đẹp, dùng xây dựng nhà cửa, đóng đồ tiện khắc.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	IV
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 2, tr. 398-405, Nxb Trẻ, 1999

58. HÈO, SANG TRẮNG

Tên phổ thông loài: Hèo, sang trắng

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Drypetes perreticulata* Gagnep.

Họ: Euphorbiaceae

Bộ: Euphorbiales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

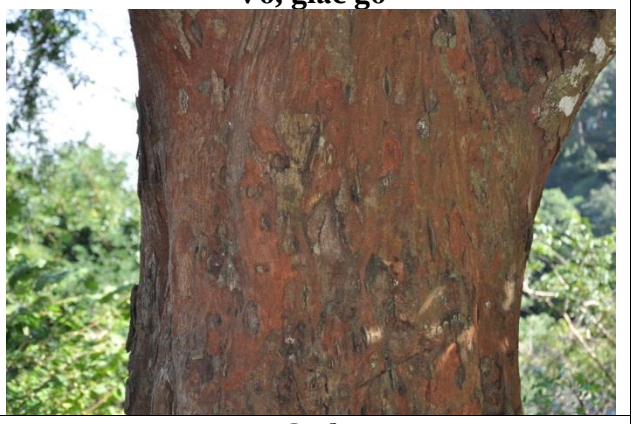

Hoa

Quả

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ vỏ bong mảnh màu nâu đỏ. Tán lá xanh đậm, rậm. Vò lá có mùi hôi. Lá đơn mọc cách, phiến lá xanh nhẵn, hình trứng gốc tròn, đầu nhọn, gân lá nổi rất rõ 7-9 cặp. Quả hạch 2x3cm, đầu có nuốm nhọn, nhẵn bóng.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh, núi thấp, ven suối ẩm. Chư Yang Sin.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỡ, cao 8-10m, vỏ thân bong mảnh, xám nâu đến nâu đỏ. **Cành non** xanh sau nâu đỏ. Lá đơn mọc cách, phiến lá xanh nhẵn, hình trứng, đầu nhọn, gốc tròn, 7-9 cặp gân lá nổi rõ. Quả hạch, vỏ nhẵn, đầu có nuốm nhọn.
Công dụng	Gỗ cứng mịn dùng trong xây dựng, đóng đồ đạc, cán nông cụ.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 409, Nxb Nông Nghiệp, 2002

59. **HỒI NÚI**

Tên phổ thông loài: Hồi núi
Tên địa phương loài:
Tên khoa học: *Illicium griffithii* Hook. F. et Thomas.
Họ: Illiciaceae
Bộ: Illiciales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

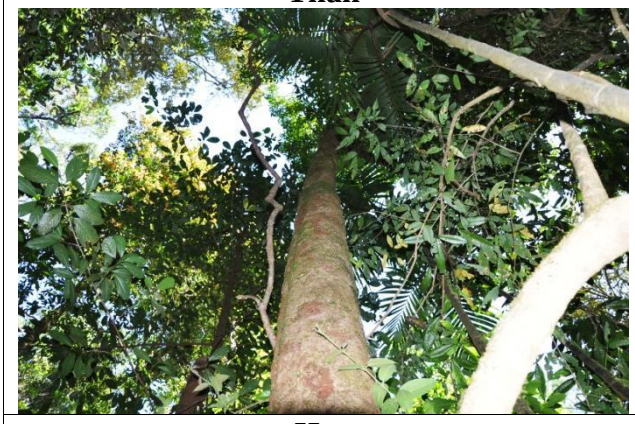

Vỏ, giác gỗ

Hoa

Quả

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ có vỏ thân màu nâu đỏ, thịt vỏ màu nâu đỏ sậm và nhiều hạt như cát. Đặc biệt toàn cây có mùi thơm (bằng cách đẽo vỏ hay vò lá). Lá đơn mọc cách thường tập trung như vòng, phiến lá hình bầu dục, đầu có mũi nhọn, mặt dưới lá màu hơi trắng mốc. Hoa màu hồng mọc đơn độc ở nách lá. Quả kép gồm nhiều đại chín tự nứt bằng một đường.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh trên núi cao, chịu bóng lúc nhỏ hay thường mọc dưới tán rừng.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ trung bình cao 8-15m. Vỏ ngoài xù xì, màu nâu đỏ. Lá đơn mọc cách thường tập trung như vòng, phiến lá hình bầu dục, đầu có mũi nhọn, mép nguyên, không lông, dài khoảng 6-8cm, rộng 3-4 cm, mặt dưới lá màu hơi trắng mốc. Hoa mọc đơn độc ở nách lá, màu hồng nhạt, cánh tràng tròn, cánh phía trong nhỏ dần, cánh đài hình giống cánh tràng. Quả nang kép, khoảng 12 nang xếp hình sao, mỗi nang có mũi cong lên, chín tự nứt.
Công dụng	Cây cho tinh dầu thơm làm thuốc chữa bệnh. Quả cũng có tinh dầu thơm nhưng độc.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Không phân loại
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 84, Nxb Nông Nghiệp, 2002

60. **HỒNG QUANG**

Tên phổ thông loài: Hồng quang

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Rhodoleia championii* Hook. F. (*Rhodoleia parvipelata* Tong)

Họ: Rhodoleiaceae

Bộ: Hamamelidales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa	Hoa

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ có vỏ bong mảnh mỏng, xếp lớp, nhiều mụn.

Lá có cuống dài, hơi phình 2 đầu, màu xanh sau đỏ, mặt dưới lá phủ lớp phấn màu trắng bạc.

Hoa màu đỏ.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, tái sinh mạnh.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, cao 30-40m, đường kính 40-80m, vỏ thân bong mảnh mỏng, có mụn nổi, **thịt vỏ** màu nâu nhạt. **Cành *non*** và cuống lá xanh sau có màu đỏ pha đen. **Lá** đơn mọc cách, cuống lá dài, phiến lá hình xoan, mặt dưới màu trắng bạc. **Hoa** mọc cụm đầu cành, chúc xuống, cánh tràng hoa màu đỏ. **Quả** phủ lông gỉ sắt, nứt 4 mảnh.
Công dụng	Gỗ giác vàng, lõi nâu, mịn, bền không mối mọt, dùng đóng đồ đạc, xây dựng, cầu.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	V
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 139, Nxb Nông Nghiệp, 2002

61. **HUỲNH NƯƠNG**

Tên phổ thông loài: Huỳnh nương

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Ternstroemia penangiana* Choisy.

Họ: Theaceae

Bộ: Theales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Lá

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ vỏ thân xám nhẵn, **thịt vỏ** có màu trắng vàng xen kẽ, giác nâu vàng giòn. **Lá** đơn mọc cách, hình trứng ngược phiến lá rất dày dai, mặt trên xanh bóng mặt dưới lục nhạt. **Quả** hình bầu dục nhọn đầu.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh trên núi cao trung bình, đất tốt, tầng dày. Ưu hợp họ Dẻ - Chò xót – Sến Mật.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỡ, vỏ thân xám trắng nhẵn. **Cành** lá nhiều. **Lá** đơn mọc cách thường chụm đầu cành, phiến lá hình bầu dục thuôn hoặc trứng ngược, dài 10-15cm, rộng đến 8cm, dày và bóng, cuống dài 1,5cm tròn mập. **Hoa** đơn độc ở nách lá, cuống dài 1,5cm, đài xanh, tràng màu trắng vàng. **Quả** mọng dạng trái xoan thuôn, đầu nhọn dài 3-4cm, rộng 2-3cm.
Công dụng	Gỗ trung bình màu vàng, đóng đồ đạc, xây dựng, tàu thuyền.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 203, Nxb Nông Nghiệp, 2002

62. KÈ ĐUÔI BÔNG

Tên phổ thông loài: Kè đuôi bông, sò đo bông tím.

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Markhamia cauda-foelina* (Hance) Craib.

Họ: Bignoniaceae

Bộ: Scrophulariales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

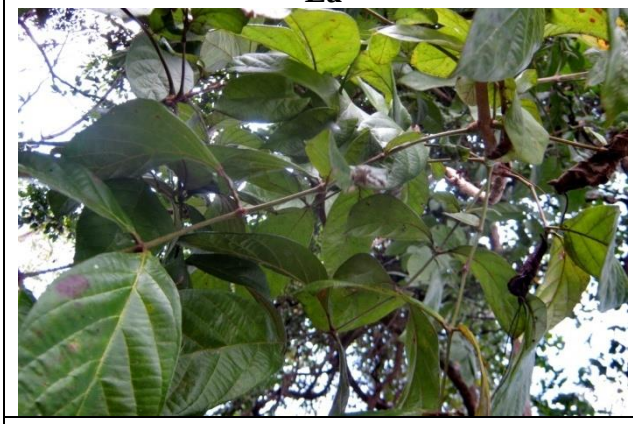

Cành

Hoa

Quả

Hoa	Quả
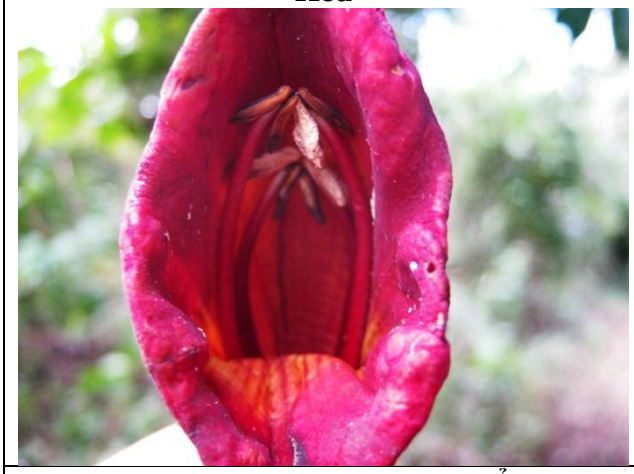	

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Lá kép lông chim 1 lần lẻ, mọc đối, phiến lá chét lớn.
Hoa mọc cụm đầu cành, hoa to, hình phễu, màu nâu đỏ, họng vàng cam.
Quả nang dẹt, dài đến 50cm.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, chịu khô hạn, phân bố từ Bắc vào Nam, Đăk Lăk.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ, cao hơn 10m, thân thẳng tròn, vỏ xám dày, tán thưa, cành thấp. **Lá** kép lông chim 1 lần lẻ, mọc đối. **Hoa** lớn, mọc cụm đầu cành, hình phễu, màu nâu tím, họng màu vàng đến cam, dài 5-7cm. **Quả** nang dẹt, dài 40-50cm. Hạt dẹt, có cánh mỏng.
Công dụng	**Gỗ** màu xám vàng, có kết cấu mịn, dễ làm, dùng xây dựng, đóng đồ đạc.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	V
Tài liệu tra cứu	Lê Mộng Trân – Lê Thị Huyền, Thực Vật Rừng, tr. 399, Nxb Nông Nghiệp Hà Nội, 2000

63. **KIỀN KIỀN**

Tên phổ thông loài: Kiền kiền núi

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Hopea siamensis* Heim.

Họ: Dipterocarpaceae

Bộ: Malvales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

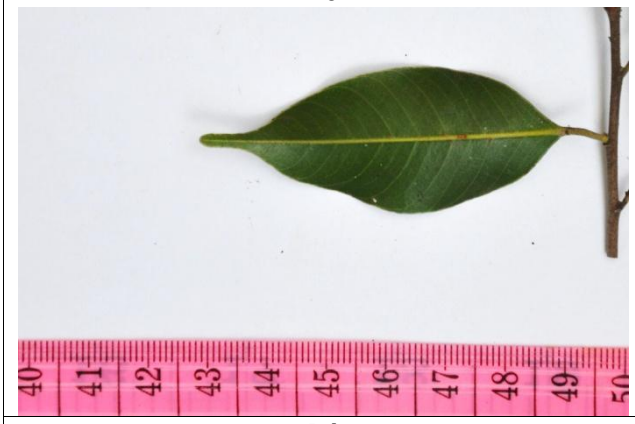

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ vỏ thân nâu xám, nứt dọc, bong mảnh, **thịt vỏ** vàng, nhiều xơ sợi.

Lá đơn mọc cách, nhỏ cỡ 3x6cm, đầu lá có mũi kéo dài.

Quả có 2 cánh lớn dài 3-4,5cm và 3 cánh ngắn ở gốc quả.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh ẩm trên núi cao(<1200m) các tỉnh miền trung, Đăk lăk, Lâm Đồng.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ cao lớn đến 40m, thân thẳng, vỏ nứt dọc đều, tán lá rộng, phân cành thưa, cành nhỏ có lông. **Lá** đơn mọc cách, dài 3,5-8cm, đầu lá có mũi kéo dài, gốc lá tròn, gân lá mảnh, xếp sít nhau, cuống lá 1cm. **Hoa** cụm hình chùy ngắn, dài 2-3cm, cuống chung nhẵn, hoa nhỏ cuống dài 0,25cm, lá đài nhỏ ở gốc, cánh tràng cao 0,7-1cm, có lông mặt ngoài. **Quả** dạng trái xoan, cao 1cm, có 2 cánh dài 3-4,5cm, 3 cánh nhỏ ở gốc.
Công dụng	Gỗ tốt cứng, bền, dùng xây nhà, làm cầu, xẻ ván, đóng đồ đạc.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	EN
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	II
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 319, Nxb Nông Nghiệp, 2002

64. **KIM GIAO**

Tên phổ thông loài: Kim giao

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Nageia wallichiana* (C.presl) Kuntze

Họ: Podocarpaceae

Bộ: Podocarpales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

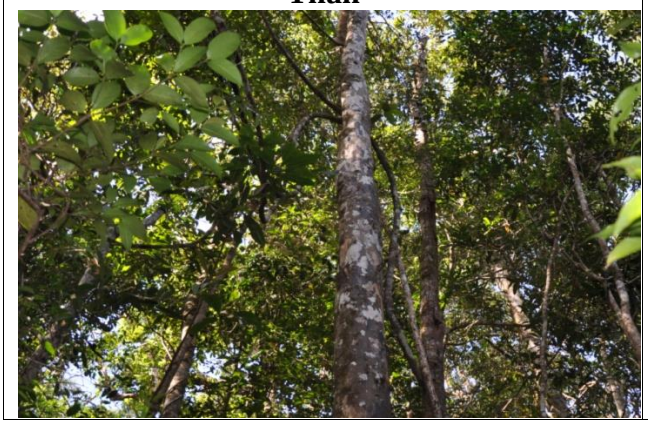

Vỏ, giác gỗ

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ vỏ thân đen, nhẵn. **Lá** đơn mọc đối hoặc gần đối, hình trái xoan, lá dày và bóng, gân lá mịn song song từ cuống đến đầu lá.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây mọc trong rừng thường xanh trên núi, chịu bóng lúc nhỏ, dễ tái sinh dưới tán rừng tự nhiên.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ, thân thẳng, tán hình trụ, cành mọc ngang độ 1/3 chiều dài rồi rủ xuống. Vỏ bong thành mảng. **Lá** hình trái xoan đầu nhọn, gốc hình nêm, dài 5-7cm, rộng 2-2,5cm, mọc đối hoặc gần đối, nhẵn bóng, dày, cứng, mặt trên xanh đậm mặt dưới xanh lá chuối non, nhiều gân hình cung song song từ gốc lá đến đầu lá. Cụm nón đực hình viên trụ, 3-4 chiếc mọc ở nách lá, dài 2cm. Nón cái mọc đơn độc ở nách lá. Hạt hình cầu, đường kính 1-2cm, đế mập, cuống dài khoảng 2cm, đường kính đế và cuống dài gần bằng nhau.
Công dụng	Cây gỗ có nhiều vân đẹp ở 2 mặt cắt ngang dọc thớ, được dùng làm đồ mỹ nghệ. **Lá** dùng làm thuốc
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	IV
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 18, Nxb Nông Nghiệp, 2002

65. **LIM XẸT**

Tên phổ thông loài: Lim xẹt, lim sét

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Peltophorum pterocarpum* (A. P. De Cande) Back. ex Heyne.

Họ: Caesalpiniaceae

Bộ: Fabales

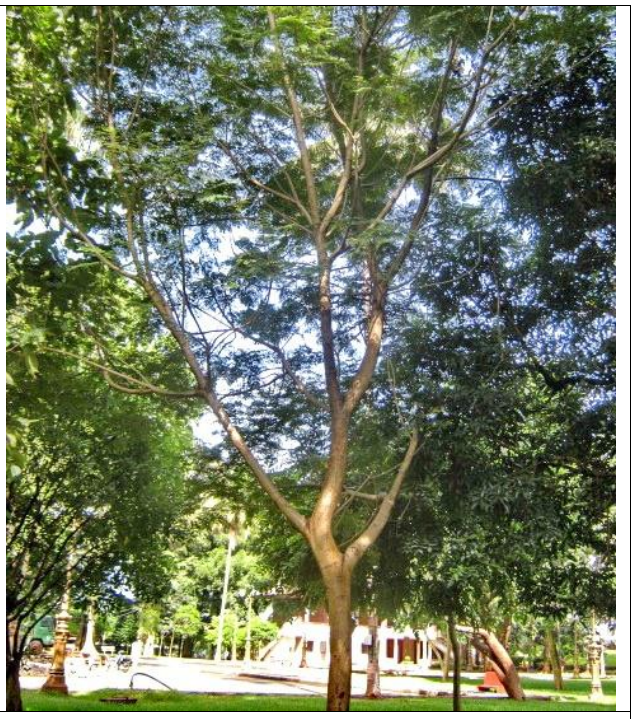

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ

Hoa	Hoa

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cành *non* và cuống lá có lông màu gỉ sắt (lim sét – lim xẹt), đặc biệt là cuống hoa màu rất rõ.

Lá kép lông chim 2 lần chẵn, lá chét hình thuôn nhỏ, đầu tròn đặc biệt gốc lá rất lệch, như lá phượng.

Cụm hoa hình chùy ở đầu cành, cánh tràng hoa màu vàng tươi.

Quả đậu dẹt, dài 10-12cm, rộng 2-2,5cm.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, tái sinh mạnh, chịu được khô hạn.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, vỏ thân màu nâu, nhẵn hay có vết nứt dọc nông, hẹp. **Lá** kép lông chim 2 lần chẵn, dài 25-30cm, mang 4-14 đôi cuống cấp 1, mỗi cuống mang 10-20 đôi lá chét hình thuôn nhỏ, đầu tròn gốc lá rất lệch, lá kèm nhỏ. Cụm hoa hình chùy ở đầu cành, lá bắc sớm rụng, cánh đài hình trứng ngược, có lông, cánh tràng hoa màu vàng tươi, hình trái xoan, phía trong có lông ở họng và phần giữa. **Quả** đậu dẹt, dài 10-12cm, rộng 2-2,5cm.
Công dụng	Gỗ vàng nâu, khá bền dùng trong xây dựng, đóng tàu và đồ mộc, cây cho bóng mát và cho hoa làm cảnh rất đẹp.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	V
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 525, Nxb Nông Nghiệp, 2002

66. LỌ NỒI Ô RÔ

Tên phổ thông loài: Lọ nồi ô rô

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Hydnocarpus ilicifolia* King.

Họ: Kiggelariaceae

Bộ: Violales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Hoa

Quả

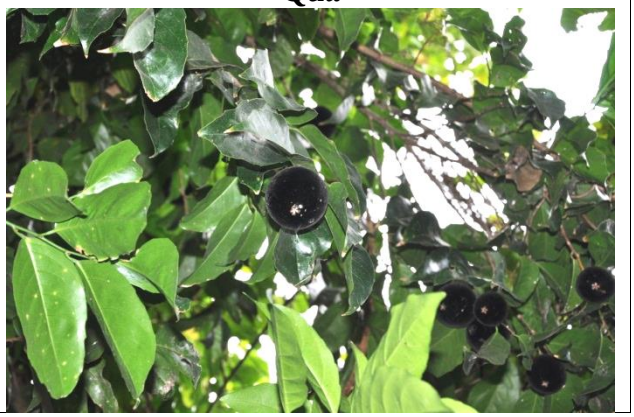

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ, vỏ xám, nhẵn. **Lá** đơn mọc cách, phiến lá hình trứng, cứng, 2 mặt xanh bóng, gốc lá tròn, đầu lá có mũi nhọn, rìa mép có răng cưa thưa nhọn. **Quả** hình cầu, đường kính 5-7cm, có nhiều lông nhung trên vỏ màu đen.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa ẩm, mọc ven suối, đất xốp, nhiều mùn.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ thường xanh, trung bình, cao 15-20m, đường kính 30-50cm, vỏ xám nhẵn. **Lá** đơn mọc cách, lá dày và xanh bóng, rìa mép có răng cưa thưa, nhọn, hơi gợn sóng. Cụm hoa hình xim, mọc ở các kẽ nách lá. **Quả** hình cầu, có lông nhung đen, đường kính 4-8cm
Công dụng	**Gỗ** mềm, dùng đóng đồ đạc thông thường. Hạt có nhiều dầu, làm xà phòng, làm thuốc trị phong.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	V
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 278, Nxb Nông Nghiệp, 2002

67. LỘC VỪNG, CHIẾC CHÙM

Tên phổ thông loài: Lộc vừng, chiếc ít hoa, Cam lang

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Barringtonia pauciflora* King.

Họ: Lecythidaceae

Bộ: Ericales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Hoa

Quả

Hoa	**Nụ hoa**

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài Cây gỗ nhỏ, vỏ thân nhẵn, phân nhiều cành nhánh. Lá đầu cành, phiến lá thuôn dài nhọn 2 đầu, cuống dài khoảng 5cm, bìa mép có răng cưa. Hoa cụm bông đuôi sóc, rủ, 4 cánh, nhị rất nhiều màu hồng.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh ẩm ven suối, đất Bazan tầng dày. Ưu hợp các cây họ Long não – Côm – Thầu dầu – Xoài.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ đường kính đến 25cm, cao 5-15m, vỏ thân nhẵn xám, phân nhiều cành nhánh. Lá đơn mọc cách thường chụm đầu cành, phiến lá thuôn dài nhọn 2 đầu, không lông, bìa có răng, cuống dài 4-7cm. Hoa mọc chùm thong dài đến 70cm, nụ hoa to 1-1,5cm, cánh hoa 4 rời, nhị nhiều. Trái hình thoi dài 5cm.
Công dụng	Hoa đẹp trồng làm cảnh.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 2, tr. 26, Nxb Trẻ, 1999

68. **LÔI**

Tên phổ thông loài: Lôi

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Crypteronia paniculata* Blume var. *affinis* (PL) Beus.

Họ: Cryptoniaceae

Bộ: Rhyzophorales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa

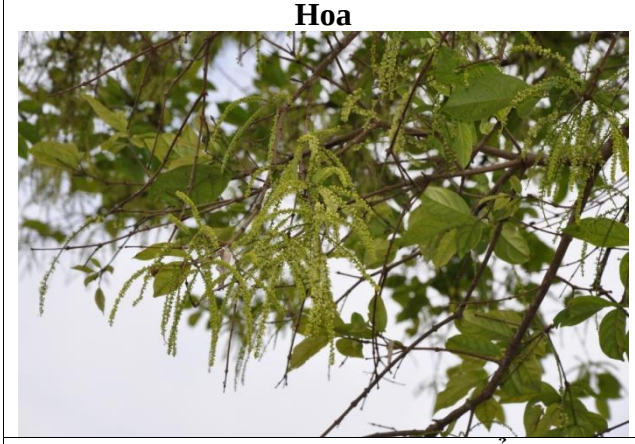

Hoa

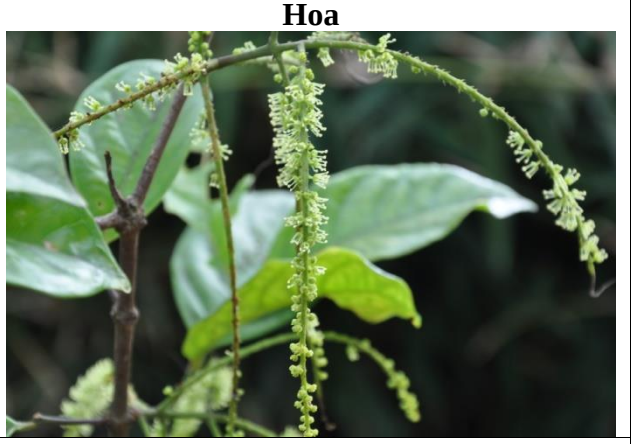

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ, vỏ nứt dọc sâu, màu nâu sẫm, vết vạc vỏ màu nâu mật, có nhiều hạt mịn kết dính, **thịt vỏ** mềm. **Lá** đơn mọc đối hình trái xoan, gân lá nổi mặt dưới. **Cành *non*** có tiết diện vuông, đọt non có màu tím nhạt.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa ẩm, mọc trong rừng thường xanh. Ưu hợp: Lôi – Xoan đào – Bứa – Lòng máng.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ cao 15-30m, đường kính 60cm. ***Vỏ*** sần sùi, màu nâu sẫm, nứt dọc sâu, **thịt vỏ** mềm dẻo, màu nâu nhạt giống màu đường rỉ mật, có nhiều hạt mịn kết dính. **Cành *non*** có tiết diện vuông. **Lá** đơn mọc đối, không lá kèm, hình trái xoan hay hình trứng, dài 9-11cm, rộng 5-6cm, nhẵn 2 mặt hay có rất ít lông ở mặt dưới, gân bên 7-8 đôi, gân nổi rõ mặt dưới. Cụm hoa hình chùy hay hình bông, mọc ở nách lá. **Quả** nang có nhiều lông cứng, 2 ô, mở bằng 2van. Hạt nhiều và có cánh.
Công dụng	Gỗ khá cứng nặng, dùng trong xây dựng, gỗ mỹ nghệ.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VIII
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 480, Nxb Nông Nghiệp, 2002

69. **LÒNG MÁNG**

Tên Phổ Thông Loài: Lòng máng lá đa dạng, Lòng máng lá lớn

Tên Địa Phương Loài:

Tên Khoa Học: *Pterospermum diversifolia* Bl.

Họ: Sterculiaceae

Bộ: Malvales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành cây tái sinh

Thân

Vỏ, giác gỗ

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ, lá đơn mọc cách, đầu lá cây tái sinh xẻ thùy chân vịt, mặt dưới phủ lông màu trắng xám.

Cành *non* phủ lông màu hung vàng.

Quả nang chín hóa gỗ, dài 15-18cm, rộng 7cm, mở làm 5 mảnh cứng.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây mọc trong rừng thứ sinh hoặc nửa rụng lá. Loài ưa sáng, mọc nhanh và tái sinh mạnh trong kiểu rừng thứ sinh có nhiều tre, nứa, lồ ô.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, vỏ màu nâu xám, bong mảng nhỏ không đều tạo vết lõm không sâu, hơi láng. Thịt vỏ màu nâu đỏ đến vàng nhạt từ ngoài vào trong. **Cành *non*** phủ nhiều lông màu hung vàng. **Lá** đơn mọc cách, dài 22-25cm, rộng 17-18cm, mặt dưới lá màu trắng xám, lá kèm dài 5-6mm xẻ 2 hoặc 3. **Lá** non và lá cây tái sinh có dạng xẻ chân vịt. **Hoa** mọc đơn độc ở nách lá, cánh tràng 5 màu cánh gián. **Quả** nang hóa gỗ, nứt thành 5 mảnh cứng, hạt có cánh màu nâu cánh gián.
Công dụng	Dùng đóng đồ đạc, làm nhà
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VI
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 335, Nxb Nông Nghiệp, 2002

70. **LƯỠI NAI**

Tên phổ thông loài: Lưỡi nai lá lớn

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Itea macrophylla* Wall.

Họ: Iteaceae

Bộ: Saxifragales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

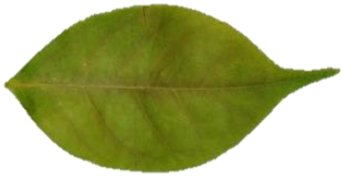

Thân

Vỏ, giác gỗ

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ thân thẳng, tròn, vỏ xám nhẵn, **thịt vỏ** và giác vàng.

Lá đơn mọc cách, không lá kèm, mép lá có răng cưa nhỏ.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh, Yang Hanh – Krông Bông. Đất nhiều mùn xám đen trên đá Granit. Độ cao 400-1000m.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ thân thẳng, vỏ thân xám nhẵn. **Lá** đơn mọc cách, không có lá kèm, phiến lá hình bầu dục dài 9-12cm, đầu lá có mũi nhọn kéo dài 2cm, mép lá có răng cưa nhọn. **Hoa** chùm, lưỡng tính, mẫu 5. **Quả** nang cắt vách chín nứt chẻ tới gốc.
Công dụng	Gỗ xây dựng, làm đồ đạc, tiện khắc.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 811, Nxb Trẻ, 1999

71. **MAO ĐÀI LÔNG**

Tên phổ thông loài: Mao đài lông

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Mitrephora maingayi* Hook.f. & Thomson

Họ: Annonaceae

Bộ: Annonales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa	Hạt

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Vỏ xám đen, nhẵn, thịt vỏ nâu vàng nhiều lớp. Cành lá dày, xanh đậm, rủ xuống.
Lá đơn mọc cách, lá già màu vàng vò có mùi hôi bọ xít.
Hoa thơm mẫu 3, cánh tràng 2 vòng, ngoài sọc đỏ trắng, vòng trong vàng sọc đỏ dính nhau ở đỉnh.
Quả kép, có lông tơ màu vàng, hạt dẹt, cắt ngang thấy nhiều vết khía lõm từ lõi hạt ra vỏ.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh ẩm, ven suối Yang Mao – Krông Bông. Ưu hợp các loài Trôm - Dẻ - Lòng máng.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỡ, vỏ thân xám đen, nhẵn. Phân cành nhiều, non có lông sau nhẵn. Lá đơn mọc cách, hình trứng thuôn dài hay bầu dục, gốc tròn, đầu nhọn, mặt trên nhẵn, 8-12 cặp gân. Hoa mẫu 3, 3 đài ngắn, 2 vòng tràng, vòng ngoài cánh tràng dài 1,5cm màu sọc đỏ sọc trắng, vòng trong hợp ở đỉnh, màu vàng sọc đỏ, cuống dài 3cm. Quả kép thành cụm hình cầu, mỗi quả to 2,5-4cm, có lông màu vàng, hạt 3-4 dẹt.
Công dụng	Cây làm gỗ đóng đồ đạc. Hoa đẹp, tán xanh dày, có thể trồng làm cảnh.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 68, Nxb Nông Nghiệp, 2002

72. **MÂN MÂY**

Tên phổ thông loài: Mân mây, cổ ngỗng

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Suregada multiflora* (Juss.) H. Baill.

Họ: Euphorbiaceae

Bộ: Euphorbiales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ, tán lá dày xanh, vỏ xám, nhìn dáng như cây mãng cầu xiêm. **Cành *non*** có sẹo vòng ở cuống lá như cây ngát hay ngọc lan nhưng lá nhẵn bóng và vò lá không có mùi thơm. **Lá** đơn mọc cách, phiến lá thuôn dài, đầu nhọn.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, mọc trên đất tốt, tầng dày, ẩm.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ, cao 7-15m, thân tròn, thẳng, vỏ màu xám. **Cành *non*** có vết sẹo do lá kèm rụng. **Lá** đơn mọc cách, phiến lá xanh đậm, hình thuôn dài 10-15cm. **Hoa** đơn tính khác gốc, mọc đối diện cuống lá, bầu 3 ô. **Quả** nang hình cầu có 3 múi, chín màu vàng, to 2cm.
Công dụng	Gỗ làm cột, trụ mỏ, đóng đồ dùng thông thường.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 432, Nxb Nông Nghiệp, 2002

73. **MÁU CHÓ LÁ NHỎ**

Tên phổ thông loài: Máu chó lá nhỏ

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Knema globularia* (Lamk.) Warb.

Họ: Myristicaceae

Bộ: Annonales

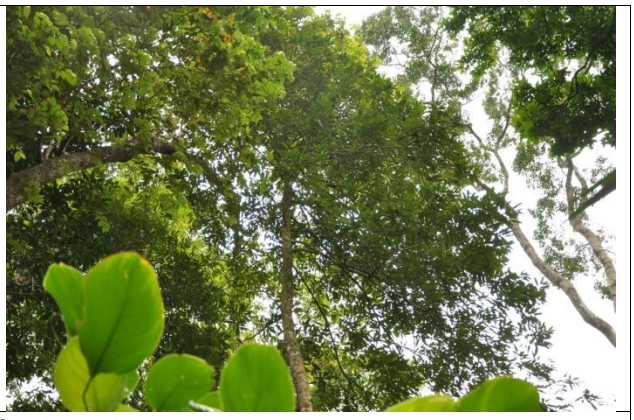

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

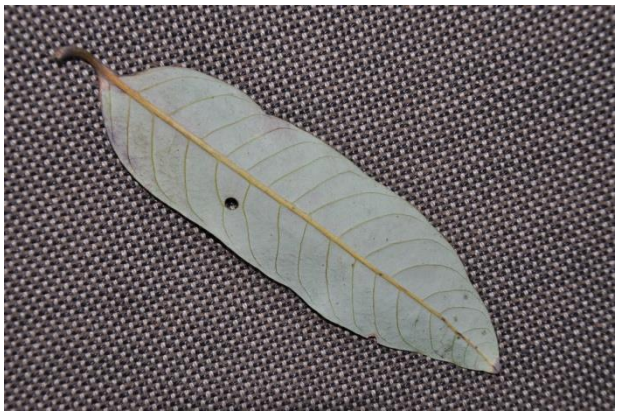

Cành

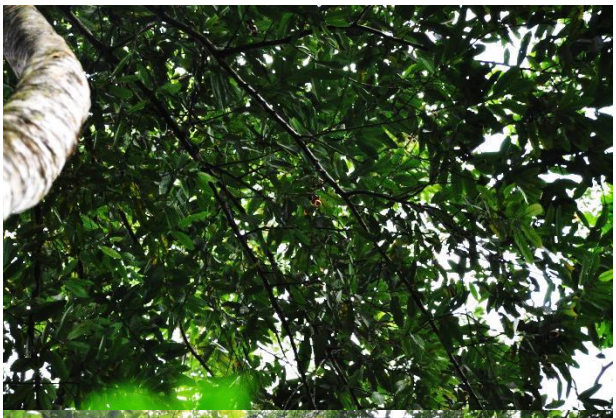

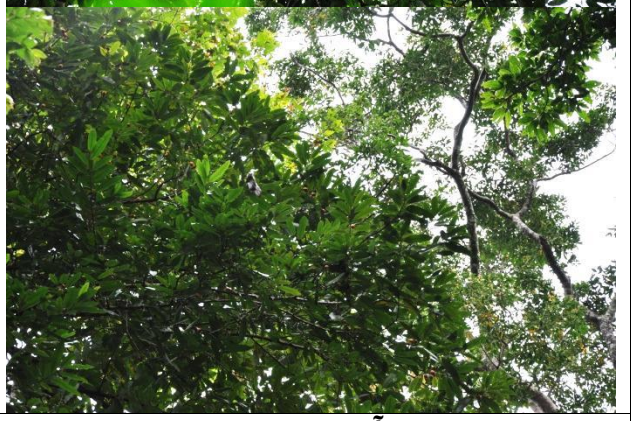

Thân

Vỏ, giác gỗ

Nhựa mủ	Quả

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Vỏ bong mảnh nhẵn vạc vỏ có nhựa màu đỏ, không đặc dính.
Lá đơn mọc cách xếp trên mặt phẳng cành, phiến lá hình thuôn dài, mặt dưới lá bạc, trên xanh nhẵn.
Quả hình bầu dục 4-5 cm, vỏ nứt 2 mảnh, hạt nhẵn bóng, có lớp áo màu đỏ dày.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh ẩm, Krông Bông, M'đrăk – Đăk Lăk. Cây ưa đất sâu dày và ẩm, chịu bóng. Tái sinh hạt tốt ở dưới tán rừng.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, cao đến 18-20m, vỏ thân bong mảng lõm, màu nâu. Phân cành ngang hơi rủ, lá xếp trên mặt phẳng. Lá đơn mọc cách, hình mác hay thuôn dài, mặt dưới lá màu trắng bạc, mặt trên xanh nhẵn bóng, dài 15cm, rộng 2-3cm, gân bên 10-15 cặp. Hoa ở nách lá đầu cành. Quả hình trứng tròn hay bầu dục, vỏ mỏng, màu vàng, 1 hạt nhẵn có lớp áo màu đỏ.
Công dụng	Gỗ đóng đồ đạc thông thường, hạt thường chữa ghẻ và các bệnh ngoài da, cho dầu mùi hắc, có thể chế xà phòng chữa bệnh đặc trị.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 81, Nxb Nông Nghiệp, 2002

74. MÁU CHÓ LÔNG

Tên phổ thông loài: Máu chó lông

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Knema poilanei* De Wilde

Họ: Myristicaceae

Bộ: Annonales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ, nhựa mủ

Nhựa mủ

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ, vỏ nâu xám, vết vạc vỏ có nhựa màu đỏ như máu. **Lá** mặt trên xanh lục bóng, mặt dưới màu xanh mốc. **Cành *non*** phủ lông màu hung hay gỉ sắt.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây mọc nơi rừng thường xanh ẩm nhiệt đới, vùng núi cao trung bình. Ưu hợp: trôm-lòng máng-thị-bứa
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, vỏ màu nâu xám, phân cành nhiều, cành non có lông màu hung hay gỉ sắt. **Lá** đơn mọc cách, mọc trên mặt phẳng 2 bên cành, thuôn hẹp, mặt trên xanh lục bóng, mặt dưới màu xanh mốc, dài15-40cm, rộng 7-13cm, gân bên 22-28 đôi, song song, nổi rõ. Cụm hoa hình chùy, hoa đơn tính khác gốc. **Hoa** đực dính nhau thành hình chén, mang 13-18 bao phấn. **Hoa** cái cao 0,6cm. **Quả** chụm 1-3, nang, dạng bầu dục dài 2,5-3cm, phủ lông dày, cuống **Quả** ngắn 0,2-0,3cm.
Công dụng	Gỗ dùng đóng đồ đạc và xây dựng. Loài đặc hữu của Việt Nam (Kon Tum, Đăk Lăk).
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 82, Nxb Nông Nghiệp, 2002

75. **MÍT NÀI**

Tên phổ thông loài: Mít nài

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Artocarpus rigidus* Bl. Subsp. Asperulus (Gagnep.) Jarr.

Họ: Moraceae

Bộ: Urticaceae

Cây tái sinh

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Cụm hoa

Quả

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ vỏ xám đen, **thịt vỏ** nâu hồng, có ***nhựa mủ*** màu trắng sữa, dính. **Lá** đơn mọc cách, có lá kèm, cứng giòn, xẻ thùy ở **Cành non** hay cây tái sinh, có lông sờ hơi ráp. **Quả** phức hình cầu, có gai như mít nhà *A. heterophyllus*	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh ẩm, độ cao 500-1000m. Cây ưa sáng.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn thân tròn, thẳng, vỏ xám đen, hơi nứt đều. **Lá** đơn mọc cách, hình thuôn tròn hay bầu dục, có nhiều lông vàng khi non, gân bên nổi rõ mặt dưới, xếp đều, gần song song, lá kèm ở chồi ngọn 1-2cm. **Hoa** đơn tính mọc cụm, cụm hoa đực dạng bông gần tròn 1cm, cụm hoa cái hình bông tròn, 2,5cm, sau thành quả phức, 7-10cm, có nhiều gai cao. Hạt 1,2cmx0,8cm.
Công dụng	Gỗ vàng đẹp, dùng xây dựng, xẻ ván, đóng đồ đạc.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VI
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 362, Nxb Nông Nghiệp, 2002

76. MÍT NÀI, CHAY LÁ BÓNG

Tên phổ thông loài: Mít nài, chay lá bóng

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Artocarpus nitidus* Trec. subsp. *Lignanensis* (Merr.) Jarr.

Họ: Moraceae

Bộ: Urticaceae

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ, Nhựa mủ

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ thân thẳng tròn, vỏ xám nâu hay đen, nứt nhẹ, thịt vỏ nâu hồng, có nhựa mủ màu trắng sữa. Lá đơn mọc cách, có lá kèm, phiến lá bóng nhẵn 2 mặt. Quả phức hình cầu, màu xanh, có eo gần cuống.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái quan trọng	Rừng thường xanh ẩm, đến bán thường xanh ven suối, Krông Bông, Krông nô(Đăk lăk)
Đặc điểm hình thái quan trọng	Cây gỗ lớn thân tròn, thẳng, vỏ xám đen, nứt nhẹ. Lá đơn mọc cách, hình thuôn tròn hay bầu dục, mặt lá bóng, gân bên 8-10, dài 10-16cm, rộng 6-7cm. Hoa đơn tính mọc cụm. Quả phức, hình cầu, có eo phía cuống lá, to 6-8cm.
Công dụng	Gỗ tốt, dùng trong xây dựng đóng đồ đạc, nhà cửa, làm thớt.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VI
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 361, Nxb Nông Nghiệp, 2002

77. **MỠ**

Tên phổ thông loài: Mỡ

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Manglietia phuthoensis* Dandy.

Họ: Magnoliaceae

Bộ: Magnoliales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Hoa

Quả

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ thân thẳng tròn, vỏ xám, **thịt vỏ** màu trắng, cành có nhiều sẹo vòng.

Lá đơn mọc cách, phiến lá nhẵn, 17x6cm, gân phụ 13-15 cặp, lá kèm rụng để lạ sẹo vòng trên cành.

Hoa đơn độc, mọc đầu cành, màu trắng vàng.

Quả nang kép, mỗi nang chứa nhiều hơn 2 hạt màu đỏ nhẵn bóng, chín nứt 1 đường.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh trên núi, độ cao trên 1000m. Tầng đất dày, Feralit nâu đen. Tái sinh hạt, chồi tốt.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ thân thẳng tròn, vỏ màu xám, bạc, nhiều lỗ bì nhỏ, **thịt vỏ** màu trắng cành có nhiều sẹo vòng. **Lá** đơn mọc cách, phiến lá nhẵn, 17x6cm, gân phụ 13-15 cặp, lá kèm rụng để lạ sẹo vòng trên cành. **Hoa** đơn độc, mọc đầu cành, màu trắng vàng, bao hoa 9 cánh xếp 3 vòng, nhị đực nhiều, lá noãn nhiều xếp thành khối. **Quả** nang kép, mỗi nang chứa 5-6 hạt màu đỏ nhẵn bóng, chín nứt bụng.
Công dụng	Gỗ có lõi giác phân biệt, xám nhạt-vàng nhạt, mềm, thớ thẳng, mịn, vòng năm dễ nhận. Gỗ ít mối mọt, dễ gia công, dùng tiện khắc, đóng đồ dùng, ván lạng, bột giấy…
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	IV
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 48, Nxb Nông Nghiệp, 2002

78. MÙNG QUÂN GAI ĐƠN

Tên phổ thông loài: Mùng quân

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Flacourtia rukkam* Zoll. Et More.

Họ: Flacourtiaceae

Bộ: Violales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Gai

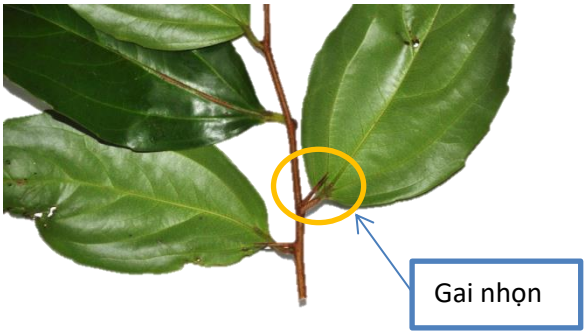

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ thân cành nhiều gai nhọn, gai ở thân phân nhánh, gai đơn nách lá.

Lá đơn mọc cách, mép lá có răng cưa thưa và tù, gân lá lông chim và có 2 gân bên gốc nổi rõ, mặt lá nhẵn bóng.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh núi thấp đến 400m, Chư Yang Sin. Cây được gây trồng.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, thân cành nhiều gai, vỏ màu nâu xám. Lá đơn, mọc cách, nách lá có gai, phiến lá nhẵn bóng, hình trứng, gốc lá tròn, đầu lá nhọn, mép lá có răng cưa thưa và tù, gân lá nổi rõ 4-6 cặp gân bên. Hoa chùm ngắn ở nách lá, lưỡng tính, không có cánh, có lông mịn. Quả hạch, hình cầu 2,5cm.
Công dụng	Gỗ trung bình, đóng đồ đạc. Quả hơi chat ăn được, làm mứt. Dịch quả non trị đau bụng tiêu chảy…
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 271, Nxb Nông Nghiệp, 2002

79. **MUỒNG ĐEN**

Tên phổ thông loài: Muồng đen (muồng xiêm)

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Cassia siamea* Lamarck

Họ: Caesalpiniaceae

Bộ: Fabales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ

Hoa

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ lớn, vỏ thân nhẵnvà xám xanh lúc non d<20cm, thân to vỏ nứt nhiều mảnh màu đen. **Lá** kép lông chim 1 lần chẵn, mọc cách, 7-10 đôi lá chét mọc đối, đầu tròn hay lõm. Cụm hoa dạng chùm tụ tán, mọc ở đầu cành, hoa màu vàng tươi, trái đậu dẹp dài 15-30cm.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây trung tính thiên về ưa sáng, đất canxi, đất bồi tụ, trung tính màu mỡ, ẩm ướt, trên đất khô cằn cây vẫn sống được.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, cao15-20m, đường kính 30-35cm, vỏ thân nhẵn sau bong mảnh, màu đen. **Lá** kép lông chim 1 lần chẵn, mọc cách, dài 15-20cm, 7-10 đôi lá chét mọc đối, hình bầu dục, dài 3-7cm, rộng 1-2cm, đầu tròn hay lõm. Cụm hoa lớn ở đầu cành, hoa màu vàng tươi, trái đậu dẹp dài 15-30cm, rộng 1,0-1,5cm.
Công dụng	Gỗ có lõi khó bị mối mọt, khó mục, dùng trong xây dựng, đồ dùng gia đình, đồ mỹ nghệ…
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	I
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 506, Nxb Nông Nghiệp, 2002

80. **MUỒNG SUMATRA**

Tên phổ thông loài: Ràng ràng Sumatra, Muồng sumatra

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Ormosia sumatrana* (Miq.) Prain.

Họ: Fabaceae

Bộ: Fabales

Hình ảnh – Lá kèm

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Lá mặt dưới

Vỏ, giác gỗ

Thân	*Vỏ* thân

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ có thân tròn thẳng, vỏ ngoài không nứt, có vỏ nhiều mụn, xám đen. Thịt vỏ và giác trắng. **Cành** có nhiều lông.

Lá kép lông chim lẻ, 2-5 cặp lá chét đối (5-11 lá), dạng lá nhãn.

Quả đậu 1-2 hạt, có eo. Hạt màu đỏ hay cam.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Yang Hanh, M'đrăk. Rừng thường xanh trên núi. Ưu hợp: Lôi – Trôm – Xoan đào.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, thân thẳn tròn. **Cành** có nhiều lông vàng. **Lá** kép lông chim lẻ, mang 5-11 lá chét, thon ngược 9x3cm, đầu tròn tà, mặt trên màu nâu nhung, gân phụ 6-7 cặp, gân tam cấp đan hình mạng rõ. Chùm hoa tụ tán, đầy lông vàng, dày; hoa nhiều, khít nhau, cao vài 1cm. **Quả** đậu mang 1-2 hạt đỏ.
Công dụng	Gỗ đẹp, ít bị nứt nẻ, nhưng dễ bị mối mọt. Dùng xẻ ván làm nhà…
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VI
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 874, Nxb Trẻ, 1999

81. MUỒNG HOA ĐÀO

Tên phổ thông loài: Muồng hoa đào

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Cassia javania* L. Subsp. javanica

Họ: Caesalpiniaceae

Bộ: Fabales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa

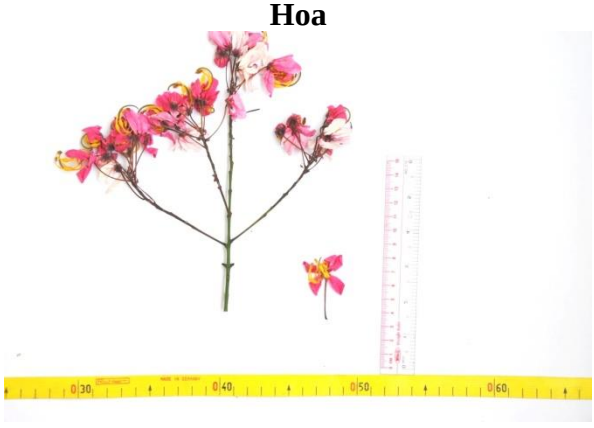

Hoa

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ, vỏ màu xám nâu, vỏ trơn không nứt nhưng có nhiều vết rạn. Thịt vỏ ngoài màu hồng, giữa xám, trong vàng sậm, có mùi hôi đặc trưng bộ đậu, giác gỗ màu vàng. **Lá** kép lông chim một lần chẵn, dài 10-15cm, có 7-9 cặp lá nhỏ 2,5x5-6cm. **Hoa** mọc cụm hình ngù ở nách lá, đầu cành màu hồng tươi nhìn xa cũng dễ nhận ra (mùa hoa tháng 5-6).	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, mọc nhanh, rừng nhiệt đới thường xanh. Ưa đất ẩm, dày ven chân núi, suối.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, tán hình ô rộng, vỏ màu xám nâu, vỏ trơn không nứt. **Lá** kép lông chim một lần chẵn, dài 10-15cm, có 7-9 cặp lá nhỏ, kích thước mỗi lá 2,5x5-6cm, lá kèm hình trái xoan nhọn ở gốc hình tim. **Hoa** mọc cụm hình ngù ở nách lá, đầu cành, cánh tràng màu hồng tươi. **Quả** đậu hình trụ hơi có đốt, dài hơn 35cm, hạt nhiều.
Công dụng	Cây cho hoa đẹp. **Gỗ** màu vàng tươi, kém chịu mối mọt, dùng đóng đồ đạc trong nhà.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 504, Nxb Nông Nghiệp, 2002

82. NA HỒNG

Tên phổ thông loài: Na hồng, nhọc

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Miliusa bailonii* Pierre

Họ: Annonaceae

Bộ: Annonales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

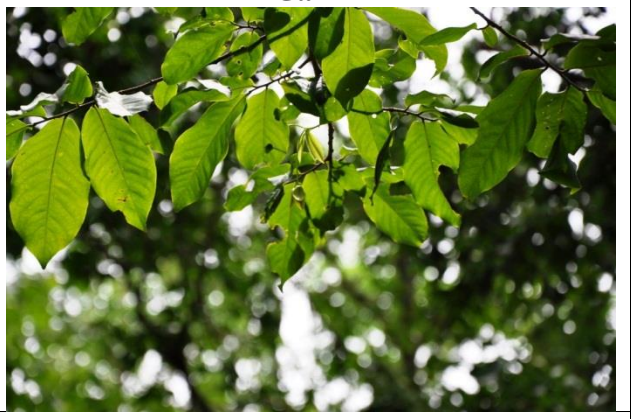

Thân

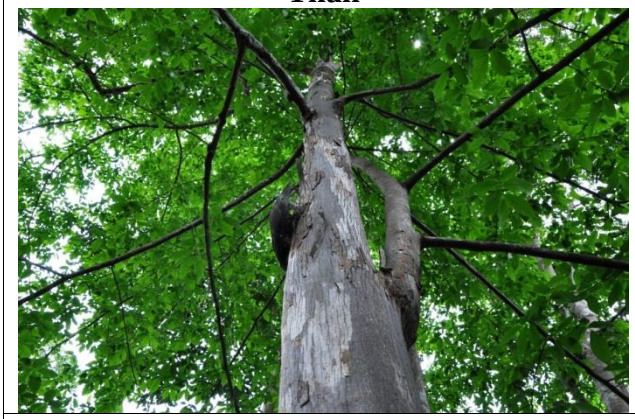

Vỏ thân

Hoa

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây vỏ thân bong mảng mỏng lớn, bề ngoài trơn láng, chỗ mới bong mảng màu xám tro, chỗ bong lâu màu xám đen hay nâu đỏ, trông gần giống thân cây bạch đàn. **Lá** đơn mọc cách, phiến lá mỏng, màu xanh lục, mép hơi gợn sóng. **Hoa** mẫu 3, có cuống mảnh dài đến hơn 10cm. **Quả** kép, mang nhiều quả nhỏ, hình trái xoan hay bầu dục chín màu đỏ.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa đất ẩm, ven suối, tái sinh mạnh dưới tán rừng.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, vỏ thân bong mảng mỏng lớn, bề ngoài trơn láng, màu xám tro xen kẽ xám đen hay nâu đỏ. **Lá** đơn mọc cách, phiến lá mỏng, màu xanh lục, mép hơi gợn sóng, hình bầu dục thuôn, phình gần đỉnh, đầu lá có mũi nhọn. **Hoa** mẫu 3, có cuống mảnh dài đến hơn 10cm, 1-3 hoa mọc ở nách lá gần đầu cành, cánh tràng vòng ngoài màu xanh dày, vòng trong màu vàng chanh, dài gấp đôi vòng ngoài. **Quả** kép dạng hình cầu, mang nhiều quả nhỏ, hình trái xoan hay bầu dục 1,5-2cm, chín màu đỏ.
Công dụng	Cây cho gỗ mềm nhẹ dễ gia công chế biến, dùng trong xây dựng, làm cầu, đóng đồ dùng gia đình.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VI
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 65, Nxb Nông Nghiệp, 2002

83. NGÁI

Tên phổ thông loài: Ngái **Tên địa phương loài**: **Tên khoa học**: *Ficus hispida* L. F. Var. Badiotrigosa Corner **Họ**: Moraceae **Bộ:** Urticales	

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Quả

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ vỏ màu xám, có ***nhựa mủ*** trắng. **Cành *non*** có lông sau nhẵn, lá đơn mọc đối, rìa mép có răng cưa, có lá kèm không bao chồi và tồn tại ở cuống lá 2 cặp lá đầu cành (sau đó mới rụng). **Quả** giả, mềm mọng, hình cầu hơi lõm ở đầu, do một cụm hoa tạo thành và mọc thành chùm.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, tái sinh chồi rất mạnh. Mọc nhiều ở ven rừng thứ sinh, nương rẫy cũ.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ cao 6-12 m hay dạng bụi, đường kính 15-25cm, vỏ xám. **Lá** đơn, mọc đối, mép lá có răng cưa, **Cành non** và lá có nhiều lông ở 2 mặt. **Hoa** mọc cụm tạo quả giả hình cầu xanh lá, chín màu vàng.
Công dụng	**Gỗ** mềm nhẹ, dễ mối mọt, dùng đóng đồ đạc thông thường, khay chứa hàng, làm giá thể trồng nấm. **Quả** ăn được.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VIII
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 372, Nxb Nông Nghiệp, 2002

84. NGÂU RỪNG

<table>
<tr><td>Tên phổ thông loài: Ngâu rừng, ngâu trung bộ, gội trung bộ.

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: Aglaia annamensis Pelligrin

Họ: Meliaceae

Bộ: Rutales</td><td>Hình ảnh cả cây</td></tr>
<tr><td colspan="2">Hình ảnh nhận dạng loài</td></tr>
<tr><td>Lá
 </td><td>Cành lá, hoa
 </td></tr>
<tr><td colspan="2">Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây thân gỗ, nhánh non có màu nâu đỏ.
Lá kép lông chim một lần lẻ, cuống chung dài 10-20cm mang 5-7 lá chét hình bầu dục tròn dài, 7-11cm.
Chùm hoa tụ tán ở nách lá đầu cành như chùm nhãn. Hoa nhỏ, quả nang 3 mảnh.</td></tr>
</table>

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây mọc nơi rừng thường xanh, trung tính ánh sáng, lúc nhỏ ưa bóng.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, **Cành non** có vảy hoe màu nâu đỏ. **Lá** kép lông chim, 5-7 lá chét nhỏ hình bầu dục dài 7-11cm. **Hoa** cụm tụ tán đầu cành, hoa nhỏ 2mm, 5 cánh. **Quả** nang 3 mảnh. Đài tồn tại và lớn cùng quả.
Công dụng	**Gỗ** thớ mịn dễ gia công chế biến, dùng trong xây dựng, đóng đồ đạc. Thân và rễ cây dùng làm thuốc.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	IV
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 2, tr. 398, Nxb Trẻ, 1999

85. NGÁT VÀNG

Tên phổ thông loài: Ngát vàng

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Gironniera subaequalis* Planch.

Họ: Ulmaceae

Bộ: Urticaceae

Cây tái sinh

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Vỏ, giác gỗ

Thân

Quả	Quả
	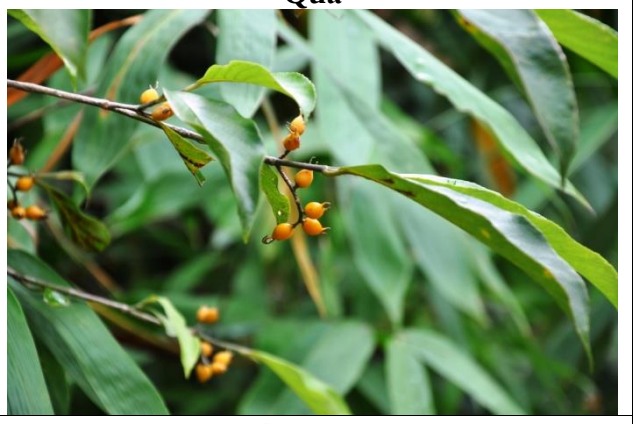

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ, vỏ thân nhẵn, **thịt vỏ** và giác màu vàng nhạt, cành mềm rủ xuống.

Lá đơn mọc cách, dài 15-20 cm, hình thuôn dài hay bầu dục, nhiều lông ở 2 mặt, mép lá có răng cưa, có lá kèm sớm rụng để lại sẹo vòng thấy rõ phía dưới gốc cuống lá.

Quả hạch hình cầu hơi dẹt, màu vàng, đầu còn tồn tại nhụy.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, lúc nhỏ ưa bóng. Tái sinh hạt và chồi nhanh nhưng ít khi trở thành cây gỗ lớn.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ, vỏ thân nhẵn, cành mềm rủ xuống, lá đơn mọc cách, dài 15-20 cm, hình thuôn dài hay bầu dục, mép lá có răng cưa, có lá kèm sớm rụng để lại sẹo vòng thấy rõ phía dưới gốc cuống lá, lá có nhiều lông ở 2 mặt. Cụm hoa hình chùy ở nách lá, cụm hoa đực dài bằng cuống lá, hoa cái đơn độc ở nách lá, phủ lông dài thưa. **Quả** hạch hình cầu hơi dẹt, màu vàng, đầu còn tồn tại nhụy.
Công dụng	Cây cho gỗ trung bình, hay bị vặn thớ, dùng làm nhà, trụ mỏ.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VII
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 356, Nxb Nông Nghiệp, 2002

86. NGŨ GIA BÌ, CHÂN CHIM

Tên phổ thông loài: Chân chim 8 lá

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Schefflera octophylla* (Lour.) Harms.

Họ: Araliaceae

Bộ: Apiales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Gốc

Vỏ, giác gỗ

Hoa

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ có nhiều rễ phụ, vỏ ngoài xám trắng, cành mang nhiều lỗ bì, và vết bẹ cuống lá, cây có nhựa thơm. **Lá** kép chân vịt cuống dài, có 6-8 lá nhỏ có cuống phụ dài 2-3cm, vò lá có mùi thơm như lá xoài.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa ẩm, nhỏ ưa bóng, sau ưa sáng. Tái sinh chồi hạt đều tốt. Cây mọc nhanh.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ hay bụi, cành tán xanh, rậm, có nhiều rễ phụ, vỏ thân xám, cành có nhiều sẹo do bẹ cuống lá rụng để lại. **Lá** kép chân vịt, cuống dài 10-15cm, gốc cuống lá có bẹ, mang 6-8 lá chét, phiến lá chét hình thuôn dài 10-15cm, dày và xanh đậm. Cụm hoa hình tán, đầu cành, hoa nhỏ. **Quả** hạch hình cầu 3-4mm.
Công dụng	Gỗ màu vàng nhạt, mềm nhẹ, làm diêm, đồ đạc nhỏ. Cây cho vỏ ngâm rượu làm thuốc bổ. **Lá** non có thể làm rau ăn sống. Trồng làm cảnh.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VIII
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 2, tr. 500, Nxb Trẻ, 1999

87. **NHỘI**

Tên phổ thông loài: Nhội

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Bischofia trifoliate* (Roxb.) Hook.

Họ: Euphorbiaceae

Bộ: Euphorbiales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

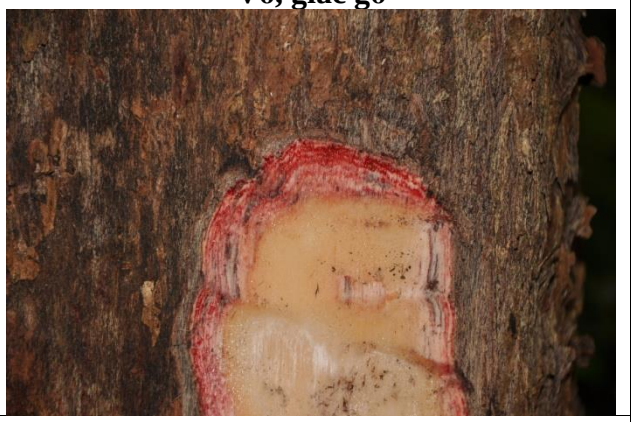

Nhựa mủ

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây thân gỗ, màu nâu đến nâu đen, thịt vỏ nhiều lớp nâu đỏ, nâu đen. Lá kép 3 lá chét, mép lá có răng cưa, mặt lá bóng, lá già màu đỏ. Quả hạch mọng nước, khi chín màu nâu, chùm như dâu da.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, ưa ẩm, thường mọc ven sông suối, tầng đất dày. Sinh trưởng nhanh, dễ tái sinh chồi, hạt.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, thân thẳng, tròn nhẵn vỏ mủn, phân cành lớn. Lá kép 3 lá chét, có cuống chung dài 10-15cm, mép lá có răng cưa, thuôn nhọn 2 đầu, dài 8-15cm, rộng 7-9cm. Hoa đơn tính, mọc ở kẽ nách lá, hoa nhỏ, màu vàng nhạt. Quả hạch mọng nước, đường kính 7-12cm, khi chín màu nâu.
Công dụng	Gỗ màu đỏ, thớ mịn, nặng. Dùng đóng thuyền, xây dựng. Lá non và quả làm rau ăn.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VI
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 395, Nxb Nông Nghiệp, 2002

88. NÚC NÁC

Tên phổ thông loài: Núc nác, sò đo thuyền

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Oroxilum indicum* (L.) Vent.

Họ: Bignoniaceae

Bộ: Scrophulariales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Hạt

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Lá kép lông chim 2-3 lần, mọc đối, rất lớn, dài từ 1 – 2m, cuống dài, gốc phình ngắn khi rụng để lại vết sẹo ngang trên thân, Cụm hoa có cuống to vươn cao vượt tán rất dễ phát hiện. **Quả** lớn dẹt, khô cong như thuyền độc mộc. Hạt dẹt, có cánh mỏng, trắng.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, mọc nhanh, mọc nhiều nơi rừng thứ sinh hay ven rừng có đất ẩm tốt. Tái sinh hạt nhanh.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ cao 5-7 m, rụng lá mùa khô, tán lá xòe đỉnh tán thường bằng và có một phát hoa cao nhô lên. **Lá** kép lông chim 2-3 lần, mọc đối, dài đến 2m. **Hoa** cụm màu cam đỏ, đài tím đen, cánh tràng hình chuông. **Quả** đậu dẹt lớn, dài 30-90cm, rộng 5-9cm. Hạt có cánh mỏng.
Công dụng	**Gỗ** trắng, mềm, thớ thô, dùng để sản xuất bột giấy, củi. **Quả** non ăn được, hạt làm thuốc chữa bệnh dạ dày, ho …
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VIII
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 704, Nxb Nông Nghiệp, 2002

89. PHAY, BẦN BẰNG LĂNG

Tên phổ thông loài: Phay, Bần bằng lăng

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Duabanga grandiflora* (Dc.) Walp.

Họ: Duabangaceae

Bộ: Myrtales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

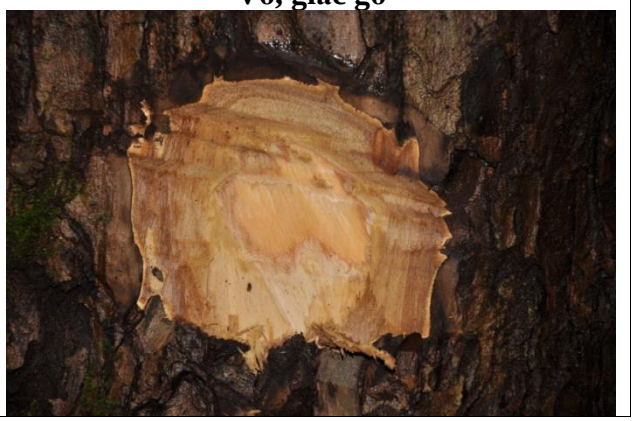

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ vỏ nâu, bong mảnh, thịt vỏ nâu vàng, thớ mịn, mùi hôi rất khó chịu. Vỏ thân non, màu xám, thịt vỏ nhanh tím sậm. Cành mọc ngang. Lá đơn mọc đối, cuống lá rất ngắn, rất giống bằng lăng nước - *Lagerstroemia speciosa.*	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa ẩm, ưa sáng, phân bố hầu hết cách tỉnh phía bắc.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, cành mọc ngang, vỏ thân bong nứt màu xám, thân **Cành non** màu xám, nhiều lỗ bì. Lá đơn mọc đối, cuống lá ngắn, phiến lá hình hình thuôn, đuôi hình tim, đầu có mũi, dài đến 20cm, khoảng 15-16 cặp gân lá nổi rõ mặt dưới màu trắng mốc, trên xanh nhẵn. Hoa mọc cụm đầu cành, hoa lớn, đài tràng 4-7, cánh tràng màu trắng. Quả hạch hình cầu, nứt 4-8 mảnh. Hạt nhỏ nhiều, 2 đầu có đuôi dài.
Công dụng	Gỗ cứng nặng, dùng xây dựng, đồ mỹ nghệ.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VI
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 2, tr.26, Nxb Trẻ, 1999

90. PHỈ LƯỢC THUÔN, ĐỈNH TÙNG

Tên phổ thông loài: Đỉnh tùng, phỉ lược thuôn

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Cephalotaxus oliveri* Master.

Họ: Cephalotaxaceae

Bộ: Cephalotaxales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ vỏ bong mảng mỏng nhẵn, màu nâu đỏ, thịt vỏ màu hồng, giác nâu vàng cứng giòn, có mùi thơm tinh dầu thông. Lá nhỏ, hình dải thuôn dẹp, mặt dưới lá trắng mốc, lá xếp 2 hàng thành mặt phẳng trên cành.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh núi cao, Chư Yang Sin độ cao trên 750m. Đất ẩm.Ưu hợp các loại cây họ Long Não – Ngọc lan – Trám – Bứa – Thông Nàng.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ, vỏ nâu đỏ, bong mảng mỏng nhẵn. Lá cây non hình dải dẹp, dài đến 5cm, rộng 5-6mm, lá trưởng thành dài 3cm, rộng 3-4mm, mặt dưới trắng mốc 1 gân giữa nổi rõ, mặt trên xanh bóng. Quả hình bầu dục dài 4cm, hạt được lớp áo. (Phạm Hoàng Hộ).
Công dụng	Gỗ có tinh dầu thơm.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	R
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	IA
Thuộc nhóm gỗ	I
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 15, Nxb Nông Nghiệp, 2002

91. **PƠ MU**

Tên phổ thông loài: Pơ mu

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Fokienia hodginsii* Henry et Thomas.

Họ: Cupressaceae

Bộ: Cupressales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ

Lá cây tái sinh

Quả nón

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ thân thẳng, có bạnh, gỗ có mùi thơm nhẹ đặc trưng, màu trắng vân nâu vàng. **Lá** hình vảy, ôm cành dẹp trên 2 mặt, mọc đối 4 lá 1 đốt, 2 lá bên như hạt thóc, lá **Cành non** hay cành không mang nón có kích thước lớn hơn, mặt dưới lá có phấn trắng. **Lá** khó phân biệt với Bách xanh - *Calocedrus macrolepis*. Nón cái hình cầu.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh trên núi cao. Khí hậu mát mẻ. Đất giàu mùn trên đá granit, hơi chua đến chua. Hỗn giao với các loài cây lá rộng và lá kim (thông 3 lá – *Pinus kesiya,* Thông 5 lá – *Pinus dalatensis).*
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, cao trên 20m, vỏ thân bong mảnh màu xám nâu. **Lá** dạng vảy, mọc đối, ở cây non lá dài, hình tam giác nhọn 3-6mm. Nón đơn tính cùng gốc, nón đực hình trứng, ở nách lá, nón cái hình cầu 2-3cm, 6-8 vảy, chín hóa gỗ.
Công dụng	Gỗ giác màu vàng nhạt, nhiều vân đỏ, lõi đỏ sẫm, thơm nhẹ. Gỗ nhẹ, dễ chế biến, làm đồ mỹ nghệ, đồ đạc. Gỗ rễ nhiều tinh dầu làm hương liệu và làm thuốc.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	EN
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	IIA
Thuộc nhóm gỗ	I
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 34, Nxb Nông Nghiệp, 2002

92. QUAU NƯỚC

Tên phổ thông loài: Quau nước

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Dolichandrone spathacea* (L. F.) K. Schum.

Họ: Bignoniaceae

Bộ: Scrophulariales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

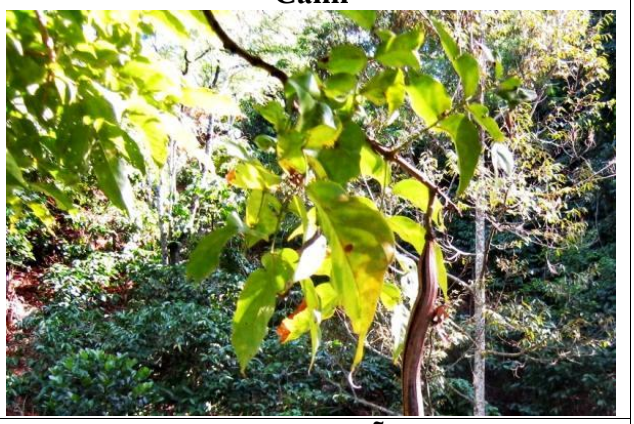

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa	Quả
	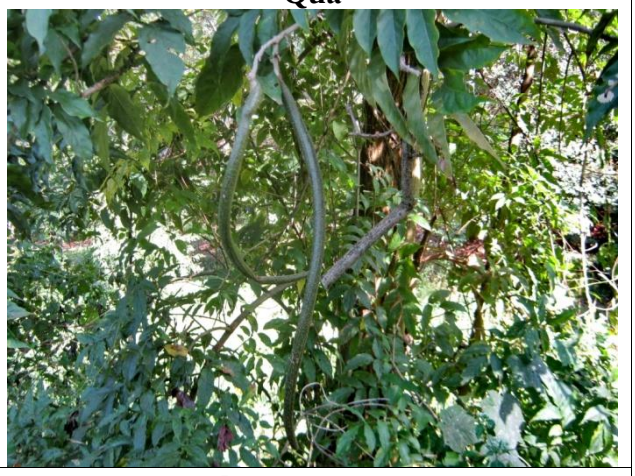

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ vỏ thân xám trắng, nứt dọc, **thịt vỏ** trắng, dày, giác màu vàng nhạt.
Lá kép lông chim 1 lần lẻ, mọc đối.
Hoa tràng hình ống, trên chia thùy, màu trắng thơm.
Quả khô tròn dài, hơi cong xoắn.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh, thường mọc ven suối, tầng đất sâu.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ trung bình, 10-15m,vỏ thân xám trắng, nứt dọc.**Lá** kép lông chim 1 lần lẻ, mọc đối, 3-4 cặp lá chét đối, phiến lá xoan nhọn, gốc lệch. **Hoa** lớn, tràng hình ống dài 10-12cm, trên chia thùy, màu trắng thơm.**Quả** khô tròn dài, vài quả dài hơn 1m, hơi cong xoắn.
Công dụng	**Gỗ** đóng đồ đạc, làm nhà, cột trụ. Trồng chống xói mòn, sạt lở ven suối, sông. **Hoa** ăn được, vỏ trị dị ứng.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	K
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VI
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 701, Nxb Nông Nghiệp, 2002

93. **QUẾ**

Tên phổ thông loài: Quế

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Cinnamomum cassia* (Nees) Nees et Eberth.

Họ: Lauraceae

Bộ: Laurales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành non

Thân

Vỏ thân

Cây tái sinh	Quả

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ có **Cành non** xanh, toàn cây có tinh dầu thơm, vị cay.

Lá đơn mọc cách, phiến lá thuôn dài đến 20cm, với 3 gân gốc nổi rõ tới đầu phiến lá.

Quả hình viên trụ có đế bao bọc.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh, thuộc loại ưa sáng, lúc nhỏ chịu bóng, cây trồng cần che bóng hoặc dưới tán rừng. Cây ưa đất dày ẩm, chua pH 4,5-5,5.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn cao 18-20m, đường kính 45-50cm, thân thẳng tròn, vỏ màu xám nâu, **Cành non** xanh. **Lá** đơn mọc cách, phiến lá hình thuôn dài 10-18cm, rộng 4-6cm, có 3 gân gốc nổi rõ. **Hoa** nhỏ, mọc cụm đầu cành. **Quả** hạch hình viên trụ 1cm, có đế bọc.
Công dụng	Cây chứa tinh dầu thơm làm thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nước hoa… có thể dùng vỏ thân, rễ làm bột gia vị thơm và cay. Gỗ đóng đồ đạc.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VI
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 99, Nxb Nông Nghiệp, 2002

94. QUẾ CUỐNG DÀI

Tên phổ thông loài: Quế cuống dài

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Cinnamomum longepetiolatum* Kost.

Họ: Lauraceae

Bộ: Laurales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

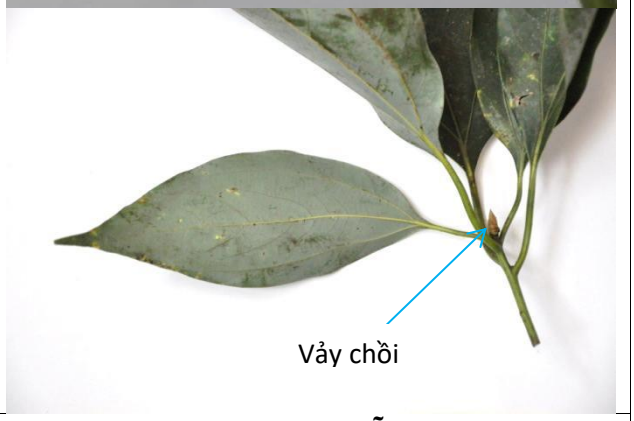

Thân

Vỏ, giác gỗ

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ vỏ xám nhẵn, thịt vỏ mỏng màu nâu sậm, giác vàng nhạt.

Chồi có vảy bao bọc. Lá đơn mọc chụm đầu cành, phiến lá lớn, có 3 gân gốc kéo dài đên ¾ phiến lá, mặt dưới lá trắng mốc, cuống lá dài 5cm. Vò lá có mùi thơm.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh trên núi, Chư Yang Sin. Ánh sáng trung tính, nhỏ ưa bóng. Đất giàu mùn, ẩm.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ đến trung, cao 10-15m, đường kính 20cm. Lá đơn mọc cách hay chụm đầu cành, cuống lá dài 5-6cm, phiến lá hìrnh xoan nhọn 2 đầu, mặt dưới lá bạc mốc, dài khoảng 22cm, có 3 gân gốc cách đáy 8-10mm kéo dài ¾ lá, vảy chồi cứng màu nâu vàng.
Công dụng	Cây cho tinh dầu thơm làm thuốc, nước hoa. Gỗ nhỏ.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 348, Nxb Trẻ, 1999

95. QUẾ RÀNH

Tên phổ thông loài: Quế rành

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Cinnamomum burmanii* (Nees) Bl.

Họ: Lauraceae

Bộ: Laurales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ, vỏ xám nhẵn, **thịt vỏ** màu nâu, có mùi thơm.

Lá đơn mọc đối hoặc gần đối, có 3 gân gốc nổi rõ 2 mặt, phiến lá hình trứng thuôn nhọn 2 đầu, đầu lá có mũi nhọn. Vò lá có mùi thơm, vị cay.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa bóng, ưa ẩm, tái sinh mạnh dưới tán rừng.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ thường xanh, vỏ thân màu xám, **thịt vỏ** màu nâu, có mùi thơm, cành mảnh. **Lá** đơn mọc đối hay gần đối, phiến lá hình thuôn dài, đầu có mũi nhọn, gốc lá hình nêm, dài 10-14cm, lá có 3 gân gốc thấy rõ. **Hoa** nhỏ, mọc cụm hình chùy gần đầu cành. **Quả** mọng nhỏ, hình trái xoan, màu nâu vàng, có bao hoa tồn tại.
Công dụng	Cây cho tinh dầu từ lá và vỏ. Gỗ đóng đồ đạc thông thường.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VI
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 96, Nxb Nông Nghiệp, 2002

96. QUẾ GỪNG, RE BẦU

Tên phổ thông loài: Quế, Re bầu

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Cinnamomum bejolghota* (Buch.-Ham.) Sweet

Họ: Lauraceae

Bộ: Laurales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ, toàn thân có tinh dầu thơm, vị ngọt, cay. **Cành *non*** xanh, cành nhỏ màu nâu.

Lá đơn mọc cách hay gần đối, phiến lá to hình bầu dục, có 3 gân gốc nổi rõ.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây phân bố rộng, rừng thường xanh ẩm, ưa bóng giai đoạn nhỏ, ưa đất thịt thoát nước tốt. Tái sinh hạt và sinh trưởng nhanh.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn thường xanh, vỏ xám nâu, **thịt vỏ** nâu hay vàng nhạt, giòn, có mùi thơm. **Cành** nhỏ màu nâu. **Lá** đơn mọc cách hay gần đối, phiến lá to, dày, hình bầu dục dài 15-20cm, có 3 gân gốc nổi rõ. **Quả** mọng hình trứng, có đế, chín màu đen.
Công dụng	Gỗ màu xám sẫm, thớ mịn, vân thẳng, kém chịu mục dùng làm nhà, đóng đồ đạc. ***Vỏ*** thân và lá trị đau gan, trướng bụng, trị gió, ho, cảm lạnh …
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VI
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 95, Nxb Nông Nghiệp, 2002

98. **SANG MÁU**

Tên phổ thông loài: Sang máu lá to

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Horsfieldia amygdalina* Warbg.

Họ: Myristicaceae

Bộ: Annonales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Nhựa mủ

Vỏ, giác gỗ

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ vỏ thân xám, **thịt vỏ** nâu hồng, có nhiều nhựa đỏ. **Lá** đơn mọc cách, phiến lá xanh thuôn dài đến 20cm, đầu lá nhọn. **Quả** hình trứng bẹt, 3-4cm, vỏ hóa gỗ, chín nứt 2 mảnh, hạt có vỏ giả bọc kín.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh mưa mùa, nơi có độ tàn che nhẹ, tham gia tầng cây gỗ dưới tán. Tái sinh hạt tốt.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ vỏ thân xám, **thịt vỏ** nâu hồng, có nhiều nhựa đỏ. **Lá** đơn mọc cách, phiến lá xanh thuôn dài đến 20cm, đầu lá nhọn, gân bên 8-12 đôi, lõm mặt trên. **Hoa** đực nách lá, bao hoa 3 thùy, nhẵn, nhị 13-15. **Quả** hình trứng bẹt, 3-4cm, vỏ hóa gỗ, chín nứt 2 mảnh.
Công dụng	Gỗ vàng nhạt, dễ bị mối mọt.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VII
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 79, Nxb Nông Nghiệp, 2002

99. SANG MÁU RẠCH

Tên phổ thông loài: Sang máu rạch

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Horsfieldia irya* (Gaertn.) Warb.

Họ: Myristicaceae

Bộ: Annonales

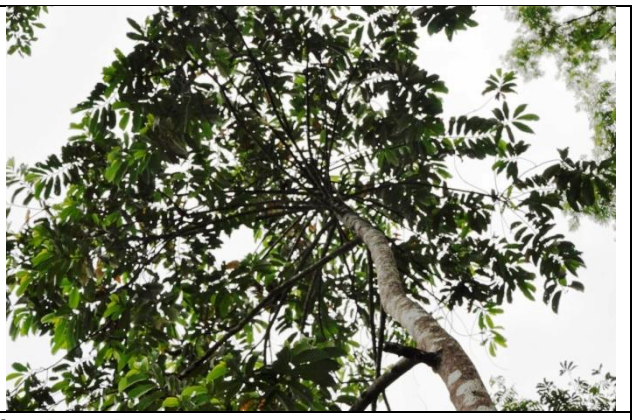

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Quả

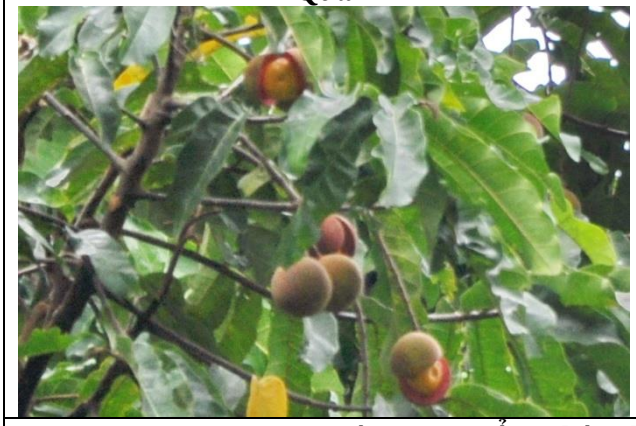

Nhựa mủ

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ, vỏ nâu xám, **thịt vỏ** nâu nhạt, có nhiều nhựa đỏ.

Lá đơn mọc cách, xếp thành 2 hàng trong một mặt phẳng trên cành, lá màu xanh 2 mặt, mặt trên xanh đậm bóng, mặt dưới nhạt.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh ven sông suối, ưa ẩm, chịu nắng, chịu nóng.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỡ, cành nhiều, mềm yếu, hơi rũ xuống. **Lá** đơn, mọc cách thành 2 hàng bên cành, gân lá nổi rõ 2 mặt, mặt trên xanh bóng, mặt dưới lục nhạt hay hơi mốc xám, lá dày, dài 15-20cm. **Quả** nang hình cầu đường kính 2-3cm, màu vàng cam, quả mở làm 2 mảnh. Hạt có một lớp áo màu đỏ mềm.
Công dụng	**Gỗ** nhẹ, kém chịu, dùng đóng đồ đạc trong gia đình, bao bì. Cây làm thuốc, hoa chiết hương liệu, …
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VII
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 80, Nxb Nông Nghiệp, 2002

100. **SĂNG MÂY**

Tên phổ thông loài: Nhọc, sang mây

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Stelechocarpus cauliflorus* (Scheff.) J. Sincl.

Họ : Annonaceae

Bộ: Annonales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa

Gốc, bạnh cây

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ có vỏ thân xám đen, **thịt vỏ** màu nâu nhạt. **Lá** đơn mọc cách, 2 mặt phiến lá bóng, gân lá lông chim cong hợp ở cách mép lá 1cm. **Hoa** đơn tính mẫu 3, hoa cái mọc trên thân giả (chồi cành rất ngắn) ở gốc hay thân chính, nụ hoa cầu tròn đài bao bọc kín, khi nở dài nứt ra, cánh tràng 2 vòng màu hồng.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh ẩm, ưa bóng. Gặp ở M'đrăk- Đăk Lăk.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ, gốc có u cục, vỏ thân xám đen, nhẵn. **Lá** đơn mọc cách phiến lá hình thuôn bầu dục kích thước 4-5x10-15 cm, 2 mặt lá bóng, gân lá phụ 8-9 cặp. **Hoa** đơn tính mẫu 3, hoa cái mọc trên thân giả (chồi cành rất ngắn) ở gốc hay thân chính, đài bao bọc kín tạo nụ hoa cầu tròn, khi nở nứt ra 3 đường, cánh tràng 2 vòng màu hồng. **Quả** hình bầu dục.
Công dụng	Cây cho gỗ nhỏ, đóng đồ đạc, xây dựng. **Hoa** đẹp, có tinh dầu mùi thơm, có thể chiết xuất.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 244, Nxb Trẻ, 1999

101. **SAO ĐEN**

Tên phổ thông loài: Sao đen

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Hopea odorata* Roxb.

Họ: Dipterocarpaceae

Bộ: Malvales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa	Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ có vỏ đen nhẵn sau bị nứt dọc, vết nứt thường tiết nhựa vàng khi khô trắng.

Lá đơn mọc cách, có tuyến ở gốc gân lá phụ.

Quả hình trứng gần 1cm, có 2 cánh dài 5-6cm.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, ưa đất ẩm, ven suối.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, thân thẳng, đường kính đến 2m, vỏ màu đen nhẵn. **Lá** đơn mọc cách hình trái xoan, đầu có mũi nhọn, gốc lá tròn, dài 8-14cm, rộng 3-6cm, gốc gân lá phụ có tuyến.
Công dụng	Gỗ vàng nhạt hơi xám, cứng, không bị mối mọt. Gỗ tốt dùng trong xây dựng nhà cửa, tà vẹt, tàu biển, đóng đồ đạc.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	III
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 318, Nxb Nông Nghiệp, 2002

102. SẤU TÍA, SẤU NAM

Tên phổ thông loài: Sấu tía, Sấu nam

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Sandoricum koetjape* (Burm. F.) Merr. (*S. indicum* Cav.)

Họ: Meliaceae

Bộ: Rutales

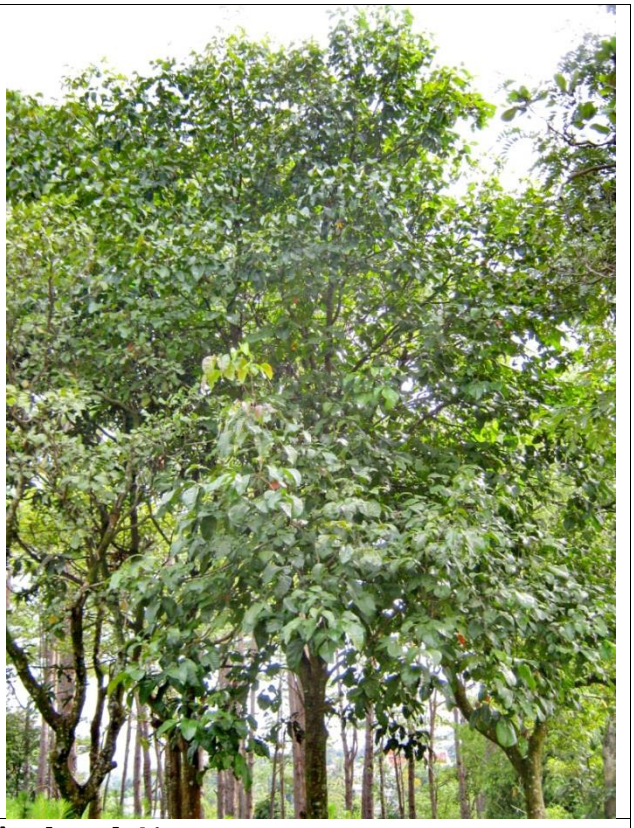

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

***Vỏ* giác**

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ, vỏ xám nhẵn, **thịt vỏ** đỏ, **Cành non** và cuống lá có lông màu nâu. **Lá** kép 3 lá chét lớn, cuống dài 20-25cm, 2 lá chét bên sát nhau. **Quả** hình cầu màu vàng, có lông nhung, to 5-6cm.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, mọc nhanh. **Hoa** tháng 2, quả tháng 5.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, tán dày và xanh đậm, vỏ xám nhẵn, thân thẳng. **Cành** phủ lông mềm màu nâu. **Lá** kép 3 lá chét, cuống lá dài 20-25cm, lá chét 2 bên cuống ngắn đính sát nhau. Cụm hoa chùm, đài hợp có lông, 5 cánh tràng. Mỗi **Quả** to 5-6cm, hình cầu, màu vàng có lông nhung mịn.
Công dụng	Cây cho gỗ lõi màu nâu hồng, giác xám hồng, nặng trung bình (d=0.55), dùng trong xây dựng, ván lạng, thùng. **Quả** ăn được.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VI
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 584, Nxb Nông Nghiệp, 2002

103. SẾN ME, SẾN NAM BỘ

Tên phổ thông loài: Sến nam bộ

Tên địa phương loài: Sến me

Tên khoa học: *Madhuca cochinchinensis* (Dub.) H. J. Lam

Họ: Sapotaceae

Bộ: Sapotales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ, nhựa mủ

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ có thân thẳng, tròn đều, vỏ thân màu nâu và trắng xám loang lỗ, nứt nhẹ dọc thân, bong mảnh, **thịt vỏ** màu nâu vàng, có nhiều **nhựa mủ** trắng như sữa. **Lá** đơn mọc cách, chụm đầu cành. Gân lá lông chim, hợp vòng hay phân nhánh ở mép lá.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh ẩm, độ cao: 500-700m, pH đất >6, tầng đất dày. Ưu hợp: Chò xót – sến – giổi – bứa.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, cao 20 – 30m, thân rất thẳng, vỏ nứt dọc thân, bong mảnh, màu nâu và trắng xám, **thịt vỏ** nâu vàng, có nhiều ***nhựa mủ*** trắng đặc. **Lá** đơn mọc cách hay chụm quanh đầu cành, phiến lá thuôn dài 12-15cm, đầu có mũi nhọn ngắn. **Hoa** nhỏ, cụm thưa ở nách lá, cánh hoa hợp hình ống, trên chia thùy. **Quả** mọng hình trái xoan.
Công dụng	Gỗ rất cứng nặng, bền, dùng trong xây dựng, đóng đồ đạc, tàu thuyền.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	K
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	II
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 253, Nxb Nông Nghiệp, 2002

104. **SẾN NÚI**

Tên phổ thông loài: Sến núi

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Madhuca alpina* (Chev.) Chev.

Họ: Sapotaceae

Bộ: Sapotales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Nhựa mủ

Quả (non), hạt

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài Cây gỗ có thân thẳng, tròn, **thịt vỏ** nâu sậm, có nhiều ***nhựa mủ*** trắng sữa. **Lá** đơn mọc cách, tập trung đầu cành, lá non có lông dày màu gỉ sắt, phiến lá dày hình trứng ngược, cuống dài 3cm. **Quả** có đài tồn tại.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh, độ cao núi thấp đến 2000m. Ưu hợp: Chò xót – sến – giổi – bứa.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ có thân thẳng, nhánh non không lông, cành trên mọc ngang hướng lên như bàng - *Terminalia sp*. **Lá** đơn mọc cách, lúc non có lông dày, màu gỉ sắt, phiến lá hình trứng ngược, đầu tròn, gốc lá hình nêm, dài 10-14cm, cuống lá dài 3cm. **Hoa** ở chót nhánh chụm dài 4-5cm, cánh hoa 7-13, trắng thơm, đài ngoài có lông. **Quả** bì dày, màu nâu gỉ sắt, hạt có vỏ cứng màu đen, sẹo rốn dài.
Công dụng	Gỗ rất cứng nặng, bền, dùng trong xây dựng, đóng đồ đạc, tàu thuyền.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	II
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 632, Nxb Trẻ, 1999

105. **SẾN NÚI LỚN**

Tên phổ thông loài: Sến núi lá to

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Madhuca sp.*

Họ: Sapotaceae

Bộ: Sopotales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ có nhựa mủ trắng, thịt vỏ nâu. **Cành non** có màu gỉ sắt. Không lá kèm. Lá đơn mọc cách, phiến lá lớn dài 30-40cm, hình xoan, đầu có mũi nhọn ngắn, mặt trên xanh đậm, mặt dưới nhạt, có lông hung mịn, 15-16 cặp gân phụ lá nổi rõ.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh trên núi, Chư Yang Sin, độ cao 400-1000m.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn thường xanh, thân thẳng tròn. Cành và cuống lá có lông hung (gỉ sắt), không có lá kèm. Lá đơn mọc cách, phiến lá hình xoan hay thuôn nhọn đầu, đầu lá có mũi nhọn ngắn, dài 30-40cm, rộng 10-14cm, 15 cặp gân phụ
Công dụng	Gỗ tốt đóng đồ đạc, xây dựng.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	II
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 637, Nxb Trẻ, 1999

106. **SẾN XÃ**

Tên Phổ Thông Loài: Sến xã **Tên Địa Phương Loài**: **Tên Khoa Học**: *Donella lanceolata* (Bl). Aubr **Họ**: Sapotaceae **Bộ:** Sapotales	
Hình ảnh nhận dạng loài	
Lá 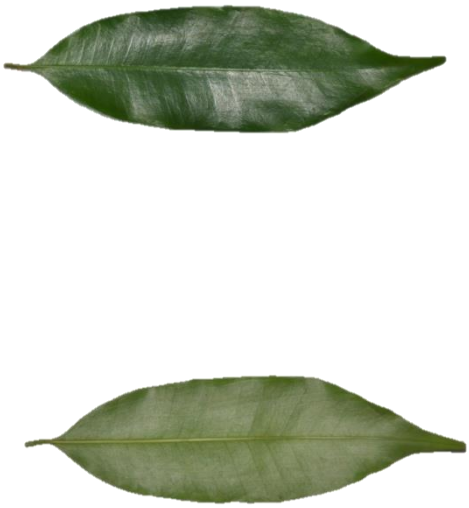	**Cành**
Thân 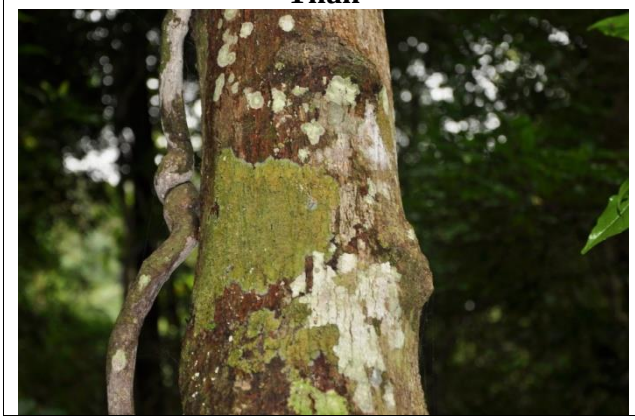	**Vỏ, giác gỗ**

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ, vỏ màu xám nhẵn, thịt vỏ màu đỏ nâu, có nhựa mủ trắng. **Lá** đơn mọc cách, hình bầu dục, đầu lá có đuôi nhọn, mép lá gợn sóng, màu xanh lục bóng.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây mọc trong rừng thường xanh ẩm, sườn núi, gần khe. Ưu hợp: Lòng máng-Chò xót-Thị-Bứa
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ, vỏ màu xám nhẵn, thịt vỏ màu đỏ sậm đến nhạt, có nhựa mủ trắng, giác trắng vàng. **Lá** đơn mọc cách, hình bầu dục, đầu lá có đuôi nhọn, mép lá gợn sóng, màu xanh lục bóng, lá dài 7-11cm, rộng 3-4cm. Đầu cành, lá non có màu nâu đỏ.
Công dụng	Gỗ khá cứng nặng có thể dùng trong xây dựng, trụ mỏ.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 637, Nxb Trẻ, 1999

107. **SÒI TÍA**

Tên phổ thông loài: Sòi tía, sòi bạc.

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Sapium discolor* (Benth.) Muell. - Arg.

Họ: Euphorbiaceae

Bộ: Euphorbiales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá và cặp tuyến ở gốc lá

Cành

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Lá đơn mọc cách, cuống lá dài, cành lá non màu đỏ tía, có một đôi tuyến ở sát mép gốc lá, lá già cuống vẫn đỏ.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, mọc ở rừng thưa bán thường xanh, ven rừng thường xanh.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ cao 3-10m. **Lá** đơn mọc cách, cuống lá dài 3-4cm màu đỏ, phiến lá hình xoan dài đến 7cm, gốc lá tròn, đầu lá hơi thót nhọn, có 1 đôi tuyến ở mép gốc lá trên cuống. **Hoa** ở chót nhánh. **Quả** nang hình cầu nhỏ - 1cm, 3 ô.
Công dụng	Gỗ nhỏ, lá dùng nhuộm đen. Rễ, lá có tính độc dùng làm thuốc chữa bệnh rắn cắn, táo bón…
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VIII
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 430, Nxb Trẻ, 1999

108. SÓNG RẮN

Tên phổ thông loài: Sóng rắn, hợp hoan

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Albizia sp.*

Họ: Mimosaceae

Bộ: Fabales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Tuyến trên cuống lá

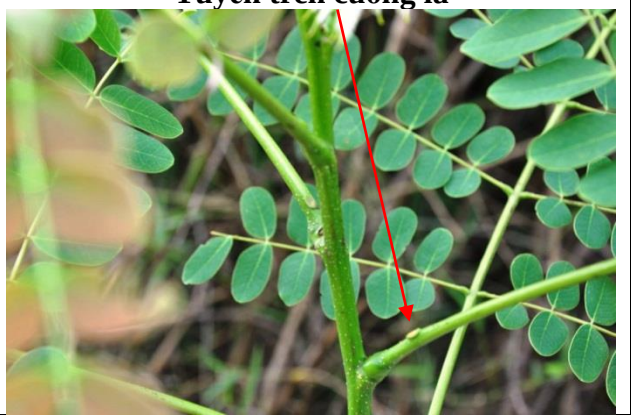

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây thân gỗ, vỏ thân trơn láng, màu xanh xám. Cây lá kép lông chim 2 lần chẵn, dài 30-40cm, trên cuống chính cách gốc 1,5-2cm có một tuyến lớn hình mắt lõm, có 5-7 đôi cuống lá phụ, mỗi cuống có 7-13 cặp lá chét nhỏ 1x1,5-2cm, gốc phiến lá lệch. **Hoa** cụm hình cầu, màu trắng. **Quả** đậu dẹt.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, mọc nơi rừng thứ sinh, chịu khô hạn.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ đến trung bình, cao 10-15m, vỏ thân trơn láng, màu xanh xám. Cây lá kép lông chim 2 lần chẵn, dài 30-40cm, trên cuống chính cách gốc 1,5-2cm có một tuyến lớn hình mắt lõm, có 5-7 đôi cuống lá phụ, mỗi cuống có 7-13 cặp lá chét nhỏ 1x1,5-2cm, gốc phiến lá lệch. **Hoa** cụm hình cầu, quả đậu dẹt.
Công dụng	**Gỗ** dùng trong xây dựng nhỏ. Cây làm cảnh, hoa đẹp do có nhiều nhị dài, làm thuốc.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VI
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 828-832, Nxb Trẻ, 1999

109. **SỔ BÀ, SỔ ẤN**

Tên phổ thông loài: Sổ bà, Sổ ấn

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Dillenia indica* L.

Họ: Dilleniaceae

Bộ: Dilleniales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Hoa

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ, vỏ thân dày, màu xám, bong mảnh.

Lá đơn mọc cách, gân lá song song nổi rõ, kéo dài ra mép lá như răng cưa.

Hoa lớn 5 cánh màu trắng, nhị rất nhiều màu vàng, 16 nhụy.

Quả mang đài bọc ngoài, hình cầu.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, mọc nhiều ở rừng thứ sinh, ẩm. M'Đrăk – Đăk Lăk.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ trung bình, vỏ thân màu xám, bong mảnh. **Lá** phiến lớn, 20-30 cặp gân lá song song nổi rõ, kéo dài ra mép lá như răng cưa. **Hoa** lớn 5 cánh màu trắng, nhị rất nhiều màu vàng, 16 nhụy. **Quả** hình cầu to có đài xanh bao bọc, 8-10cm.
Công dụng	Gỗ xây dựng nhà cửa. **Hoa** to đẹp. **Quả** có lá đài ăn được.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VII
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 184, Nxb Nông Nghiệp, 2002

110. SỔ BLANCHARD

Tên phổ thông loài: Sổ blanchard

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Dillenia blanchardii* Pierre

Họ: Dilleniaceae

Bộ: Dilleniales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

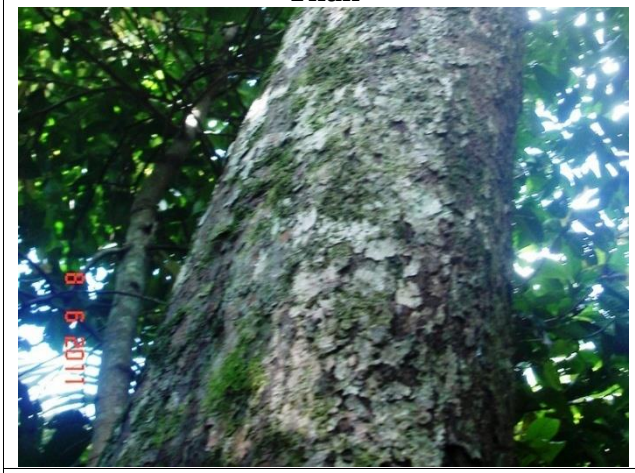

Vỏ, giác gỗ

Hoa

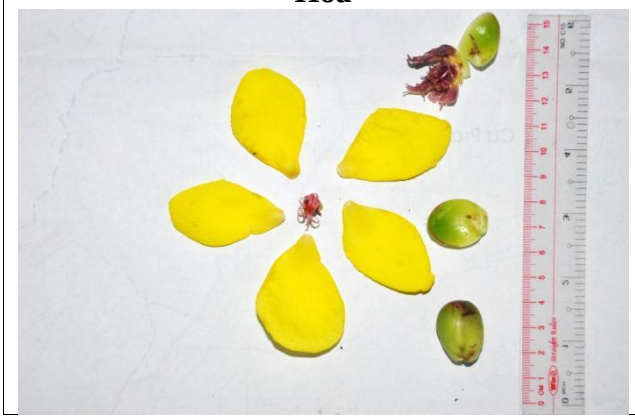

Hoa

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ, vỏ ngoài xám nâu, vỏ giác nâu hồng. **Lá** đơn mọc cách, phiến lá dày, mềm, hình xoan ngược, đầu lá tù, gốc lá nhọn, gân phụ song song cong đều, mép lá có răng cưa thưa tù. **Hoa** lớn, 5 cánh tràng màu vàng tươi, có 7 nhụy màu tím. Đài tồn tại bao bọc lấy quả.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa ẩm, rừng thường xanh, Từ Vọng Phu– Đăk Lăk đến Côn Sơn.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ, vỏ ngoài xám nâu, vỏ giác nâu hồng. **Lá** đơn mọc cách, phiến lá dày, mềm, hình xoan ngược, đầu lá tù, gốc lá nhọn, gân phụ không song song như các loài sổ khác, mép lá có răng cưa thưa tù. **Hoa** lớn, 5 cánh tràng màu vàng tươi, có 7 nhụy màu tím. Đài tồn tại bao bọc lấy quả.
Công dụng	Gỗ trung bình, đóng đồ đạc.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VII
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 404, Nxb Trẻ, 1999

111. **SỔ NHÁM**

Tên phổ thông loài: Sổ nhám

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Dillenia scabrella* (D. Don) Roxb.

Họ: Dilleniaceae

Bộ: Dilleniales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Cây tái sinh

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ, cành mảnh khảnh. **Lá** có phiến lớn 20-30cm, gân lá song song kéo dài ra tận mép lá thành các răng cưa nhọn. **Hoa** lớn, tràng màu vàng. **Quả** mang đài tồn tại bọc nguyên quả hình cầu, màu vàng cam.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng ẩm thường xanh trên núi, ưa sáng.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ cao 15-20cm, cành cong queo, tán xòe rộng, vỏ thân nhẵn. **Lá** đơn mọc cách, phiến lá hình trái xoan dài 20-30cm, đầu nhọn, có khoảng 30 cặp gân phụ song song và kéo dài ra tận mép lá, cuống lá dài 3-7cm, có rãnh phía trên. **Hoa** lớn, mọc đơn độc ở đầu cành trước lá, cánh hoa màu lục. **Quả** hình cầu dẹt đường kính 8-10cm.
Công dụng	Gỗ xấu ít dùng, hoa đẹp làm cảnh.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VII
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 406, Nxb Trẻ, 1999

112. **SƠN MUỐI**

Tên phổ thông loài: Muối, Dã sơn

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Rhus javanica* L. var sp. *(Rhus chinensis* Muell.)

Họ: Anacardiaceae

Bộ: Rutales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng

Cây gỗ thân thẳng tròn, vỏ xám nâu, có mụn, **thịt vỏ** hồng nhạt, dày và mềm, giác trắng.

Lá kép lông chim 1 lần lẻ, lông dày, mép lá có răng cưa, giống lá trám.

Hoa cụm đầu cành, quả nhỏ, nhiều, hơi dẹp.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Tái sinh mạnh nơi đất trống, ven đường đi, ít thành cây gỗ lớn. Chịu khô hạn tốt. Rừng thưa, rừng thông Đà Lạt.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỡ, có dáng cao, thân thẳng tròn, cành lá có nhiều lông. **Lá** kép lông chim 1 lần lẻ dài 25-40cm, 3 đến 5 cặp lá chét đối, phiến hình bầu dục dài, mép lá có răng cưa, thứ khác(Var) có cánh ở 2 bên cuống chính. **Hoa** tụ tán đầu cành hay nách lá, nhỏ, màu trắng. Chùm quả nhiều, 3-4mm, dẹp.
Công dụng	Gỗ mềm, nhẹ, dễ bị mối mọt. Dùng làm đồ đạc thông thường.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VIII
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 603, Nxb Nông Nghiệp, 2002

113. **SỤ THON**

Tên phổ thông loài: Sụ thon

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Phoebe attenuata* Nees.

Họ: Lauraceae

Bộ: Laurales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Quả	Giác gỗ

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài Cây gỗ vỏ xám trắng, thịt vỏ dày màu nâu gạch, nhiều sợi nhỏ, giác vàng và thơm. Lá đơn hình giáo, chụm đầu cành. Quả hạch hình trứng, có 6 cánh đài tràng (2 vòng) tồn tại ở gốc. Toàn cây có mùi thơm.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh ẩm. Đất đỏ bazan tầng dày.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỡ, cao đến 15m, thân thẳng, mập, phân nhiều cành, hướng lên, vỏ xám trắng, nổi nhiều mụn. Lá đơn, mọc cách, thường chụm đầu cành, dài 12-15cm, phiến hình xoan ngược, đầu tròn, thuôn hẹp dần tới gốc, có 12-13 cặp gân chính nổi rõ mặt dưới, cuống dài 1cm. Hoa mẫu 3, nhỏ, thành cụm hình chùy thưa mọc ở nách lá đầu cành trên cuống chính dài 10-20cm. Quả hình trái xoan, dài 1cm, gốc có bao hoa tồn tại.
Công dụng	Gỗ làm nhà, đóng đồ đạc. Cây có tinh dầu thơm.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	IV
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 392, Nxb Trẻ, 1999

114. SỮA, MÒ CUA

Tên phổ thông loài: Sữa, mò cua

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Alstonia scholaris* (L.) R. Br.

Họ: Apocynaceae

Bộ: Gentianales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ

Hoa

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ lớn, gốc thường có khía sâu, vỏ mủn màu xám nhạt, thịt vỏ trắng, có nhiều nhựa mủ trắng như sữa. Cành lá mọc vòng, xếp nhiều tầng. Lá đơn nguyên mọc vòng, cái cặp gân lá đối xếp song song. Hoa mọc cụm dạng xim tán, hoa nhỏ, màu vàng nhạt, có mùi thơm hắc khi nở rộ.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng sinh trưởng nhanh, thích nghi nhiều nơi, khả năng phát tán và tái sinh hạt tốt, tái sinh chồi mạnh.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, vỏ mủn màu xám nhạt, có nhiều nhựa mủ trắng như sữa. Cành lá mọc vòng, xếp nhiều tầng. Lá đơn nguyên mọc vòng, hình thuôn dài hay trứng ngược, dài 15-20cm, cái cặp gân lá đối xếp song song. Hoa mọc cụm dạng xim tán, hoa nhỏ, màu vàng nhạt, có mùi thơm hắc khi nở rộ. Quả 2 đại, dài 25-30cm. Hạt nhỏ dẹt, có túm lông trắng 2 đầu, bay xa được.
Công dụng	Gỗ trắng, mềm nhẹ, thớ mịn, làm gỗ dán, đóng đồ đạc, dễ bị mốc sau khi xẻ nên cần ngâm tẩm, sấy. Màu gỗ sáng đẹp nên được ưa chuộng, xuất khẩu.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VII
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 676, Nxb Nông Nghiệp, 2002

115. **SỮA LÁ HẸP**

Tên phổ thông loài: Sữa lá hẹp

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Alstonia angustifolia* Wall. Ex A. DC.

Họ: Apocynaceae

Bộ: Gentianales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

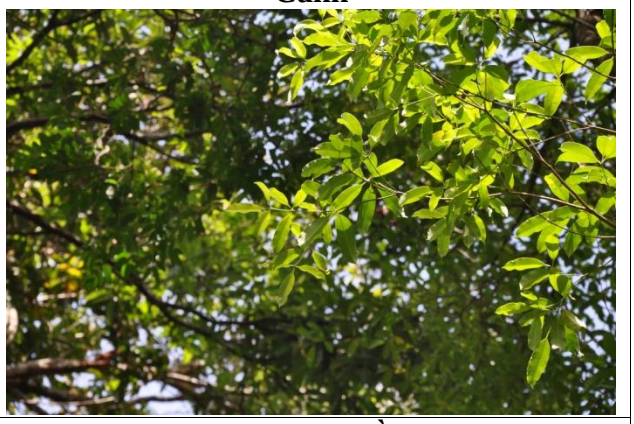

Lá cây tái sinh

Tái sinh chồi

Thân	**Vỏ, nhựa mủ**

<table>
<tr><td colspan="2"> </td></tr>
<tr><td colspan="2">Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài
Cây gỗ gốc có bạnh kía lõm, vỏ xám trắng, vạc ra chảy mủ trắng sữa, tán phân tầng.
Lá đơn mọc vòng, 3-4 lá một vòng, phiến lá thuôn hẹp dài 10-15cm.
Hoa mọc cụm xim dạng tán đầu cành, màu trắng.
Quả đại kép gồm 2 đại rời. Hạt có túm lông trắng.</td></tr>
<tr><td>Đặc điểm sinh học và sinh thái</td><td>Rừng thường xanh ẩm, độ cao từ 600-1700m, Krông Bông-Đăk Lăk, Tuy Đức-Đăk Nông. Hỗn giao với các loài Dẻ - Giổi – Trâm - Quế - Nhãn rừng.</td></tr>
<tr><td>Đặc điểm hình thái</td><td>Cây gỗ lớn, cao đến 15-20m, gốc có bạnh, thân thẳng, cành luân sinh 4 (đẻ 4 nhánh đầu chồi). Lá đơn mọc vòng, 3-4 lá một vòng, phiến lá thuôn hẹp dài 10-15cm, rộng 2-3cm. Cụm hoa tán dạng xim đầu cành, hoa nhỏ màu trắng, cánh tràng hợp hình ống, trên chia 5 thùy. Quả đại kép gồm 2 đại, dài 20cm, đường kính 1-3cm, có khía dọc. Hạt nhiều dài 1cm, 1đầu có túm lông dài.</td></tr>
<tr><td>Công dụng</td><td>Gỗ vàng tươi, cứng, dùng trong xây dựng và đóng đồ đạc, xẻ ván. Cây cho rễ và lá làm thuốc chữa bệnh phổi.</td></tr>
<tr><td>Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006</td><td>Không</td></tr>
<tr><td>Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP</td><td>Không</td></tr>
<tr><td>Thuộc nhóm gỗ</td><td>V</td></tr>
<tr><td>Tài liệu tra cứu</td><td>Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 690, Nxb Trẻ, 1999</td></tr>
</table>

116. **SƯNG ĐUÔI**

Tên phổ thông loài: sưng có đuôi

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Semecarpus caudata* Pierre.

Họ: Anacardiaceae

Bộ: Rutales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Lá mặt dưới

Cành

Nhựa mủ

Vỏ, giác gỗ

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ vỏ xám, nứt dọc, thịt vỏ dày màu nâu sậm, nhựa màu nâu sau hóa đen. Lá đơn mọc chụm đầu cành, dài 15-25cm, phiến lá rất giòn, hình trứng ngược, đầu lá phình có mũi, hẹp dần tới cuống, cuống rất ngắn, gân lá nổi rõ 2 mặt. Cụm hoa hình chùy ở đâu cành. Quả có đế phát triển bọc quả.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh ẩm.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ, vỏ xám, nứt dọc. Lá đơn mọc cách hay chụm đầu cành, dài 15-25cm, hình trứng ngược, đầu tròn, hẹp dần xuống cuống ngắn. Cụm hoa hình chùy ở đâu cành phân nhiều nhánh dài. Quả hạch 2cm, có đế phát triển bọc quả.
Công dụng	Gỗ đóng đồ đạc, nhựa làm sơn dầu.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 605, Nxb Nông Nghiệp, 2002

117. **THÀN MÁT**

Tên phổ thông loài: Thàn mát

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Milletia ichthyochtona* Drake.

Họ: Fabaceae

Bộ: Fabales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Hoa

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ vỏ thân xám nhẵn, không nứt. Lá kép lông chim lẻ, gốc cuống phình, 5-7 lá phụ nhọn 2 đầu. Hoa cụm đầu cành, không đều dạng 2 cánh màu trắng bên trong vàng.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng bán thường xanh đến thường xanh. Cây ưa sáng, ưa ẩm.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ thường xanh, thân vỏ xám nhẵn. Lá kép lông chim lẻ, 7-9 lá chét khá lớn dài 10-12cm, rộng 3-4cm. Hoa cụm đầu cành, không đều dạng 2 cánh màu trắng bên trong vàng. Quả đậu, vỏ cứng 1-2 hạt.
Công dụng	Gỗ đóng đồ đạc xây dựng thông thường, hạt làm thuốc trừ sâu sinh học.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VII
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 520, Nxb Nông Nghiệp, 2002

118. THÀN MÁT ĐEN

Tên phổ thông loài: Thàn mát

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Milletia eberhardtii* Gagn.

Họ: Fabaceae

Bộ: Fabales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành-cuống lá

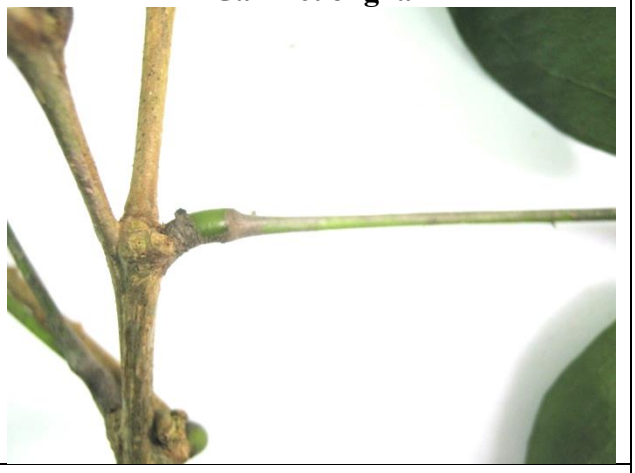

Thân

Quả

Hoa	Quả hạt

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Vỏ thân xám nhẵn.

Lá kép lông chim một lần lẻ, có 5-9 lá chét hay 2-4 cặp lá chét mọc đối, phiến lá chét hình xoan nhọn đầu.

Hoa chùm mọc ở nách lá. **Quả** đậu dẹt.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây mọc nơi ẩm ướt rừng thường xanh, ánh sáng trung bình.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ trung bình đến lớn, vỏ thân xám nhẵn. **Lá** kép lông chim, một lần lẻ có từ 7-9 lá chét hình xoan, đầu phiến lá nhọn, 2 mặt lá xanh bóng. **Hoa** chùm màu trắng hay tím, ở nách lá. **Quả** đậu dẹt.
Công dụng	**Gỗ** dùng đóng đồ đạc thông thường hay làm giá thể trồng nấm. Hạt có tính độc, làm thuốc trừ sâu.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VII
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 893-898, Nxb Trẻ, 1999

119. **THANH THẤT**

Tên phổ thông loài: Thanh thất

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Ailanthus sp.*

Họ: Simarubaceae

Bộ: Rutales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ vỏ nâu đen, nứt dọc và bong mảnh, thịt vỏ ngoài cứng nâu, trong mềm màu nâu vàng, giác có màu nâu, mùi hôi hắc. Lá kép lông chim lẻ, lá non dài đến 1m, lá chét mọc gần đối, cuống lá có lông, cuống **Cành non** màu hồng, lá già vàng sau rụng đỏ.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh ven suối, ven rừng, Krông Bông.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn thân thẳng, cao đến 30m, vỏ nứt dọc bong mảnh màu nâu đen. Lá kép lông chim lẻ, dài 50-100cm, 7-9 cặp lá chét mọc gần đối, hình trứng ngọn giáo, đầu nhọn, gốc hơi lệch.
Công dụng	Gỗ mềm làm diêm. Vỏ và lá làm thuốc chữa bệnh.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VIII
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 570, Nxb Nông Nghiệp, 2002

120.

121. **THỊ**

Tên phổ thông loài: Thị

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Diospyros sp.*

Họ: Ebenaceae

Bộ: Ebenales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ lớp vỏ ngoài thân đen cứng, thịt vỏ nâu hồng, giác trắng. Cành lá có đốm đen. Lá đơn mọc cách, phiến lá cứng dày, xanh nhẵn, hình xoan hay bầu dục đầu nhọn, gốc tròn, dài đến 30cm, 8-10 cặp gân lá nổi rõ. Quả có cánh đài tồn tại.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái quan trọng	Rừng thường xanh, Chư Yang Sin. Cây ưa sáng, đất dày và ẩm.
Đặc điểm hình thái quan trọng	Cây gỗ lớn thường xanh, vỏ thân đen, cao 15-20m, đường kính 40cm. Cành lá xanh đậm dày. Lá đơn mọc cách, phiến lá hình xoan hay bầu dục dài 20-30cm, rộng 10cm, đầu lá nhọn, gốc lá tròn, gân phụ nổi rõ 8-10 cặp. Quả có cánh đài tồn tại.
Công dụng	Gỗ tốt, đóng đồ đạc và xây dựng.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tham khảo	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 641-659, Nxb Trẻ, 1999

122. **THỊ CÁNH SEN**

Tên phổ thông loài: Thị cánh sen

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Diospyros lotus* L.

Họ: Ebenaceae

Bộ: Ebenales

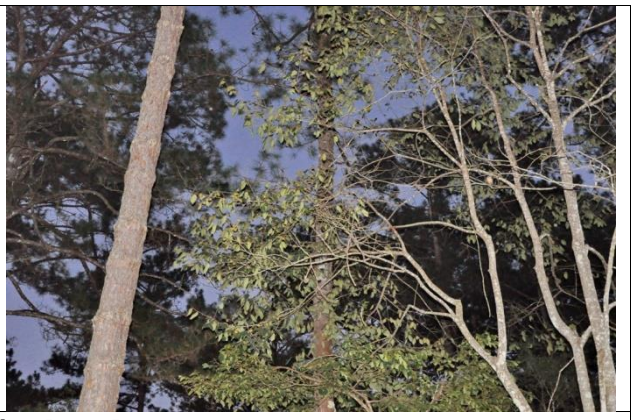

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Quả

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Vỏ thân xám, cành nhỏ nhưng cứng. **Lá** đơn mọc cách, phiến lá nhiều lông mịn. **Quả** hình cầu nhiều lông, mang đài 4 cánh lớn tồn tại bao chụp ½ quả, chín mùi rất thơm. Hạt dẹp, đen như hạt mãng cầu 6-8.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh trên núi, Đà Lạt. Tầng đất dày. **Quả** tháng 9-10
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ vỏ thân xám, phân cành sớm. **Cành** lá nhiều lông mịn. **Lá** đơn mọc cách, phiến lá hình xoan hay bầu dục, đầu nhọn dài khoảng 15cm, rộng 7-8cm. **Hoa** nhỏ mọc ở nách lá, 6-8 noãn. **Quả** hình cầu, to 2-3cm, đầu hơi bẹp, nhiều lông nhung, đài 4 cánh to bằng quả, 6-8 hạt.
Công dụng	Cây cho gỗ nhỏ, dùng đóng đồ đạc, đồ mỹ nghệ. **Quả** ăn được, nhuận tràng, trị táo bón, hạ nhiệt. Cây con dùng làm gốc ghép với Hồng (*D. kaki).*
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VI
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 650, Nxb Trẻ, 1999

123. THỊ ĐÀI LÔNG

Tên phổ thông loài: Thị đài lông **Tên địa phương loài:** **Tên khoa học:** *Diospyros sp.* **Họ:** Ebenaceae **Bộ:** Ebenales	
Hình ảnh nhận dạng loài	
Lá 	**Cành**
Hoa 	**Vỏ, giác gỗ**

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ vỏ đen, thịt vỏ nâu đỏ, dày, giác trắng. Cành lá xanh đậm. Lá đơn nguyên mọc cách, phiến thuôn dài xanh nhẵn, cứng dày, gân phụ mảnh không thẳng, nổi rõ mặt trên. Hoa quả mọc đơn độc nách lá, mang đài 4 cánh, có lông nhung, màu nâu.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng bán thường xanh ven suối, Đăk Lăk và Krông Nô-Đăk Nông.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ trung bình, cao 10-15m, vỏ đen. Lá đơn mọc cách, phiến thuôn dài 15-18cm, xanh nhẵn, gân chính nổi rõ, gân phụ mảnh không thẳng, nổi rõ mặt trên. Hoa mọc nách lá. Quả mang đài 4 cánh tồn tại, có lông nhung, màu nâu, dài khoảng 1cm.
Công dụng	Gỗ tốt, đóng đồ đạc, xây dựng.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VI

124. THỊ HASSELT

Tên phổ thông loài: Thị

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Diospyros hasseltii* Zoil.

Họ: Ebenaceae

Bộ: Ebenales

Thị đen_*Diospyros bejaudii*

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ, thân thẳng, vỏ xám đen, nứt dọc nhẹ, thịt vỏ nâu đỏ hay hồng, giác trắng, tán lá xanh đậm. Lá đơn nguyên mọc đối, phiến lá dài đến 25cm, dày và nhẵn, gân phụ 9-10, nổi rõ 2 mặt. Quả mang đài tồn tại.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng bán thường xanh ven suối đến thường xanh, Đăk lăk, Đăk Nông. Cây ưa đất xám đen, ẩm, tầng dày.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ, thân thẳng tròn, vỏ xám đen đến nâu sậm. Cành lá màu xanh đậm, hơi tối. Lá đơn, mọc cách, phiến lá dài 20-25cm, rộng 10cm, dày và nhẵn, gân phụ nổi rõ, mặt trên xanh đậm bóng, mặt dưới lục nhạt. Quả tròn, mang đài tồn tại, hạt đen.
Công dụng	Gỗ dùng xây dựng, đóng đồ đạc thông thường.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VI
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 648, Nxb Trẻ, 1999

125. **THÔNG 3 LÁ**

Tên phổ thông loài: Thông 3 lá

Tên địa phương loài: Ngo

Tên khoa học: *Pinus kesiya* Royle ex Gordon.

Họ: Pinaceae

Bộ: Pinales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá cây tái sinh 1-3

Cành lá

Thân

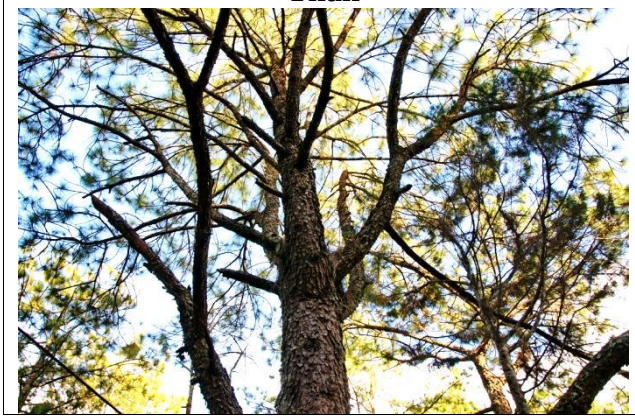

Nón cái

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây lá kim, vỏ màu nâu sẫm, bong nứt mảng. **Lá** mọc hình kim, mọc chụm đầu cành, 3 lá mọc trong một bẹ, dài 15-20cm, lá rụng nguyên bẹ 3 lá tồn tại lâu quanh gốc. Nón cái hình trứng, dài 5-9cm.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, thích hợp điều kiện khí hậu mưa nhiều, mọc hỗn giao với cây lá rộng thường xanh trên núi.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, cao 30-35m, vỏ bong nứt nhiều mảng, **Cành non** màu nâu đỏ. **Lá** hình kim dài 15-20cm, tập trung đầu cành mọc 3 lá trong một bẹ. Nón đực mọc đầu cành, nón cái hình trứng 5-9cm, cuống ngắn, quả nón hơi quặt xuống. Hạt có cánh dài 1,5-2cm.
Công dụng	Gỗ mềm nhẹ, sáng, màu vàng da cam, vân và lõi nâu nhạt. Dùng làm ván sàn, hòm, diêm.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	IV
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 27, Nxb Nông Nghiệp, 2002

126. **THÔNG 5 LÁ**

Tên phổ thông loài: Thông 5 lá

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Pinus dalatensis* De Ferre

Họ: Pinaceae

Bộ: Pinales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

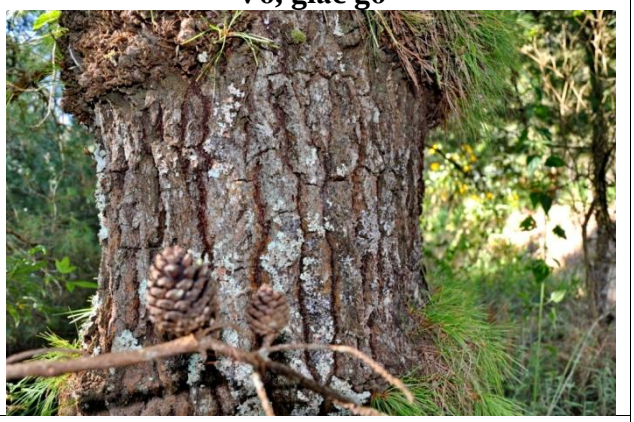

Quả nón

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ, vỏ màu nâu đỏ, nứt dọc sâu, bong vảy. **Lá** hình kim, 5 lá mọc chụm trên một cành ngắn có bẹ bọc ngoài. Nón cái hình trụ dài 5-10cm, rộng 2,5-3,5cm.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Độ cao trên 1400m, rừng thường xanh trên núi ở Lâm Đồng, Ngọc Linh – Kon Tum, Chư Yang Sin – Đăk Lăk.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn cao 20-40m, đường kính 60-80cm. ***Vỏ*** màu nâu đỏ, nứt dọc. **Lá** hình kim dài 9-10cm, 5 lá trong 1 bẹ. Nón cái dài 5-10cm, vảy nhiều 30-50, mặt ngoài hơi nhẵn.
Công dụng	Gỗ có giác lõi phân biệt, lõi màu đỏ tươi, giác vàng, gỗ hơi cứng, nhẹ, dễ chế biến, có mùi thơm, khó bị mối mục. Dùng để xây dựng, đóng tàu, bột giấy hay đóng thuyền. Là loài đặc hữu Việt Nam.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	IV
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 26, Nxb Nông Nghiệp, 2002

127. **THÔNG LÁ DẸT**

Tên phổ thông loài: Thông 2 lá dẹt

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Pinus krempfii* H. Lec.

Họ: Pinaceae

Bộ: Pinales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

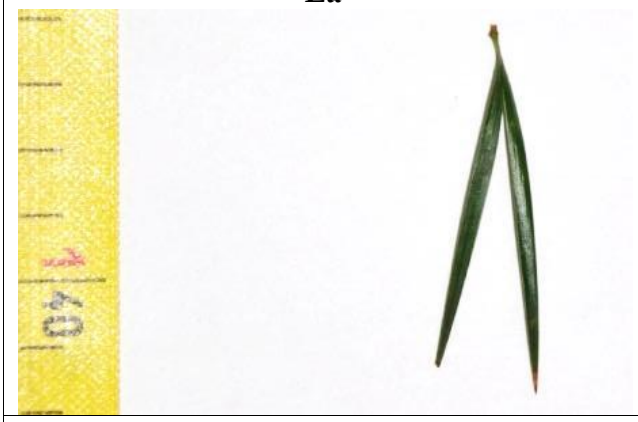

Cành

Thân

Gốc bạnh

Nón

Quả

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Gỗ có mùi thơm tinh dầu thông. Lá dẹt hình dải hẹp 2-4mm, dài 5-7cm, mọc thành cặp. Quả nón hình trứng, gồm nhiều vảy hình thoi.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh trên núi cao, Chư Yang Sin, độ cao trên 1000m, khí hậu ẩm ướt.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, đường kính đến 3m, tán vượt các cây xung quanh, thân cây to nhiều u cục, bong mảng không đều. Lá mọc cụm 2, hình dải dẹt dài 5-7cm, rộng 2-4mm, cứng dày. Nón dài 1-2cm, quả nón hình trứng dài 4-6 cm, to 2-3cm, gồm nhiều vảy.
Công dụng	Gỗ xẻ ván, đóng đồ đạc, xây dựng …Là loài cây quý hiếm của hệ sinh thái rừng thường xanh núi cao, cần phải bảo tồn nghiêm ngặt.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	EN
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	IA
Thuộc nhóm gỗ	V
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 220, Nxb Trẻ, 1999

128. THÔNG NÀNG, THÔNG LÔNG GÀ

Tên phổ thông loài: Thông nàng, thông lông gà

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Dacrycarpus imbricatus* (Blume) De Laub. (*Podocarpus imbricatus*)

Họ: Podocarpaceae

Bộ: Podocarpales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

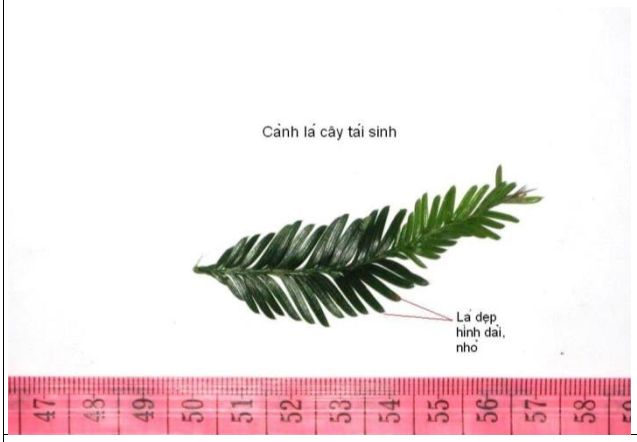

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Gốc

Quả

Cành quả

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ thân thẳng, vỏ láng hoặc bong mảnh mỏng, **thịt vỏ** nâu đỏ. Cành lá cây to rất thưa.

Lá ở **Cành non** và cây tái sinh có hình dải xếp lông chim, lá trên cành già hình vẩy nhỏ xếp vòng.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, cây non ưa bóng. Đất ẩm, tốt, thích hợp đất cát pha.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ thân thẳng, tròn, vỏ láng, bong mảnh mỏng, **thịt vỏ** nâu đỏ, nhựa nâu nhạt. **Lá** ở **Cành non** và cây tái sinh có hình dải xếp lông chim, lá trên cành già hình vẩy nhỏ xếp vòng. Nón đực ở nách lá dài 1cm. Nón cái màu đỏ mọc lẻ hoặc từng đôi ở đầu cành, có đế nạc.
Công dụng	Gỗ màu vàng, vòng năm không rõ, thớ mịn, mềm, nhẹ. Gỗ không bền, dùng đóng đồ dùng, làm nhà.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	IV
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 226, Nxb Trẻ, 1999

129. **THÔNG NƯỚC**

Tên phổ thông loài: Thủy tùng, thông nước

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Glyptostrobus pensilis* (Staunt.) Kock.

Họ: Taxodiaceae

Bộ: Cupressales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ

Nón đực	Quả nón

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ có vỏ bong mảng màu nâu, có mùi thơm tinh dầu thông, chảy nhựa đỏ ở vết nứt. Có nhiều rễ thở chồi lên mặt.

Lá Cành non hay chồi tái sinh hình dải 1-2cm, lá ở cành già hình vảy.

Nón đực dạng vảy đầu cành.

Nón cái hình trứng hay bầu dục, khô tách rời. Mỗi vảy mang 1 hạt.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa ẩm, nhưng không ưa bị ngập nước, mọc ở rừng sình lầy thành quần thể cùng với các loài Trâm, trôm, bùi nước, côm. Ea Ral – Ea H'leo, Trấp K'sor –Krông Năng. Tái sinh chồi nhiều. Hiện nay, cây không có khả năng tái sinh bằng hạt
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn thân thẳng cao đến 30m, gốc phình đường kính hơn 2m. Vỏ thân bong nứt thành mảng, màu nâu, xốp. Lá 3 dạng, hình dải hẹp 2-3cm ở chồi tái sinh, hình dùi và vảy. Nón đực hình vảy đầu cành, có 6-9 túi phấn ở gốc. Nón cái hình bầu dục hay hình trứng, 20-22 vảy, có 5-10 vảy mang hạt.
Công dụng	Gỗ có mùi thơm, có thớ mịn, màu xám xanh, nhiều vân đen. Gỗ dùng làm nhà, đồ mỹ nghệ, nhạc cụ …
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ	CR
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	IA
Thuộc nhóm gỗ	I
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 32, Nxb Nông Nghiệp, 2002

130. **THÔNG TRE**

Tên phổ thông loài: Thông tre

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Podocarpus neriifolius* D. Don.

Họ: Podocarpaceae

Bộ: Podocarpales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Quả nón

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ có vỏ màu nâu vàng, bong mảnh mỏng. **Lá** đơn mọc cách hình dải với 1 gân chính ở giữa nổi rõ 2 mặt. **Quả** nón có đế mập.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa bóng, ưa đất ẩm, tốt, nhiều mùn. Cây tái sinh dưới tán rừng rậm.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ cao lớn 20-25cm, thân thẳng, vỏ màu nâu vàng. **Lá** đơn mọc đối, hình dải dài 8-10cm, rộng 1-2cm có một gân chính nổi rõ 2 mặt. Nón đực dạng bông dài 2-5cm, màu vàng, ở nách lá. Nón cái cô độc, dưới có đế mập.
Công dụng	Gỗ nhẹ, dùng để xây dựng và đóng thuyền.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	I
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 226, Nxb Trẻ, 1999

131. **TÔ HẠP NAM**

Tên phổ thông loài: Tô hạp nam

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Altingia siamensis* Craib.

Họ: Altingiaceae

Bộ: Hamamelidales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Quả

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cành nhánh dày. Chồi có vảy bọc dạng họ long não. Lá đơn mọc cách hay tập trung đầu cành, cuống lá dài 2-3cm, phiến lá cứng dày, đầu có mũi nhọn, mép lá có răng cưa thưa tù. Quả phức hình cầu 1,5-2cm, trên cuống dài 4-5cm, gồm nhiều quả nang, chín nứt.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh ven suối, ưa ẩm. Cây ưa sáng, cây lớn luôn chiếm tầng trên của rừng. Chư Yang Sin, Đăk Lăk.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, cao 30-50cm, đường kính tới 1m, vỏ xám hồng nhẵn, già bong mảng. Lá đơn mọc cách hay tập trung đầu cành, cuống dài 2-3cm, phiến lá hình hình trứng ngược, 10x3cm, có mũi nhọn, mép lá có răng cưa thưa tù. Quả phức hình cầu 1,5-2cm, trên cuống dài 4-5cm, gồm nhiều quả nang, chín nứt.
Công dụng	Gỗ nâu đỏ, lõi lớn, dễ nứt, không mối mọt, có thể xây dựng đóng tàu thuyền. Cây có tinh dầu thơm.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	V
Tài liệu tra cứu	Lê Mộng Chân – Lê Thị Huyên, Thực vật rừng, tr. 112, Nxb Nông Nghiệp, 2000

132. TRAI TÍCH LAN

Tên phổ thông loài: Trai tích lan

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Fagraea ceilanica* Thunb.

Họ: Loganiaceae

Bộ: Gentianales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

***Vỏ* thân**

Quả

Hoa

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài Cây có lá đơn mọc đối, phiến dày, xanh đậm, bóng, hình bầu dục thon. **Hoa** lớn, có tràng hình ống như loa kèn, trên xẻ 5 cánh. **Quả** hình cầu có mũi nhọn, nước da bóng.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng dày ven suối, độ cao 200 - 300m.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ, khi non phụ sinh, hay trên đá, leo hay đứng cao 4-10cm. **Lá** đơn mọc đối, hình bầu dục thon, to dài 10-25cm, dày, xanh bóng, gân phụ mảnh, không nhìn rõ. **Hoa** mọc ở nách lá, tràng hợp hình ống loa kèn, dài 5-6cm, trên chia 5 cánh thuỳ, màu vàng nhạt, nhị 5 đính ống tràng, chỉ nhị dài. **Quả** hình cầu, đầu có mũi nhọn, da bóng, đài tồn tại.
Công dụng	Gỗ hạ nhiệt. Cây có hoa đẹp, trồng làm cảnh.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 657, Nxb Nông Nghiệp, 2002

133. **TRÁM NÂU**

Tên phổ thông loài: Trám nâu

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Canarium littorale* Bl. Var *purpurascens* (Benn.) Leenh.

Họ: Burseraceae

Bộ: Rutales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Nhựa mủ

Quả

Vỏ, quả	Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Thân thẳng, tròn, vỏ xám hồng, **thịt vỏ** nâu đỏ, vết đẽo vỏ chảy nhựa thơm hắc.

Lá kép lông chim 1 lần lẻ mọc cách, có lá kèm, mép lá có răng cưa.

Quả hạch cứng, hình bầu dục, hạt có vỏ rất cứng, 3 cạnh tròn, 1-3 hạt.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, nhỏ ưa bóng, đất ẩm. Cây lớn nhanh, dễ tái sinh hạt.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn thân thẳng tròn, cao đến 20m, đường kính 40cm. **Lá** kép lông chim 1 lần lẻ, 3-4 đôi lá chét và 1 lá lẻ mọc rời , gốc lá hơi lệch, cuống lá phụ dài 1cm(3cm với lá chét lẻ), có lá kèm ở chồi non. **Quả** hạch nhân cứng, hình bầu dục dài 4-5cm, rộng 2,5-3cm.
Công dụng	Gỗ mềm nhẹ, gần giống gỗ tram trắng, đóng đồ mộc, làm gỗ dán. Cây cho nhựa thơm chiết suất tùng hương và tinh dầu làm thực phẩm, thuốc, vecni… **Quả** nhiều dầu ăn được, làm mứt.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VII
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 593, Nxb Nông Nghiệp, 2002

134. **TRÂM BỒ ĐÀO**

Tên phổ thông loài: Trâm Bồ đào

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Syzygium jambos* (L.) Alston.

Họ: Myrtaceae

Bộ: Myrtales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa

Quả

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài Cây gỗ thân xám xanh nhẵn, thịt vỏ nâu sậm, phân cành nhiều. Lá đơn mọc đối, gân phụ lá hợp thành viền cách mép lá 0,5cm, mặt trên xanh đậm bóng, vò có mùi thơm. Hoa cụm mọc ở đầu cành, nhiều nhị, 4 cánh, nhị nhiều, màu trắng. Quả có đài và vòi nhụy tồn tại, giống quả Mận (roi).	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh ẩm ven suối, đất Bazan tầng dày. Ưu hợp cây họ Long não (Quế, sụ, kháo…) – Côm – Xoan.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ, cao 6-12m, vỏ thân xám xanh, nhẵn, **Cành non** mảnh rủ. Lá đơn mọc đối, phiến lá hình ngọn giáo thuôn nhọn 2 đầu, mép lá có răng cưa, cuống ngắn 1cm. Hoa mọc cụm đầu cành, nhị rất nhiều, 4 cánh màu trắng
Công dụng	Quả ăn được, vỏ và lá có chứa nhiều tannin. Hoa đẹp, trồng làm cảnh. Gỗ nhỏ đóng đồ đạc thông thường và xây dựng.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 2, tr. 44, Nxb Trẻ, 1999

135. **TRÂM ĐỎ**

Tên phổ thông loài: Trâm đỏ

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Syzygium zeylanicum* (L.) Dc.

Họ: Myrtaceace

Bộ: Myrtales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

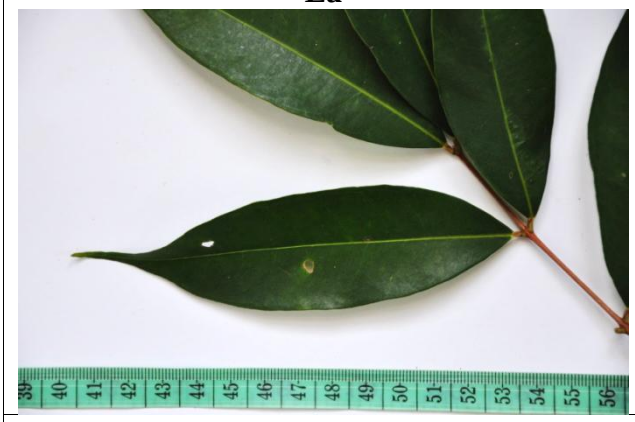

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Thân

Gốc, bạnh

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài Cây gỗ, vỏ thân màu đỏ nâu, bong mảng mỏng dễ bóc, **thịt vỏ** dày màu nâu. **Lá** đơn mọc đối.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, mọc nhanh, ưa ẩm, tái sinh mạnh. Ưu hợp: Chò xót – Trâm đỏ - Dẻ
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, vỏ thân đỏ nâu, bong mảng mỏng. **Lá** đơn mọc đối. **Hoa** cụm xim chùy, hoa không cuống, cánh đài 4-5, đều nhau, cánh tràng 4-5. Nhị đực nhiều. **Quả** hạch hình cầu, màu trắng.
Công dụng	Gỗ đỏ nâu, thớ xoắn, mịn, cứng dai, khó gia công. Gỗ làm nhà, cầu cống, thuyền rất tốt.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	V
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 471, Nxb Nông Nghiệp, 2002

137. TRÔM ĐỒNG NAI, SẢNG CÁNH

Tên phổ thông loài: Sảng cánh, cước mộc

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Sterculia alata* Roxb.

Họ: Sterculiaceae

Bộ: Malvales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Đài Hoa	Cây đang ra hoa

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ cao lớn, thân rất thẳng và tròn, vỏ có nhiều vết lõm ngang, **thịt vỏ** màu đỏ hồng, xen kẽ trắng.

Lá đơn mọc cách, cuống lá dài phình 2 đầu, phiến lá hình tim.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, mọc nhanh. Buôn Ma Thuột, Đrây Sáp – Đăk Lăk, Kon Tum, Đồng Nai. Ưu hợp: Bằng lăng – mít nài – bời lời.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ cao đến 30m, thân rất thẳng và tròn, tán hình. **Lá** đơn mọc cách, cuống lá dài 9-10cm, phình 2 đầu, phiến lá hình tim dài 10-14cm, đầu có mũi nhọn, có 2-3 cặp gân gốc và 4 cặp gân phụ từ gân chính. Chùm hoa ở ngọn và nách lá dài 8-10cm. **Quả** mang 4-5 đài, hạt to 7x3cm.
Công dụng	**Gỗ** xẻ ván, đóng đồ đạc, xây dựng.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VII
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 340, Nxb Nông Nghiệp, 2002

138. TRÔM HÔI

Tên phổ thông loài: Trôm, trôm hôi

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Sterculia foetida* L.

Họ: Sterculiaceae

Bộ: Malvales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Thân

Hoa

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ, vỏ màu xám, thường chảy nhựa gum màu trắng, gặp nước nở ra. **Lá** kép chân vịt với 5-9 lá chét, trông gần giống lá khoai mì hay lá cây gòn gạo. **Quả** đại kép có 1-5 đại hình trứng dài 10cm.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng mọc nhanh, tái sinh tốt
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, thân thẳng, có múi, gốc bạnh ở cây lớn, vỏ thân màu xám, phân cành cao, tán lá dày rậm. **Lá** kép chân vịt có 5-9 lá chét. Hoa vô cánh, đài màu đỏ sậm, xẻ 5 thùy. Quả đại kép, gồm 5 đại.
Công dụng	Gỗ đóng đồ đạc, nhựa gum làm nước giải khát, hạt có dầu ăn được, bột hạt làm bánh. Cây mọc nhanh được trồng làm trụ tiêu.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VIII
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 342, Nxb Nông Nghiệp, 2002

139. **TRÔM HOA NHỎ**

Tên phổ thông loài: Trôm

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Sterculia parviflora* Roxb.

Họ: Sterculiaceae

Bộ: Malvales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Nhựa - Gum

Vỏ, giác gỗ

Quả hạt	Chùm – Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây thân gỗ, thường chảy nhựa gôm chỗ vết thương, hơi trong, khi khô cứng, gặp nước nở nhày nhớt.

Lá đơn mọc cách, cuống lá phình 2 đầu.

Quả kép 4 đến 5 quả lớn, dài 7-10 cm, chín màu đỏ, có lông mịn.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, đất ẩm, mọc nhanh.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, vỏ thân màu xám, **thịt vỏ** màu nâu hồng. **Lá** đơn mọc cách, hình xoan hay bầu dục, 2 đầu cuống lá phình. **Quả** kép, 4-5 quả con, mỗi quả con dài 7-10cm, dính nhau ở gốc, có 6-8 hạt bầu dục hay xoan tròn.
Công dụng	Gỗ màu xám như sao đen, nhưng nhiều xơ thô, không mịn, mềm nhẹ, xẻ ván làm nhà, đóng đồ đạc. Gôm là nước giải khát tốt cho sức khỏe.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VII
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 504-510, Nxb Trẻ, 1999

140. **TRÔM LÁ QUẠT**

Tên phổ thông loài: Trôm lá quạt

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Sterculia hypochrea* Pierre

Họ: Sterculiaceae

Bộ: Malvales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ thân thẳng, dáng cao, vỏ xám, trơn nhẵn, vết nứt chảy nhựa gôm màu vàng xanh, sau màu nâu. **Lá** xẻ thùy chân vịt nhiều hơn 3 thùy, to đến 50cm. **Quả** có 5 đại chín mở bằng một khe nứt dọc.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, ưa ẩm, độ cao thấp. Đăk Lăk, Đồng Nai chủ yếu.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ thân thẳng, cao 15-20m, vỏ thân nhẵn, màu xám. **Lá** đơn xẻ thùy chân vịt, hình quạt, có 3-9 thùy nhọn, kích thước 20-50 cm. **Hoa** nhỏ mọc chùm kép. **Quả** 5 đại chín nứt bằng 1 khe.
Công dụng	Gỗ dùng trong xây dựng, đóng đồ đạc. Nhựa gôm làm thuốc, chất cố định màu trong nhuộm vải.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VII
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 343, Nxb Nông Nghiệp, 2002

141. **TRƯỜNG HÙNG LÔNG**

Tên phổ thông loài: Trường hùng lông, thoa la lông

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Reevesia pubescens* Mast.

Họ: Sterculiaceae

Bộ: Malvales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Vỏ, giác gỗ

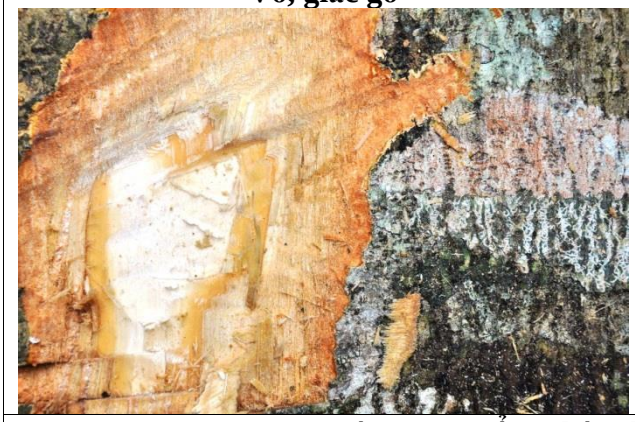

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ vỏ xám, nhẵn.

Lá có cuống phình 2 đầu, hình trứng, đầu lá có mũi nhọn, gân lá nổi rõ, 3 gân gốc và các gân khác so le.

Quả nang hóa gỗ chia làm 5 mảnh.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây mọc trong rừng thường xanh lá rộng nhiệt đới, mọc nơi sườn núi. Ưu hợp: Lòng máng – thành ngạnh – bình linh – cò ke
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, vỏ xám, thịt vỏ màu nâu vàng, giác vàng. **Lá** đơn mọc cách, hình trứng, đầu lá có mũi nhọn, lá dài 10-18cm, rộng 4-8cm, gân bên 4-5, sờ hơi ráp. Cuống lá phình 2 đầu, dài 3-5cm. **Quả** nang hóa gỗ, tách 5 mảnh. Hạt 1,5cm.
Công dụng	Cây gỗ dùng để làm kiện hàng, xẻ ván, nguyên liệu bột giấy.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 503, Nxb Nông Nghiệp, 2002

142. **ƯƠI, LƯỜI ƯƠI**

Tên phổ thông loài: Ươi, Lười ươi

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Scaphium macropodium* (Miq.) Beumec, *S. lychnophorum* (Hance) Kost.

Họ: Sterculiaceae

Bộ: Malvales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Hoa

Thân

Vỏ, giác gỗ

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ, vỏ thân màu nâu xám, **thịt vỏ** vàng nhạt, giác trắng. **Lá** mọc cách, lá cây non có dạng xẻ 3 thùy, khi lớn lá đơn, cuống dài đến 10-30cm. **Hoa** nhỏ mọc chùm tụ tán đầu cành. **Quả** có vỏ mỏng, một hạt, phù to khi gặp nước.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, mọc trong các rừng thứ sinh, ưa đất ẩm tốt, không bị ảnh hưởng bởi rừng cây họ dầu, độ cao đến 1200m.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn cao 20-25cm, vỏ thân màu nâu xám, nhánh non có lông hoe. **Lá** mọc cách, lá cây non có dạng xẻ 3 thùy không lông, khi lớn lá đơn, cuống dài đến 10-30cm. **Hoa** nhỏ mọc chùm tụ tán đầu cành. **Quả** có vỏ mỏng, một hạt, phù to khi gặp nước.
Công dụng	Gỗ xẻ ván, trang trí nội thất. **Quả** có gum làm nước giải khát, chữa bệnh lị.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	VU
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VII
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 340, Nxb Nông Nghiệp, 2002

143. **VÀNG ANH**

Tên phổ thông loài: Vàng anh

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Saraca indica* L.

Họ: Fabaceae

Bộ: Fabales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Hoa

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ có vỏ thân xám, nhẵn. **Lá** kép lông chim lớn như cành mang phiến lá mọc đối. Cụm hoa màu vàng cam, mọc ở nách lá nhìn rất giống hoa đơn đỏ (Bông trang *Ixora sp*.).	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây phân bố từ Bình Trị Thiên đến Vọng Phu – Đăk Lăk, độ cao dưới 500m. Cây ưa sáng, rừng thứ sinh.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn cao đến 20m, cành nhánh nhiều, **Cành non** tròn vỏ nhẵn. **Lá** kép lông chim dài 30-50cm, mang 5-6 cặp lá chét, kích thước cỡ 10x20cm. Cụm hoa mọc nách lá hay trên thân, hình cầu, to 10-15cm, màu vàng cam, hoa có tràng hợp hình ống, trên chia 4 thùy. **Quả** đậu dẹt.
Công dụng	Cây trồng làm cảnh. Gỗ ít sử dụng.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VII
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 529, Nxb Nông Nghiệp, 2002

144. **VÀNG NGHỆ**

Tên phổ thông loài : Vàng nghệ

Tên địa phương loài : Chin, xương gà

Tên khoa học : *Garcinia handburyi* Hook. F.

Họ: Clusiaceae

Bộ: Theales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

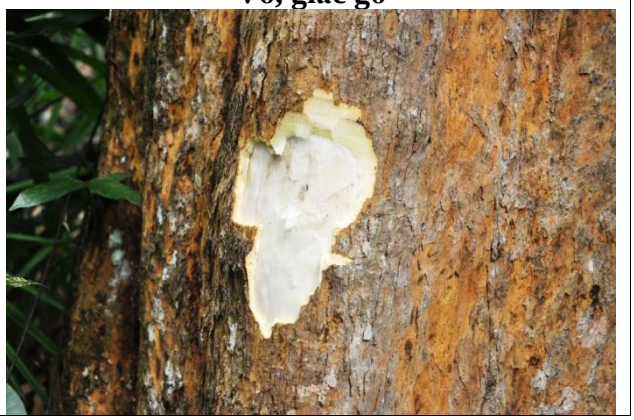

Nhựa mủ	Gốc, bạnh cây
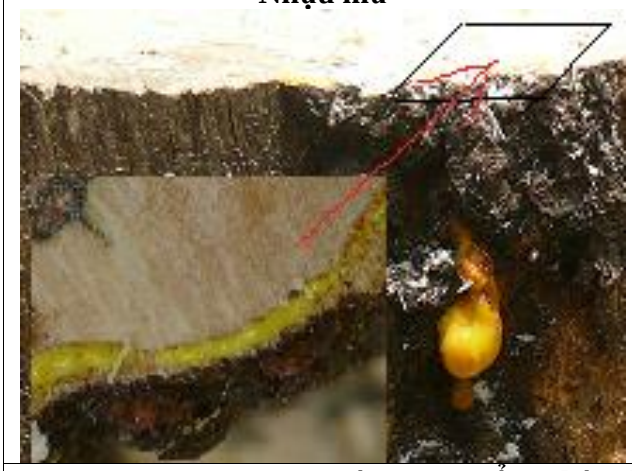	

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ vỏ nhẵn màu xám nhạt, **thịt vỏ** màu vàng nhạt, có nhựa mủ màu vàng nghệ.

Lá đơn mọc đối, dạng trái xoan, dài 6-8cm, rộng 3-4cm, gân lá song song.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Nơi rừng thường xanh ẩm, sườn núi, chân núi.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, vỏ thân nhẵn, màu xám có nhựa mủ vàng nghệ, phân cành nhiều, thấp, dài, cong, lúc non cành có tiết diện vuông. **Lá** đơn mọc đối, dạng trái xoan hình bầu dục, dai, màu xanh lục đậm, bóng. Gân bên xếp thẳng song song nhau nổi rõ cả 2 mặt. Cụm hoa thưa mọc ở nách lá hay gần đầu cành, cụm hoa đực có từ 1 đến 5 hoa. **Hoa** có 4 cánh hoa, cao 7mm màu vàng. Nhị đực dính nhau thành một đầu tròn, màu vàng. Cụm hoa cái có từ 1-8 hoa. Bầu có 4 ô. **Quả** dạng trái xoan, cao 4,5cm, đường kính 3cm, thuôn hẹp ở đầu có vòi nhụy còn lại ngắn chia thùy, đầu **Quả** lõm, nhẵn. Hạt 5-8.
Công dụng	Cây cho gỗ khá tốt, dùng để đóng đồ đạc, xẻ ván, đóng thuyền, xây dựng. **Quả** chín ăn được.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 217, Nxb Nông Nghiệp, 2002

145. **XÁ XỊ**

Tên phổ thông loài: Xá xị

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Cinnamomum balansae* Lecomte.

Họ: Lauraceae

Bộ: Laurales

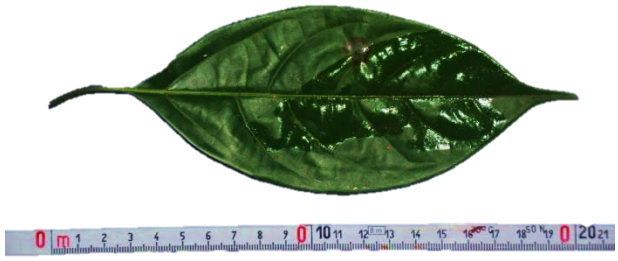

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Cành non

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ có vỏ xám nứt dọc bong mảnh, **thịt vỏ** nâu vàng, giác trắng vàng, có mùi thơm xá xị. **Lá** đơn mọc cách kích thước và hình dáng gần giống lá cây bơ, vò lá có mùi thơm. **Quả** hình cầu nhỏ gần 1cm, có cuống đế phình, quả chín màu tím đen.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh trên Núi cao. Ưu hợp Dẻ-Giổi-Quế. Tái sinh nơi đất ẩm, dày, bóng mát, nhưng là cây ưa sáng.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, vỏ xám nứt dọc, thường có u cục quanh gốc, **Cành non** xanh. **Lá** đơn mọc cách, phiến lá hình thuôn nhọn 2 đầu, mặt lá nhẵn, to vào 8x12cm. **Hoa** nhỏ mọc cụm ở nách lá đầu cành. **Quả** hạch hình cầu 8-10mm, có đế phình mập, chín màu tím đen.
Công dụng	Cây cho tinh dầu thơm, gỗ vàng nhạt, thơm.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	VU
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	IIA
Thuộc nhóm gỗ	VI
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 95, Nxb Nông Nghiệp, 2002

146. XĂNG MÃ NGUYÊN

Tên phổ thông loài: Xăng mã nguyên

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Carallia brachiate* (Lour.) Merr.

Họ: Rhizophoraceae

Bộ: Rhizophorales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Hoa

Cành

Hoa

Vỏ

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây thân gỗ, **Cành non** xanh hơi dẹt, vỏ màu nâu xanh, mỏng, **thịt vỏ** màu đỏ nâu. **Lá** đơn nguyên, mọc đối, có lá kèm hình dùi bao chồi, để lại sẹo vòng khi rụng. Phiến lá hình bầu dục, dày mềm, gân lá chìm khó thấy, mặt trên xanh đậm, rất bóng, mặt dưới lá màu xanh lục nhạt.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa ẩm mọc nơi ven suối trong rừng thường xanh nhiệt đới ẩm.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, cao 20-25m, vỏ nâu xanh, mỏng. **Lá** đơn nguyên mọc đối, hình bầu dục hay xoan, mặt trên xanh bóng, mặt dưới màu lục nhạt. **Hoa** màu trắng, mọc ở nách lá. **Quả** nang hình cầu, đỉnh có cánh, màu da cam.
Công dụng	**Gỗ** dùng trong xây dựng và đóng đồ đạc thông thường.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VI
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 455, Nxb Nông Nghiệp, 2002

147. **XOÀI VÀNG**

Tên phổ thông loài: Xoài vàng, Muỗng cuống dài

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Mangifera flava* Evrard.

Họ: Anacardiaceae

Bộ: Rutales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Thân

Quả

Vỏ, giác gỗ

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ vỏ xám nâu, thịt vỏ nâu vàng, có nhựa mủ, giác vàng. Vò lá có mùi thơm. Lá đơn mọc cách hay chụm đầu cành, phiến lá lớn thuôn dài đến 30cm, gân lá nổi rõ khoảng 20 cặp, cuống lá dài đến 10cm, gốc phình màu đen. Hoa nhỏ mọc cụm đầu cành, phân nhiều nhánh. Quả hạch, 4cm.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh ẩm, trên núi, Chư Yang Sin – Krông Bông.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, vỏ thân xám nâu, vết nứt chảy nhựa mủ. Lá đơn mọc cách hay chụm đầu cành, cuống lá dài 4-8cm, phiến lá thuôn nhọn dài 15-20cm, gân lá 20-25 cặp, chẻ nhánh ở mép lá. Hoa mọc cụm hình chùy đầu cành, màu vàng, mẫu 5. Quả hạch gần hình cầu, đường kính khoảng 4cm.
Công dụng	Gỗ có giác mỏng vàng, lõi phân biệt, thớ thẳng mịn. Gỗ dùng xây dựng, đóng đồ đạc, xẻ ván.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	V
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài nguyên cây gỗ Việt Nam, tr.600, Nxb Nông Nghiệp, 2002.

148. **XOAN ĐÀO**

Tên phổ thông loài : Xoan đào

Tên địa phương loài :

Tên khoa học : *Prunus ceylanica* (Wight.) Miq.

Họ: Rosaceae

Bộ: Rosales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

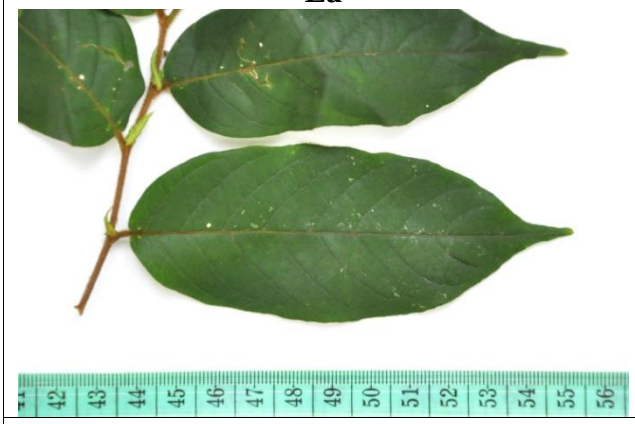

Cành

Lá kèm

Vỏ, giác gỗ

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Toàn thân có mùi hôi bọ xít. ***Vỏ*** xám tro, nhẵn.

Lá đơn mọc cách, đầu lá có đuôi nhọn kéo dài, 2 lá kèm nhọn dài 1- 1,5cm.

Cành *non* và lá có có lông màu gỉ sắt.

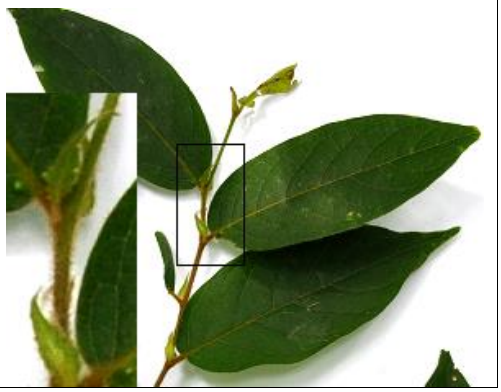

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, mọc nhanh, tái sinh tốt dưới tán rừng tự nhiên (chịu bóng giai đoạn nhỏ).
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỡ, vỏ nhẵn, màu xám tro, không nứt, giác trắng. **Cành *non*** có lông mịn màu gỉ sắt. **Lá** đơn mọc cách, phiến dày dài 5-9cm, rộng 2-4cm, đầu lá có đuôi nhọn kéo dài, có 2 lá kèm nhọn. Cụm hoa hình chùm, mọc ở nách lá. **Hoa** màu trắng vàng, cánh đài hình chuông chia nhiều thùy, cánh tràng nhỏ phủ nhiều lông. **Quả** hạch hình thận 2cm, có 5 hạt.
Công dụng	Gỗ dùng trong xây dựng, đóng đồ gia dụng, công cụ lao động nông nghiệp.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VI
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 448, Nxb Nông Nghiệp, 2002

149. XOAN

Tên phổ thông loài: Xoan, lát hoa

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Chukrasia tabularis* A. Juss.

Họ: Meliaceae

Bộ: Rutales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Cành

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ vỏ thân màu xám nâu, **Cành non** có nhiều lỗ bì lớn màu trắng. **Lá** kép lông chim 2-3 lần, phiến lá màu xanh lục, lá non màu nâu tím. **Quả** nang, khô nứt thành 3 mảnh.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, mọc nơi rừng thưa, đất dày, ẩm. Rụng lá vào mùa khô.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, vỏ thân màu xám, hơi nứt dọc, cành có nhiều lỗ bì lớn. **Lá** kép lông chim 2-3 lần (các cuống lá cấp 2 ở giữa mang 2-3 lá phụ), phiến lá màu xanh lục, lá non màu nâu tím. **Hoa** nhỏ, mọc cụm chùy ở đầu cành. **Quả** nang, khô nứt thành 3 mảnh.
Công dụng	**Gỗ** làm nhà, xẻ ván.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VI
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 2, tr. 387, Nxb Trẻ, 1999

150. XOAN MỘC

Tên phổ thông loài: Xoan mộc

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Toona surenii* (Bl.) Merr.

Họ: Meliaceae

Bộ: Rutales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

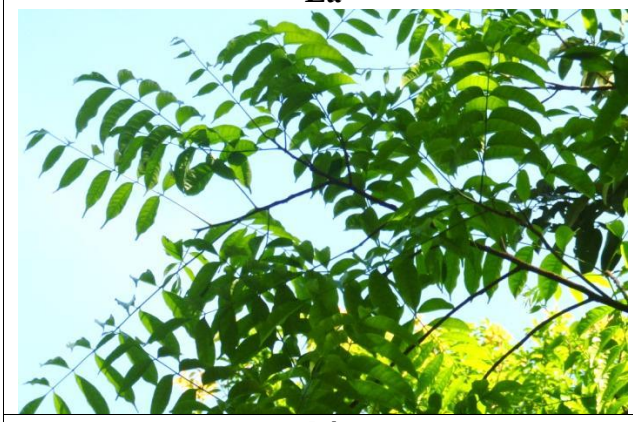

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa	Hoa
Nhựa - gum	**Hoa**

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ thân thẳng tròn, vỏ nổi mụn cóc, màu xám nâu, thịt vỏ nâu nhạt, vết nứt có chảy gum mềm.
Lá kép lông chim dài đến 60cm, có 13-17 cặp lá chét đối, màu lục nhạt nhìn từ dưới lên.
Hoa trắng mọc cụm dài và rủ xuống, vò nát có màu vàng nghệ (do dịch đĩa mật).

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thường xanh ẩm, độ cao 850m. Ưu hợp cây họ dẻ - long não – côm – xoan. Cây ưa sáng, đất bazan tầng dày tốt, tái sinh hạt tốt.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, cao 25-30m, thân tròn thẳng, **Cành non** nhiều lỗ bì. Lá kép lông chim 1 lần, dài 25 - 60cm, mang 13-17 cặp lá chét mọc đối hay gần đối, phiến lá chét hình nêm, đầu nhọn, gốc hơi tròn và lệch 1 bên. Hoa màu trắng, mọc thành cụm hình chùy ở đầu cành. Quả nang hóa gỗ hình bầu dục dài, có lỗ bì màu trắng bạc rải rác, dài 2,5-3,5cm. Hạt có cánh ở 2 đầu.
Công dụng	Gỗ màu hồng, mềm, dùng trong xây dựng, đóng đồ đạc, …
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VI
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 2, tr. 386, Nxb Trẻ, 1999

151. **XOAN TA**

Tên phổ thông loài: Xoan ta

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Melia azedarack* Linn.

Họ: Meliaceae

Bộ: Rutales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ thân

Hoa

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ, vỏ nâu xám, cành non hoặc thân non màu nâu đỏ có nhiều đốm trắng (khi cây rụng lá ta có thể nhận diện đặc điểm này cùng với **Quả** già khô). **Lá** kép lông chim 2-3 lần lẻ mọc cách, lá nhỏ hình trứng hay hình mũi mác dài 3-7cm, rộng 2-3cm, mép có răng cưa. **Quả** hình tròn dài(xoan) 2cm, đường kính 1cm.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây phân bố rộng từ đồng bằng lên miền núi, có khả năng chịu hạn, ưa sáng, tái sinh mạnh trên các nương rẫy hay rừng thứ sinh. Cây ưa khí hậu ẩm nóng.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ rụng lá, vỏ nâu xám, cành non hoặc thân non màu nâu đỏ có nhiều đốm trắng. **Lá** kép lông chim 2-3 lần lẻ mọc cách dài, lá nhỏ hình trứng hay hình mũi mác dài 3-7cm, rộng 2-3cm, mép có răng cưa. Cụm hoa hình chùy, hoa đều lưỡng tính, cánh đài 5-6, cánh tràng 5-6 hình dải, nhị đực hình ống trên đỉnh có răng. **Quả** hình tròn dài(xoan) 2cm, đường kính 1cm, vỏ ngoài nạc, vỏ trong hóa gỗ.
Công dụng	Gỗ ít mềm nhẹ, ít bị mối mọt, ít mục, dùng để làm nhà, đóng đồ dụng cụ gia đình. Hạt ép dầu, vỏ thân làm thuốc.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/2006/NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VI
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 583, Nxb Nông Nghiệp, 2002

PHỤ LỤC: XẾP LOẠI THỰC VẬT THEO MỨC ĐỘ NGUY CƠ

THEO SÁCH ĐỎ VIỆT NAM

Kí hiệu viết tắt	**Tiếng Anh**	**Tiếng Việt**	**Ý nghĩa từ**
EX	Extinct	Tuyệt chủng	Cá thể cuối cùng của một loài đã chết
CR	Critically Endangered	Cực kì nguy cấp	Đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng trong một tương lai rất gần, quần thể suy giảm đến 80%, diện tích phân bố chỉ còn khoảng 100km^2
EN	Endangered	Nguy cấp	Đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng trong một tương lai rất gần nhưng mức độ thấp hơn trên
VU	Vulnerable	Sắp nguy cấp	Không nằm trong 2 cấp trên nhưng phải đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng trong một tương lai không xa, quần thể suy giảm 20%, diện tích phân bố chỉ còn khoảng 20000Km^2
NT	Near threatened	Sắp bị đe dọa	Đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng trong một tương lai không xa.
R	Rare	Hiếm	Phân bố hẹp, số lượng ít, hiện tại chưa bị đe dọa đến sự tồn tại nhưng tương lai không xa sẽ bị.
T	Threatened	Bị đe dọa	Thuộc một trong những cấp trên nhưng chưa đủ tư liệu để xếp vào 1 cấp nào.
K	Insufficiently know	Thiếu dữ liệu	Không biết chính xác và thiếu thông tin để xếp vào một trong những cấp trên.

THEO NGHỊ NGHỊ ĐỊNH 32/2006/NĐ-CP VỀ QUẢN LÝ THỰC VẬT RỪNG, ĐỘNG VẬT RỪNG NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM

IA: Bao gồm những loài thực vật rừng bị nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại

IIA: Bao gồm những loài thực vật rừng bị hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại

TÀI LIỆU TRA CỨU

1. Nguyễn Tiến Bân, Cẩm nang Tra cứu và nhận biết các họ thực vật hạt kín ở Việt Nam, Nxb Nông Nghiệp, 2002
2. Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, Nxb Nông Nghiệp, 2002
3. Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam, Nxb Trẻ, 1999
4. Phạm Hoàng Hộ, Thực vật chúng, Nxb Lửa Thiêng, 1972
5. Nguyễn Nghĩa Thìn, Cẩm nang nghiên cứu Đa dạng sinh vật, Nxb Nông Nghiệp, 1996
6. Lê Mộng Trân – Lê Thị Huyền, Thực Vật Rừng, Nxb Nông Nghiệp Hà Nội, 2000
7. Sách đỏ Việt Nam, Nxb Khoa học tự nhiên và Công nghệ Hà Nội, 2007

Website:

ww2.bgbm.org
www.iucnredlist.org
www.plantsystematics.org
www.vncreatures.net
www.yokdonnationalpark.vn